

VĂN BẢN PHÁP LÝ

Số: *923* /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: ngày *29* tháng 4 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Xét Báo cáo thẩm định số 528/BC-SKHĐT ngày 05/3/2022, hồ sơ đề xuất và nội dung tham gia ý kiến của các sở, ngành, đơn vị; thực hiện Kết luận số 428-KL/TU ngày 21/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, nội dung như sau:

- 1. Tên dự án:** Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.
- 2. Loại dự án:** Đầu tư xây dựng khu đô thị có nhà ở.
- 3. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư:** Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.
- 4. Mục tiêu dự án**

Cụ thể hóa quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Dự án hoàn thành sẽ tạo ra một khu đô thị mới văn minh hiện đại với các sản phẩm, dịch vụ cung cấp như: Nhà ở xây thô, các ô đất ở liền kề, đất biệt thự, đất nhà ở xã hội, đất tái định cư, đất thương mại dịch vụ, công trình công cộng, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công viên, cây xanh...góp phần đáp ứng nhu cầu về phát triển chính trang đô thị và nhà ở trong khu vực và mang lại hiệu quả kinh tế xã hội. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương.

5. Quy mô dự án

5.1. Quy mô dân số: Khoảng 3.500 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất: 324.913m².

a. Hiện trạng sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)
1	Đất ở hiện trạng dân cư nông thôn	17.142
2	Đất trồng cây lâu năm	75.097
3	Đất trồng lúa	150.000
4	Đất trồng cây hàng năm	46.185
5	Đất nuôi trồng thủy sản (đất ao, hồ)	7.609
6	Đất mặt nước (sông, suối, kênh mương)	9.166
7	Đất khác (đất tôn giáo, nghĩa trang, nghĩa địa)	3.178
8	Đất giao thông (đất trống, đường nội đồng)	16.536
Tổng cộng		324.913

b. Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi đầu tư:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)
I	Đất ở đô thị - nông thôn	124.871,29
<i>I</i>	<i>Đất ở mới</i>	<i>88.067,75</i>
1.1	Đất ở liền kề	74.221,17
1.2	Đất ở biệt thự	13.846,58
2	Đất nhà ở xã hội	32.936,93
3	Đất ở tái định cư	3.866,61
II	Đất cây xanh, thể dục thể thao	68.546,99
2.1	Đất cây xanh công viên	32.968,45
2.2	Đất cây xanh thể dục thể thao	9.856,52
2.3	Mặt nước (hồ cảnh quan, sông, suối)	25.722,02
III	Đất công trình công cộng	11.756,4
3.1	Đất thương mại dịch vụ	6.935,47
3.2	Đất công trình văn hóa	1.380,01
3.3	Đất công trình y tế	767,01
3.4	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	2.673,91
IV	Đất bãi xe và HTKT	2.590,3
V	Đất giao thông đô thị	117.148,68
Tổng cộng		324.913,66

5.3. Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến:

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được duyệt.

- Tổng số lô đất ở là 797 lô gồm 57 lô đất ở biệt thự và 740 lô đất ở liền kề (chưa bao gồm đất ở tái định cư); trong đó, xây thô và hoàn thiện mặt ngoài 214 công trình nhà ở tại vị trí các ô đất ở liền kề có vị trí nằm bám trục Sông Công – Núi Cốc, mật độ xây dựng trung bình 80%, chiều cao 4-5 tầng, với tổng diện tích đất xây thô hoàn thiện mặt ngoài khoảng 21.300,5m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 80.092,7m².

- Số lượng lô đất ở tái định cư (dự kiến): 40 lô.

- Quỹ đất nhà ở xã hội, đất ở liền kề bố trí tái định cư, đất trường học, đất y tế, đất văn hóa, đất công trình thương mại sau khi giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật xong, sẽ bàn giao lại cho địa phương quản lý, đầu tư theo quy định.

- Đất cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước, bãi đỗ xe: thực hiện đầu tư hoàn chỉnh sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng.

5.4. Sơ bộ cơ cấu sản phẩm:

a. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

Nhà xây thô, đất ở liền kề, đất biệt thự, đất tái định cư, đất nhà ở xã hội, đất giáo dục, đất y tế, các công trình công cộng, đất thương mại, đất cây xanh, mặt nước, bãi đỗ xe, đất hạ tầng kỹ thuật, đất đường giao thông...

b. Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và đất ở:

- Đất ở liền kề: 74.221,17 m².

- Đất ở biệt thự: 13.846,58 m².

- Đất ở dự kiến tái định cư: 3.866,61 m².

5.5. Về quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, bảo vệ di tích Quốc gia/di tích Quốc gia đặc biệt, khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị loại đặc biệt:

- Quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội: 32.936,93 m².

- Dự án không thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích Quốc gia/di tích Quốc gia đặc biệt, không thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị loại đặc biệt.

5.6. Đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong phạm vi dự án:

a. Phương án đầu tư xây dựng:

Nhà đầu tư trực tiếp đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng khu vực dự án theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và các công trình theo quy định của pháp luật, đảm bảo kết nối đồng bộ các khu vực trong và ngoài dự án.

b. Sơ bộ công tác quản lý hạ tầng đô thị:

Trong quá trình đầu tư xây dựng, nhà đầu tư chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành toàn bộ hệ thống hạ tầng trong phạm vi dự án; đảm bảo sự kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án.

Kết thúc đầu tư, Nhà đầu tư bàn giao lại cho nhà nước và các đơn vị liên quan để quản lý, vận hành và cam kết không yêu cầu Nhà nước hoàn trả kinh phí đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình và bảo hành đối với công trình chuyển giao theo quy định.

5.7. Chuyển giao các công trình hạ tầng sau đầu tư:

- Nhà đầu tư chuyển giao cho UBND thành phố Sông Công quản lý đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình công cộng, đất tái định cư (nếu có)... theo quy định. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình và bảo hành đối với công trình chuyển giao theo quy định của pháp luật.

- Nhà đầu tư chuyển giao cho đơn vị khai thác, kinh doanh chuyên ngành (điện, nước, viễn thông) các hạng mục cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc... theo quy định.

- Cách thức chuyển giao:

+ Đối với các công trình có chuyển giao sẽ được nghiệm thu trước khi chuyển giao. Khi chuyển giao, Nhà đầu tư sẽ bàn giao đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng công trình cho bên nhận chuyển giao. Bên nhận chuyển giao được tham gia quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình trong giai đoạn xây dựng đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Đối với công trình đã qua sử dụng, trước khi chuyển giao phải tiến hành đánh giá kiểm định chất lượng, giá trị và hoàn thành các công tác bảo trì cần thiết theo quy định.

+ Thủ tục chuyển giao công trình được thực hiện theo quy định của pháp luật, có kèm theo hồ sơ hoàn công và các hồ sơ, tài liệu theo quy định.

+ Bên nhận chuyển giao có trách nhiệm quản lý khai thác công trình theo đúng công năng, bảo trì công trình theo các quy định của pháp luật.

5.8. Trách nhiệm tổ chức dịch vụ công ích và dịch vụ đô thị:

- Nhà đầu tư tổ chức thực hiện các dịch vụ công ích, dịch vụ đô thị phục vụ nhu cầu của người dân trong phạm vi dự án cho đến khi hoàn thành bàn giao toàn bộ dự án cho UBND thành phố Sông Công.

- UBND thành phố Sông Công có trách nhiệm xây dựng phương án tiếp nhận, quản lý khu đô thị mới theo quy định và tổ chức thực hiện các dịch vụ công ích, dịch vụ đô thị sau khi tiếp nhận bàn giao dự án theo quy định.

5.9. Hạng mục nhà đầu tư giữ lại để kinh doanh:

Sau khi hoàn thành xây dựng, Nhà đầu tư được kinh doanh, quản lý khai thác dự án bất động sản theo quy định của pháp luật.

6. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư): 599,998 tỷ đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu đồng).

Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án phải huy động nguồn vốn hợp pháp để thực hiện dự án theo quy định (trong đó vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư dự án). Sơ bộ vốn đầu tư của dự án nêu trên chỉ là dự kiến, không sử dụng để tính toán tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án, việc xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm tính từ ngày nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

9. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến: Năm 2022 đến hết năm 2026.

10. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Sông Công triển khai các thủ tục tiếp theo để thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo thực hiện nghiêm những nội dung được quy định tại Điều 1 của Quyết

định này và văn bản chấp thuận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nếu để xảy ra sai sót phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và các quy định, quy chế của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về thông tin, số liệu trong Báo cáo thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương và các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị hướng dẫn UBND thành phố Sông Công thực hiện các thủ tục theo đúng quy định.

4. Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Sông Công và các sở, ngành, đơn vị có liên quan để đăng tải nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sông Công và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lưu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH

CuongLv.210 *R*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 29-04-2022 18:38:03
+07:00

Trịnh Việt Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/QĐ-UBND

Sông Công, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng";

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành áp dụng một số tiêu chuẩn quy hoạch giao thông, đất cây xanh, đất công cộng tối thiểu trong công tác quy hoạch, xây dựng phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận Sông Công).

Căn cứ Biên bản làm việc và phiếu lấy ý kiến cộng đồng dân cư ngày 24/3/2020 tại UBND xã Bá Xuyên; Ngày 28/4/2020 tại xã Bình Sơn;

Căn cứ các ý kiến tham gia của các Sở, ngành: Ban chỉ huy Quân sự thành phố Sông Công tại Văn bản số 304/BCH-TM ngày 23/4/2020; Sở Giao

thông vận tải tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 696/SGTVT-QLCLCT&ATGT ngày 27/4/2020; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 938/SNN-QLXDCT ngày 13/5/2020; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 1247/STNMT-QLDD ngày 05/5/2020;

Căn cứ Văn bản số 1132/SXD-QHKT ngày 20/5/2020 của Sở Xây dựng Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận Sông Công);

Xét Báo cáo kết quả thẩm định số 200/TĐQH-QLĐT ngày 8/5/2020 của phòng Quản lý đô thị thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công) với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công).

2. Địa điểm quy hoạch: Thuộc địa bàn xã Bá Xuyên và xã Bình Sơn, thành phố Sông Công.

3. Nội dung chính của quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu trục đường du lịch Sông Công - Núi Cốc: Chiều dài tuyến đường nằm trên địa phận thành phố Sông Công là 8,0km; Điểm đầu tuyến là Km 0+000 giao với đường tỉnh lộ ĐT262 và đường Lê Hồng Phong thuộc địa phận xã Bá Xuyên thành phố Sông Công; Điểm cuối tuyến tại Km8+00 thuộc xã Bình Sơn (địa phận giáp ranh xã Bình Sơn, thành phố Sông Công và xã Tân Cương thuộc thành phố Thái Nguyên).

- Ranh giới đồ án được giới hạn cơ bản như sau:

+ Phía Đông giáp đường Vũ Xuân (đường tỉnh lộ ĐT262).

+ Phía Tây giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện có.

+ Phía Nam giáp khu dân cư hiện có các khu đất đất nông nghiệp, lâm nghiệp thuộc địa bàn xã Bá Xuyên và xã Bình Sơn.

+ Phía Bắc giáp các khu dân cư hiện có các khu đất đất nông nghiệp, lâm nghiệp, hành lang dòng Sông Công thuộc địa bàn xã Bá Xuyên và xã Bình Sơn.

b) Quy mô quy hoạch:

- Quy mô diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch trực đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công – Núi Cốc tỉnh Thái Nguyên (địa phận thành phố Sông Công) là: 222,18 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc là: 27,26 ha.

+ Diện tích đất các khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công – Núi Cốc trong là: 194,92 ha.

- Quy mô dân số tính toán: Dự kiến 11.000 dân.

e) Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Là đồ án quy hoạch tuyến đường du lịch Sông Công – Núi Cốc và quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị để hoàn vốn cho dự án đầu tư xây dựng đường du lịch Sông Công – Núi Cốc.

Là đồ án quy hoạch có quy mô nghiên cứu cấp “Đơn vị ở” phát huy mọi thế mạnh về điều kiện tự nhiên, văn hoá, xã hội... Phục vụ cho xây dựng và phát triển đô thị Sông Công, đóng góp quan trọng vào quá trình tăng trưởng về quỹ nhà ở, dịch vụ, thương mại và các công trình phúc lợi xã hội khác.

d) Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

- Cơ cấu sử dụng đất: Các khu chức năng chính sử dụng đất trong đồ án được xác định bao gồm có:

+ Đất ở đô thị - Nông thôn: Đất ở liền kề, biệt thự, tái định cư; đất hiện trạng làng xóm; đất nhà ở xã hội.

+ Đất cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước.

+ Đất thương mại dịch vụ, công trình công cộng: Công trình văn hóa, y tế, trường học, thương mại dịch vụ, đất hỗn hợp.

+ Đất khác trong phạm vi dân dụng: Đất nghĩa trang, xây xanh cách ly.

+ Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Trạm xử lý nước thải, trạm bơm, trạm biến áp, taluy, tường chắn.

+ Đất giao thông: Đường giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, bãi đỗ xe.

- Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích lập quy hoạch	2.221.818,51	100,0
1	Đất ở đô thị - nông thôn	871.301,37	39,22
-	Đất ở biệt thự	147.433,62	6,64
-	Đất nhà ở liền kề	349.148,91	15,71
-	Đất nhà ở hỗn hợp	13.922,53	0,63
-	Đất nhà ở tái định cư	53.000,39	2,39
-	Đất nhà ở xã hội	163.683,05	7,37

-	Đất hiện trạng	144.112,87	6,49
2	Đất cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước	272.857,59	12,28
-	Đất cây xanh công viên	158.677,79	7,14
-	Đất cây xanh thể dục thể thao	68.523,89	3,08
-	Mặt nước (hồ cảnh quan, sông, suối)	45.655,91	2,05
3	Đất thương mại dịch vụ, công trình công cộng	227.440,74	10,24
-	Đất công trình văn hóa	12.238,13	0,55
-	Đất công trình y tế	11.741,14	0,53
-	Đất trường học	55.666,68	2,51
	Đất nhà trẻ, mẫu giáo:	24.346,87	1,10
	+ Đất trường tiểu học	17.674,44	0,80
	+ Đất trường trung học cơ sở	13.645,37	0,61
-	Đất thương mại dịch vụ	82.094,89	3,69
-	Đất hỗn hợp (spa, nghỉ dưỡng...)	65.699,90	2,96
4	Đất khác trong phạm vi dân dụng	14.097,79	0,63
-	Đất nghĩa trang hiện trạng (đóng cửa)	9.121,93	0,41
-	Đất cây xanh cách ly	4.975,86	0,22
5	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	25.275,42	1,14
-	Đất trạm xử lý nước thải, trạm bơm, trạm biến áp	6.180,40	0,28
-	Đất Taluy, tường chắn	19.095,02	0,86
6	Đất giao thông	810.845,60	36,49
-	Đất giao thông đối ngoại	272.581,13	12,27
-	Đất giao thông đô thị	538.264,47	24,23
	+ Bãi đỗ xe	4.854,48	0,22
	+ Đường giao thông	533.409,99	24,01

- Mật độ xây dựng:

+ Công trình nhà ở: Mật độ xây dựng tối đa khu nhà liền kề là 80%. Các khu đất ở biệt thự, nhà ở xã hội, chung cư mật độ xây dựng tối đa 70%.

+ Công trình công cộng (Công trình văn hóa, y tế, trường học): Mật độ xây dựng tối đa 40%.

+ Các công trình thương mại dịch vụ: Mật độ xây dựng tối đa 60%.

+ Các khu cây xanh, công viên, sân vườn: Mật độ xây dựng tối đa 5%.

+ Các khu cây xanh thể dục thể thao (chuyên đề): Mật độ xây dựng tối đa 20%.

- Tầng cao công trình:

+ Công trình nhà ở (liền kề, biệt thự, NOXH thấp tầng): 02÷05 tầng.

+ Công trình công cộng (Nhà văn hóa, y tế, trường học): 01÷ 03 tầng.

+ Công trình dịch vụ thương mại: 01 ÷ 10 tầng;

+ Công trình Nhà ở xã hội cao tầng, chung cư cao tầng: 01 ÷ 07 tầng.

e) Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian: Kết hợp hài hoà giữa cây xanh, mặt nước với công trình kiến trúc và cảnh quan tổng thể của cả khu vực xung quanh. Lấy không gian lõi là hệ thống mặt nước, không gian trống dòng Sông Công làm bố cục không gian, điểm nhấn chính của khu đô thị. Hình thành các trục đường nội bộ mạng carô để liên kết toàn khu vực.

Tận dụng điều kiện địa hình để xây dựng khu cảnh quan, hồ nước công viên trung tâm để làm lõi không gian xanh cho đồ án. Trên dọc trục đường chính đô thị (đường Sông Công – Núi Cốc) bố trí các quỹ đất lớn (cây xanh, công cộng) để tạo không gian điểm nhấn, đồng thời cũng là không gian tổ chức các sự kiện mang nét đặc trưng vùng miền.

Các dãy nhà ở chia lô liên kề và nhà ở biệt thự bố trí tập trung thành khu vực riêng biệt để tạo sự đồng nhất trong hình thức kiến trúc đô thị; riêng dãy nhà ở liên kề, biệt thự dọc hai bên khu cây xanh, mặt nước được bố trí kết hợp với dịch vụ phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí cho đô thị. Mặt chính công trình bố trí tối đa về hướng Nam để đón gió mát. Giữa các nhóm nhà ở xây dựng các vườn hoa nhỏ gắn với nhà văn hoá các xóm, sân thể thao nhỏ làm nơi vui chơi cho cộng đồng.

- Kiến trúc cảnh quan: Hình thức kiến trúc hiện đại phù hợp với vùng miền và cảnh quan chung. Màu sắc công trình khuyến khích dùng gam màu sáng tỷ lệ phối kết sắc độ hợp lý, tạo vẻ đẹp công trình. Không gian kiến trúc cảnh quan ngoài công trình (*cây xanh, sân vườn*). Tổ chức hoàn thiện để tôn công trình, đồng thời để tạo sự hài hòa với tổng thể không gian kiến trúc của từng cụm công trình. Lấy không gian cây xanh công viên và hồ điều hòa trung tâm và dòng Sông Công làm điểm nhấn cho toàn đô thị, đây là không gian trống và là điểm thu hút không gian sinh hoạt cộng đồng. Trên dọc trục đường chính đô thị (đường Sông Công – Núi Cốc) bố trí các quỹ đất lớn (cây xanh và công cộng) để tạo không gian điểm nhấn xây dựng các công trình thương mại cao tầng, đồng thời cũng chính là không gian tổ chức các sự kiện mang nét đặc trưng vùng miền.

f) Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

* Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Mặt cắt A-A: Đường vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, cắt ngang qua dự án. Lộ giới rộng 62,5m (Đường gom: $16,5m \times 2 = 33m$; Hệ đường: $2 \times 3,5m = 7m$; Lòng đường: 22,5m).

+ Mặt cắt 2A-2A: Đường tỉnh lộ 262. Lộ giới rộng 19,5m (Vía hè: $6,0m \times 2 = 12,0m$; Lòng đường: 7,5m).

- Giao thông đối nội:

+ Mặt cắt 1A-1A (trục đường Sông Công – Núi Cốc): Từ điểm đầu tuyến Km 0+000 đến Km1+700 đầu cầu phía bờ Đông của Sông Công. Lộ giới rộng 36,0m (Via hè: $6,5m \times 2 = 13,0m$; Lòng đường: $10m \times 2 = 20,0m$; Dải phân cách: 3,0m).

+ Mặt cắt 1B-1B (trục đường Sông Công – Núi Cốc): Từ đầu cầu bờ Đông Sông Công (Km1+700) đến Km7+300. Lộ giới rộng 34,5m (Via hè: $6,5m \times 2 = 13,0m$; Lòng đường: $10m \times 2 = 20,0m$; Dải phân cách: 1,5m).

+ Mặt cắt 1C-1C (trục đường Sông Công – Núi Cốc): Nối tiếp từ Km7+300 đến điểm cuối ranh giới với của xã Bình Sơn, địa phận thành phố Sông Công. Km8+000. Lộ giới rộng 22,5m (Lề: $0,5m \times 2 = 5,0m$; Lòng đường: $10m \times 2 = 20,0m$; Dải phân cách: 1,5m).

+ Mặt cắt 2B-2B: Lộ giới rộng 19,5m (Via hè: $4,5m \times 2 = 9,0m$; Lòng đường: 10,5m).

+ Mặt cắt 3-3: Lộ giới rộng 25,5m (Via hè: $5,25m \times 2 = 10,5m$; Lòng đường: 15,0m).

+ Mặt cắt 4-4: Lộ giới rộng 27,0m (Via hè: $4,0m \times 2 = 8,0m$; Lòng đường: $7,0m \times 2 = 14,0m$; Dải phân cách: 5m).

+ Mặt cắt 5-5: Lộ giới rộng 25,0m (Via hè: $5,0m \times 2 = 10,0m$; Lòng đường: 15,0m).

+ Mặt cắt 6-6: Lộ giới rộng 29,0m (Via hè: $7,5m \times 2 = 15,0m$; Lòng đường: 14,0m).

+ Mặt cắt 7-7: Lộ giới rộng 20,5m (Via hè: $5,0m \times 2 = 10,0m$; Lòng đường: 10,5m).

+ Mặt cắt 8A-8A: Lộ giới rộng 15,5m (Via hè: $4,0m \times 2 = 8,0m$; Lòng đường: 7,5m).

+ Mặt cắt 8B-8B: Lộ giới rộng 12,5+15,5m (Via hè: $1,0 \div 3m + 4,0m = 5,0 \div 8,0m$; Lòng đường: 7,5m).

+ Mặt cắt 8C-8C: Lộ giới rộng 14,0m (Via hè: $3,0m + 5,0m = 8,0m$; Lòng đường: 6,0m).

+ Mặt cắt 9-9: Lộ giới rộng 15,0m (Via hè: $4,0m \times 2 = 8,0m$; Lòng đường: 7,0m).

+ Mặt cắt 10-10: Lộ giới rộng 7,0+9,5m (Via hè: $1,0m \times 2 = 2,0m$; Lòng đường: $5,0 \div 7,5m$).

+ Mặt cắt 11: Lộ giới rộng 5,5+7,0m

- Chỉ tiêu kỹ thuật: Bán kính bó vỉa: $R = 8,0m$ đến $15,0m$; Độ dốc ngang mặt đường: $i_n = 2\%$; Độ dốc ngang vỉa hè: $i_h = 1,5\%$.

- Cầu qua Sông Công: Vị trí cầu tại Km1+700 địa phận xã Bá Xuyên. Quy mô bề rộng cầu 26,5m bao gồm: Mặt đường: $10,0m \times 2 = 20,0m$, Giải phân cách: 1,5m, Lề, hè đi bộ: $2 \times 2,5m = 5,0m$.

- Cầu Bình Định qua suối Hồ Ghềnh chè: Vị trí cầu tại Km6+100 địa phận xã Bình Sơn. Quy mô bề rộng cầu 26,5m (Mặt đường: $10,0m \times 2 = 20,0m$; Giải phân cách: 1,5m; lề, hè đi bộ: $2 \times 2,5m = 5,0m$).

* Quy hoạch chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

- Đối với các khu hiện trạng: Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ từ 0,0m + 3,0m, tùy từng vị trí xây dựng công trình.

- Đối với các lô đất ở thấp tầng (Lô ở liền kề, biệt thự, nhà ở xã hội liền kề)

+ Lô đất ở liền kề, đất nhà ở xã hội dạng liền kề: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Lô đất ở biệt thự: Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ là 3,0m.

+ Lô đất nhà ở xã hội cao tầng: Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu là: 6,0m tùy từng vị trí lô đất xây dựng công trình.

+ Lô đất các công trình công cộng - dịch vụ thấp tầng: Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu là: 3,0m tùy từng vị trí lô đất xây dựng công trình.

+ Đối với các công trình công cộng - dịch vụ cao tầng: Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu là: 6,0m.

* Bãi đỗ xe:

- Bố trí trong mỗi tiểu khu ở (Khu A, B, C, D) từ 01 bãi đỗ xe tập trung trở lên, các điểm bố trí bãi đỗ luôn kết hợp với khuôn viên cây xanh để tạo tiện ích cho sử dụng. Bố trí 01 khu quảng trường tại khuôn viên khu cây xanh trung tâm.

* Quy hoạch san nền:

- Quy hoạch san nền khu vực quy hoạch được thiết kế tuân thủ theo định hướng quy hoạch chung đã được phê duyệt và kết hợp với nghiên cứu theo điều kiện địa hình thực tế.

- Cao độ thiết kế nút giao thông cao nhất: 29,40m. Cao độ San nền nút giao thông thấp nhất: 19,00m. Hướng dốc chủ đạo là Đông Nam - Tây Bắc, nước mưa thoát dần về phía suối chảy qua dự án và thoát ra Sông Công.

- Tại các khu vực san lấp giáp hai bên Sông Công và giáp ranh hiện trạng, để đảm bảo tính ổn định cho nền đất san lấp, giải quyết chênh lệch cao độ giữa 2 khu, sẽ tiến hành xây dựng các tuyến kè đá hoặc taluy đắp có chiều cao trung bình từ +2,0m đến +3.0m.

- Khu vực giáp khu dân cư hiện trạng: San nền khu vực đô thị được tiếp nối với các khu dân cư hiện trạng, đảm bảo không chênh cao lớn; các trường hợp có chênh cao độ, tiến hành xây dựng vùng đệm giữa 2 khu vực để xây dựng tường chắn đất hoặc taluy và kết nối 2 khu vực này bằng đường giao thông nội bộ.

* Quy hoạch thoát nước mưa, mương thủy lợi:

- Hệ thống thoát nước mưa của khu quy hoạch cơ bản vẫn tuân theo các lưu vực thoát nước tự nhiên, tận dụng tối đa các hệ thống thoát nước hiện trạng và hướng dốc trong thiết kế san nền, đồng thời cơ bản tuân theo hệ thống thoát nước mưa của đồ án quy hoạch chung thành phố Sông Công đã được phê duyệt.

- Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT D600mm, D800mm, D1000mm, D1500mm và cống hộp BxH = 2000x2000mm.

- Thiết kế phân tán theo dạng cành cây cho từng lưu vực nhỏ theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước nhanh nhất, không gây ngập úng cho các khu vực quy hoạch. Dọc theo các tuyến cống xây dựng các hố ga kiểm tra chế độ làm việc của hệ thống. Khoảng cách các hố ga trung bình khoảng 30 – 40m tùy theo độ dốc đáy cống.

- Đối với các khu vực trong lưu vực nước đổ vào bố trí các cống đón nước, hoặc mương để tiêu thoát nước, không làm ngập úng khu vực đô thị. Đối với các khu vực thấp cao hơn khu vực xung quanh, có giải pháp gom nước xả vào nơi quy định, không để nước mưa chảy từ đô thị vào làm ngập úng khu vực xung quanh. Đối với khu vực nhà dân hiện hữu, tiếp giáp hoặc nằm trong đô thị, bố trí hệ thống thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước của khu vực hiện trạng, có giải pháp xử lý để đồng bộ, hài hòa giữa 2 khu vực.

* Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn cấp: Được đầu nối từ lưới điện 22KV-lộ 473 E6.3 - Trạm biến áp 110/35/22kV Gò Đầm, thành phố Sông Công, công suất 2x63MVA.

- Tổng nhu cầu cấp điện dự kiến: 56.338,0 KVA.

- Tuyến dây trung thế 22KV:

+ Lưới điện 22KV hiện trạng: Điều chỉnh hướng tuyến, hạ ngầm đi trong hệ thống mương cáp kỹ thuật và được hoàn trả lại lộ trình đường dây cấp đến các trạm biến áp.

+ Lưới điện 22KV xây mới: Xây dựng các tuyến cáp 22KV xây mới, đi ngầm trong hệ thống mương cáp kỹ thuật trên hè đường để cung cấp điện cho các trạm biến áp.

- Trạm biến Áp 22/0,4KV: Chia trạm biến áp theo từng mật độ công suất của từng tiểu khu. Đối với các trạm biến áp hiện có, sẽ điều chỉnh vị trí phù hợp với phương án quy hoạch sử dụng đất mới nhưng vẫn đảm bảo đường dây ổn định cấp điện sinh hoạt và sản xuất của dân cư hiện trạng. Các trạm biến áp xây mới dùng loại trạm kios kiểu kín, đảm bảo mỹ quan đô thị, vị trí đặt trạm trong khu đất cây xanh.

- Lưới 0,4KV: Sử dụng cáp lõi đồng bọc PVC đi ngầm trong ống cáp cấp điện từ trạm biến áp khu vực đến từng tủ điện phân phối đặt trên vỉa hè đường. Mỗi tủ điện phân phối cấp điện cho 6 – 8 hộ.

- Lưới chiếu sáng: Cấp điện cho hệ thống đèn chiếu sáng dùng cáp kỹ hiệu Cu/XLPE/DSTA/PVC luồn trong ống nhựa vặn xoắn HDPE, chôn ngầm đất. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn cao áp LED 100-150W đặt hai bên hè đường đối với những tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường $\geq 10m$ và đặt một bên hè đường với những tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường $\leq 10m$. Khoảng cách đèn trung bình là 30 - 35m.

- Hệ thống cấp điện cụ thể sẽ do cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định.

* Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Tổng nhu cầu điện thoại cố định thuê bao trong phạm vi khu vực lập quy hoạch là 20.300 số. Theo quy hoạch tổng thể khu vực quy hoạch thuộc phạm vi phục vụ của tổng đài bưu điện khu vực thành phố Sông Công. Nguồn đầu nối cấp là từ hệ thống cáp đang có chạy ngầm theo tuyến đường tỉnh lộ ĐT262. Từ nguồn đầu nối tổng này, bố trí các tuyến cáp đến tủ cáp (cáp quy chuẩn 100 x 2 đôi dây) đến các ô đất xây dựng. Trước mắt các tuyến cáp được hạ ngầm đi trong hào kỹ thuật chung với hệ thống điện.

- Hệ thống thông tin cụ thể sẽ do cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định.

* Quy hoạch cấp nước, PCCC:

- Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt và chữa cháy: $Q_t = 7.320 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Nguồn cấp: Hiện tại điểm đầu nối nguồn nước được xác định đầu vào nguồn từ đường ống cấp D100 hiện có chạy dọc theo đường ĐT262.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo sơ đồ mạng vòng kết hợp mạng lưới cụt chạy dọc theo trục đường giao thông chính của khu quy hoạch. Đường kính ống phân phối chính D110-D250mm, các đường ống dịch vụ từ D50-63mm. Ống cấp nước phân phối dùng ống nhựa HDPE - PN10 D63. Đường ống cấp nước được đi ngầm dưới hè đường.

- Đường ống cứu hỏa sử dụng ống HDPE D110-D300. Trên các trục đường ống cấp nước bố trí các họng cứu hỏa. Các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới đường ống cấp nước được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới từ 100m -150m.

* Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, VSMT:

- Thoát nước thải: Tổng lưu lượng thoát nước thải của khu quy hoạch là: $Q_m = 4.300 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$ Nước thải thoát riêng với nước mưa. Sau khi qua xử lý cục bộ tại các bể tự hoại ở các công trình, nước thải được thu về cống gom. Tất cả nước thải sau khi được thu gom sẽ được dẫn vào hệ thống thu gom chung và đưa về các trạm xử lý nước thải. Mạng lưới đường ống thoát nước thải gồm các hố thu, tuyến cống BTCT D300- 400mm, các tuyến cống dẫn có nhiệm vụ thu gom và đưa nước thải đến các trạm xử lý đặt tại các tiểu khu.

- Quy hoạch 04 công trình trạm xử lý nước thải: Trạm xử lý 01 công suất 1500 $\text{m}^3/\text{ng.đ.}$; Trạm xử lý 02 công suất 1000 $\text{m}^3/\text{ng.đ.}$; Trạm xử lý 03 công suất 700 $\text{m}^3/\text{ng.đ.}$; Trạm xử lý 04 công suất 1000 $\text{m}^3/\text{ng.đ.}$

- Rác thải: Tổng lượng rác thải thu gom dự kiến: 14,4 tấn/ng.đ. Rác thải sinh hoạt và chất thải rắn được tập trung tại các điểm tập kết và thu gom bằng các xe chuyên dụng chuyên về bãi rác chung của thành phố.

- Nghĩa trang: Các nghĩa trang trong khu quy hoạch được khoanh vùng và không phát triển thêm, trồng cây xanh đảm bảo môi trường. Toàn bộ nhu cầu táng mới của người dân định hướng về nghĩa trang tập trung của thành phố theo quy hoạch chung.

4. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Kèm theo Quyết định này là bản quy định quản lý theo quy hoạch.

Điều 2. Phòng Quản lý Đô thị thành phố phối hợp với UBND xã Bá Xuyên, UBND xã Bình Sơn và các cơ quan chức năng tổ chức công bố quy hoạch, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Tổ chức quản lý việc thực hiện lập dự án thành phần theo quy hoạch được duyệt và theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố; Thủ trưởng các Phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Bá Xuyên, Chủ tịch UBND xã Bình Sơn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /u

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
 - Lưu: VT, QLĐT, 07b.
- Linh.D\QHCT\2019\Ghánh chề-Nói cốc\QH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **480** /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: ngày **11** tháng 03 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc gia hạn thời gian đăng ký thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc gia hạn (lần 2) thời gian đăng ký thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Công văn số 5670/UBND-TH ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID nộp;

Xét Báo cáo thẩm định số 468/BC-SKHĐT ngày 06/02/2024, Tờ trình số 469/TTr-SKHĐT ngày 06/02/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID là nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công đã được UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 29/4/2022, với nội dung như sau:

Điều 1. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Tên nhà đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID, trong đó:

a) Thành viên liên danh thứ nhất (đứng đầu liên danh): Công ty Cổ phần AAC Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102526578 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 20/11/2007, thay đổi lần thứ 22 ngày 30/3/2022

- Mã số thuế: 0102526578

- Địa chỉ: Tầng 26, tòa tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 0915.301.180

b) Thành viên liên danh thứ hai: Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0105025361 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 01/12/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 01/4/2022

- Mã số thuế: 0105025361

- Địa chỉ: 430, Cầu Am, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 0432.484.282

2. Tỷ lệ về vốn góp của các nhà đầu tư

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp	
		VND (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	100,80	84
2	Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID	19,20	16

Điều 2. Thông tin về dự án đầu tư

1. Sơ bộ tổng vốn đầu tư dự án: 769,79 tỷ đồng. Trong đó:

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (m1): 599,99 tỷ đồng.

- Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (m2): 169,80 tỷ đồng.

2. Vốn đầu tư của dự án: Vốn khác. Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư: 120,0 tỷ đồng.

- Vốn do nhà đầu tư huy động hợp pháp: Phần còn lại của tổng vốn đầu tư.

3. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ huy động các nguồn vốn:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)		
1	Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	100,8	84%	Tiền mặt	90 ngày kể từ ngày Quyết định chấp thuận nhà đầu tư
2	Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID	19,200	16%		

- Vốn huy động (dự kiến): Theo tiến độ đầu tư xây dựng.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành: Đến hết Quý IV/2026.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm tính từ ngày nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:


1. UBND thành phố Sông Công chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật để triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, UBND thành phố Sông Công và các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị hướng dẫn, phối hợp với Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định; đồng thời thực hiện công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát theo đúng quy định hiện hành.

3. Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID

Bổ trí nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan sớm hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án theo đúng tiến độ và các quy định hiện hành. Định kỳ hàng quý gửi báo cáo tiến độ thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp kiểm tra, theo dõi, quản lý theo quy định.

Thực hiện đầy đủ thủ tục bảo đảm thực hiện dự án, thủ tục về đất đai, quy hoạch, xây dựng, nghĩa vụ tài chính; chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, văn hóa xã hội, an toàn lao động và các quy định có liên quan của pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sông Công; Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, KT, TH.

Quang. 84. QĐ. 2024



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HƯỜNG TRỰC



Đặng Xuân Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

Số: 2636/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sông Công, ngày 18 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công – Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ: sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công – Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận thành phố Sông Công);

Căn cứ Văn bản số 2865/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 15/9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát, kiểm tra điều kiện để thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1A và 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;



Xét Từ trình số 410/TTr-QLĐT ngày 14/10/2021 của phòng Quản lý đô thị thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công) với những nội dung chính sau:

I. Tên quy hoạch: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Trục đường và các khu chức năng hai bên tuyến đường Du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (Địa phận thành phố Sông Công).

II. Địa điểm quy hoạch: Thuộc địa bàn xã Bá Xuyên và xã Bình Sơn, thành phố Sông Công.

III. Các nội dung chính của đồ án quy hoạch

1. Phạm vi ranh giới, quy mô khu vực quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch

Vị trí, ranh giới điều chỉnh quy hoạch không thay đổi so với đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

- Phía Đông giáp đường Vũ Xuân (đường tỉnh lộ ĐT262).

- Phía Tây giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện có.

- Phía Nam giáp khu dân cư hiện có các khu đất đất nông nghiệp, lâm nghiệp thuộc địa bàn xã Bá Xuyên và xã Bình Sơn.

- Phía Bắc giáp các khu dân cư hiện có các khu đất đất nông nghiệp, lâm nghiệp, hành lang dòng Sông Công thuộc địa bàn xã Bá Xuyên và xã Bình Sơn.

1.2. Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch

- Quy mô diện tích: Giữ nguyên theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công là: 222,18ha.

- Quy mô dân số: Giữ nguyên theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công là: 11.000 người.

2. Lý do điều chỉnh cục bộ quy hoạch

Căn cứ khoản 1, Điều 5, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, được sửa đổi bổ sung tại điểm 1, khoản 4, Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021. Trong quá trình thực hiện dự án, khảo sát lại thực tế sử dụng đất, mức thu nhập bình quân của người dân tại địa bàn xã Bá Xuyên. Nhận thấy sự cần thiết phải bổ sung quỹ đất ở tái định cư và nhà ở xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân

tại địa bàn xã Bá Xuyên, do đó điều chỉnh giảm một số vị trí quy hoạch đất nhà ở liền kề thành quy hoạch đất ở tái định cư và đất nhà ở xã hội.

3. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

3.1. Điều chỉnh 20.436,15m² đất nhà ở liền kề thành đất nhà ở tái định cư và đất nhà ở xã hội. Tổng thể có 13 vị trí lô đất điều chỉnh chức năng thuộc tiểu khu A, cụ thể như sau:

- Vị trí số 1: Điều chỉnh đất ở liền kề (A-LK-49) thành đất ở tái định cư (A-TDC-05).

- Vị trí số 2: Điều chỉnh đất ở liền kề (A-LK-46) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-16).

- Vị trí số 3: Điều chỉnh đất ở liền kề (A-LK-48) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-17).

- Vị trí số 4: Điều chỉnh đất ở liền kề (A-LK-07) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-18).

- Vị trí số 5: Điều chỉnh đất ở liền kề (A-LK-13) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-19).

- Vị trí số 6: Điều chỉnh đất ở liền kề (A-LK-08) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-20).

- Vị trí số 7: Điều chỉnh đất ở liền kề ký hiệu (A-LK-09) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-21).

- Vị trí số 8: Điều chỉnh đất ở liền kề ký hiệu (A-LK-10) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-22).

- Vị trí số 9: Điều chỉnh đất ở liền kề ký hiệu (A-LK-11) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-23).

- Vị trí số 10: Điều chỉnh đất ở liền kề ký hiệu (A-LK-12) thành đất nhà ở xã hội (A-OXH-24).

- Vị trí số 11: Điều chỉnh đất ở liền kề ký hiệu (A-LK-14) thành đất ở tái định cư (A-TDC-06).

- Vị trí số 12: Điều chỉnh đất ở liền kề ký hiệu (A-LK-16) thành đất ở tái định cư (A-TDC-07).

- Vị trí số 13: Điều chỉnh giảm diện tích đất ở liền kề ký hiệu (A-LK-17) thành đất ở tái định cư (A-TDC-08).

(Chi tiết các nội dung điều chỉnh xem bản vẽ kèm theo)

3.2. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng 1 - Cân bằng sử dụng đất trước và sau điều chỉnh

STT	Chức năng sử dụng đất	Quy hoạch theo QĐ số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020		Sau điều chỉnh cục bộ		Tăng(+) /giảm(-) (m ²)
		Diện tích quy hoạch đã phê duyệt (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích điều chỉnh cục bộ quy hoạch (m ²)	Tỷ lệ (%)	
	Tổng diện tích lập quy hoạch	2.221.818,51	100,0	2.221.818,51	100,0	-
I	Đất ở đô thị - nông thôn	871.301,37	39,22	871.301,37	39,22	-
1	Đất ở biệt thự	147.433,62	6,64	147.433,62	6,64	-
2	Đất nhà ở liền kề	349.148,91	15,71	328.712,76	14,79	-20.436,15
3	Đất nhà ở hỗn hợp	13.922,53	0,63	13.922,53	0,63	-
4	Đất nhà ở tái định cư	53.000,39	2,39	59.582,66	2,68	+6.582,25
5	Đất nhà ở xã hội	163.683,05	7,37	177.536,95	7,99	+13.853,90
6	Đất nhà ở hiện trạng (cải tạo chính trang)	144.112,87	6,49	144.112,87	6,49	-
II	Đất cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước	272.857,59	12,28	272.857,59	12,28	-
1	Đất cây xanh công viên	158.677,79	7,14	158.677,79	7,14	-
2	Đất cây xanh thể dục thể thao	68.523,89	3,08	68.523,89	3,08	-
3	Mặt nước (hồ cảnh quan, sông, suối)	45.655,91	2,05	45.655,91	2,05	-
III	Đất thương mại dịch vụ, công trình công cộng	227.440,74	10,24	227.440,74	10,24	-
1	Đất công trình văn hóa	12.238,13	0,55	12.238,13	0,55	-
2	Đất công trình y tế	11.741,14	0,53	11.741,14	0,53	-
3	Đất trường học	55.666,68	2,51	55.666,68	2,51	-
-	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	24.346,87	1,10	24.346,87	1,10	-
-	Đất trường tiểu học	17.674,44	0,80	17.674,44	0,80	-
-	Đất trường trung học cơ sở	13.645,37	0,61	13.645,37	0,61	-
4	Đất thương mại dịch vụ	82.094,89	3,69	82.094,89	3,69	-
5	Đất hỗn hợp (spa, nghỉ dưỡng...)	65.699,90	2,96	65.699,90	2,96	-
IV	Đất khác trong phạm vi dân dụng	14.097,79	0,63	14.097,79	0,63	-
1	Đất nghĩa trang hiện trạng (đóng cửa)	9.121,93	0,41	9.121,93	0,41	-
2	Đất cây xanh cách ly	4.975,86	0,22	4.975,86	0,22	-
V	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	25.275,42	1,14	25.275,42	1,14	-
I	Đất trạm xử lý nước thải, trạm bơm, trạm	6.180,40	0,28	6.180,40	0,28	-

	biến áp					
2	Đất Taluy, trồng chăn	19.095,02	0,86	19.095,02	0,86	-
V1	Đất giao thông	810.845,60	36,49	810.845,60	36,49	-
1	Đất giao thông đối ngoại	272.581,13	12,27	272.581,13	12,27	-
2	Đất giao thông đô thị	538.264,47	24,23	538.264,47	24,23	-
3	Bãi đỗ xe	4.854,48	0,22	4.854,48	0,22	-
4	Đường giao thông	533.409,99	24,01	533.409,99	24,01	-

4. Các nội dung khác của đồ án

Định hướng phát triển không gian: Cơ bản tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan giữ nguyên theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công.

Các nội dung khác tuân thủ theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND thành phố Sông Công.

Điều 2. Phòng Quản lý Đô thị thành phố phối hợp với UBND xã Bá Xuyên, UBND xã Bình Sơn và các cơ quan chức năng tổ chức công bố quy hoạch, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Tổ chức quản lý việc thực hiện lập dự án thành phần theo quy hoạch được duyệt và theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố; Thủ trưởng các Phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Bá Xuyên, Chủ tịch UBND xã Bình Sơn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, QLĐT, 07h.
- Linh.D\QHCT\2019\Chánh chủ-Nội các\QH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Duy Nghĩa



Số: 528/BC -SKHĐT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định chủ trương đầu tư dự án:
Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 3479/TTr-UBND ngày 12/10/2021 và Tờ trình số 3952/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của UBND thành phố Sông Công về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt danh mục dự án Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên kèm theo hồ sơ đề xuất dự án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án, ý kiến thẩm định của các sở, ngành, ý kiến giải trình của UBND thành phố Sông Công, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỒ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình số 3479/TTr-UBND ngày 12/10/2021 và Tờ trình số 3952/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của UBND thành phố Sông Công về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt danh mục dự án Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Hồ sơ đề xuất dự án Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

2. Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

3. Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

4. Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;

5. Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

6. Các Nghị định của Chính phủ: Số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; Số

31/2021/ND-CP ngày 26/3/2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

7. Các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; Số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

8. Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

9. Các Quyết định của UBND thành phố Sông Công: Số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trục đường và các Khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận thành phố Sông Công); Số 2636/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Trục đường và các Khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận thành phố Sông Công);

10. Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Sông Công;

11. Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040;

12. Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở kỳ 05 năm 2021-2025 và năm đầu kỳ (năm 2021) của tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 của tỉnh Thái Nguyên;

13. Văn bản số 237/UBND-TCKH ngày 18/01/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc rà soát, sắp xếp tài sản công thuộc phạm vi thực hiện dự án Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên và Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

14. Văn bản số 289/UBND-TCKH ngày 24/01/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc báo cáo, bổ sung làm rõ một số nội dung dự án Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên và Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên;

15. Văn bản số 557/UBND-TCKH ngày 28/02/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc giải trình ý kiến tham gia hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1A và 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

16. Các văn bản tham gia ý kiến của các sở, ngành về đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B xã Bá Xuyên: Số 2732/STC-TCĐT

ngày 08/7/2021 và số 4927/STC-TCĐT ngày 26/11/2021 của Sở Tài chính; Số 3789/SXD-QLN&PTĐT ngày 29/11/2021 của Sở Xây dựng; Số 3064/STNMT-QLĐĐ ngày 31/8/2021 và số 4178/STNMT-QLDD ngày 29/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Số 3806/SNN-KHTC ngày 26/11/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Số 1521/SGTVT-QLCLCT&ATGT ngày 09/7/2021 và số 2786/SGTVT-QLCLCT&ATGT ngày 24/11/2021 của Sở Giao thông vận tải; Số 1533/STP-XD&KTrVB ngày 28/11/2021 của Sở Tư pháp; Số 384/SCT-KHTCTH ngày 18/02/2022 của Sở Công thương; Số 295/SVHTTDL-KHTC ngày 18/02/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Số 1151/TTr-TCT ngày 29/11/2021 của Thanh tra tỉnh; Số 2788/BCH-PTM ngày 13/7/2021 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

III. TỜ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
2. Hình thức thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các đơn vị và các quy định của pháp luật.
3. Nội dung thẩm định: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư 2020.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

I. THÔNG TIN CHUNG VÀ NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Tên dự án: Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.
2. Mục tiêu dự án:
 - Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực dự án theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 và Số 2636/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Sông Công.
 - Xây dựng đồng bộ không gian kiến trúc cảnh quan và đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, khớp nối với các dự án đang triển khai xây dựng tạo ra một khu đô thị mới văn minh hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công cộng thiết yếu và các công trình khác, tuân thủ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam và tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.
 - Tăng quỹ nhà ở, giảm áp lực về nhu cầu nhà ở cho khu vực, góp phần giải quyết an sinh, ổn định và hiện đại hóa xã hội.
 - Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Tỉnh, tăng nguồn thu cho Ngân sách địa phương thông qua các khoản thuế, phí.
3. Địa điểm thực hiện dự án:
 - Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

- Vị trí ranh giới lập dự án đề xuất:
- + Phía Đông giáp đường khu đô thị số 1A theo quy hoạch;
- + Phía Tây giáp Sông Công;
- + Phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu, đất nông nghiệp, chùa La Cảnh;
- + Phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu và khu đất nông nghiệp.

4. Quy mô dự án:

4.1 Quy mô dân số: Khoảng 3.500 người

4.2 Quy mô sử dụng đất:

- Diện tích đề xuất thực hiện dự án: 324.913m².

a) Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất trong ranh giới dự án như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở hiện trạng dân cư nông thôn	17.142	5,28
2	Đất trồng cây lâu năm	75.097	23,11
3	Đất trồng lúa	150.000	46,17
4	Đất trồng cây hàng năm	46.185	14,21
5	Đất nuôi trồng thủy sản (đất ao, hồ)	7.609	2,34
6	Đất mặt nước (sông, suối, kênh mương)	9.166	2,82
7	Đất khác (đất tôn giáo, nghĩa trang, nghĩa địa)	3.178	0,98
8	Đất giao thông (đất trống, đường nội đồng)	16.536	5,09
Tổng cộng		324.913	100,0

b) Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi đầu tư

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở đô thị - nông thôn	124.871,29	38,43
<i>1</i>	<i>Đất ở mới</i>	<i>88.067,75</i>	<i>27,10</i>
1.1	Đất ở liền kề	74.221,17	
1.2	Đất ở biệt thự	13.846,58	
2	Đất nhà ở xã hội	32.936,93	10,14
3	Đất ở tái định cư	3.866,61	1,19
II	Đất cây xanh, thể dục thể thao	68.546,99	21,10
2.1	Đất cây xanh công viên	32.968,45	

2.2	Đất cây xanh thể dục thể thao	9.856,52	
2.3	Mặt nước (hồ cảnh quan, sông, suối)	25.722,02	
III	Đất công trình công cộng	11.756,40	3,61
3.1	Đất thương mại dịch vụ	6.935,47	
3.2	Đất công trình văn hóa	1.380,01	
3.3	Đất công trình y tế	767,01	
3.4	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	2.673,91	
IV	Đất bãi xe và HTKT	2.590,30	0,8
V	Đất giao thông đô thị	117.148,68	36,06
Tổng cộng		324.913,66	100

4.3 Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 và Số 2636/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Sông Công. Cụ thể:

- Tổng số lô đất ở là 797 lô gồm 57 lô đất ở biệt thự và 740 lô đất ở liền kề (chưa bao gồm đất ở tái định cư); trong đó, xây thô và hoàn thiện mặt ngoài 214 công trình nhà ở tại vị trí các ô đất ở liền kề có vị trí nằm bám trục Sông Công – Núi Cốc, mật độ xây dựng trung bình 80%, chiều cao 4-5 tầng, với tổng diện tích đất xây thô hoàn thiện mặt ngoài khoảng 21.300,5m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 80.092,7m².

- Số lượng lô đất ở tái định cư (dự kiến): 40 lô.

- Quỹ đất nhà ở xã hội, đất ở liền kề bố trí tái định cư, đất trường học, đất y tế, đất văn hóa, đất công trình thương mại sau khi giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật xong, sẽ bàn giao lại cho địa phương quản lý, đầu tư theo quy định.

- Đất cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước, bãi đỗ xe: thực hiện đầu tư hoàn chỉnh sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng.

4.4 Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Nhà xây thô, đất ở liền kề, đất biệt thự, đất tái định cư, đất nhà ở xã hội, đất giáo dục, đất y tế, các công trình công cộng, đất thương mại, đất cây xanh, mặt nước, bãi đỗ xe, đất hạ tầng kỹ thuật, đất đường giao thông.

4.5 Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội:

a. Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở

Dự án sẽ hình thành các sản phẩm như sau:

- Đất ở liền kề (chưa bao gồm đất tái định cư): 74.221,17m².

- Đất ở biệt thự: 13.846,58m².

- Đất ở dự kiến tái định cư: 3.866,61m².

b. Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội

Dự án bố trí quỹ đất với diện tích 32.936,93m² (tương đương 27,21% trên tổng diện tích đất ở chia lô, biệt thự và nhà ở xã hội và không bao gồm đất ở tái định cư).

4.6 Vị trí dự án thuộc/không thuộc khu vực đô thị: Dự án có vị trí thuộc xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

4.7 Dự án thuộc/không thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt: Dự án không thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt

4.8 Dự án không thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt: Dự án không thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt.

5. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: (không bao gồm chi phí đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư): 599.998.457.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật:	246.537.369.000	đồng
- Chi phí xây dựng công trình dân dụng:	293.529.410.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	54.006.678.000	đồng
- Chi phí khác:	5.925.000.000	đồng

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày nhà đầu tư được Nhà nước quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất.

7. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến:

- Từ Quý I/2022 đến hết Quý III/2023: Hoàn thiện thủ tục về đầu tư, tổ chức bồi thường GPMB;

- Từ Quý IV/2023 đến hết quý IV/2026: Thực hiện đầu tư xây dựng tất cả các hạng mục công trình. Hoàn thành và kết thúc việc đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

8.1. Hiệu quả kinh tế của dự án:

Dự án sẽ mang lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước:

- Tiền sử dụng đất và các loại thuế, phí: thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, các khoản thuế phí dịch vụ...

- Dự kiến nộp tiền sử dụng đất và tiền thu từ đất tái định cư: 50.048 triệu đồng. UBND thành phố Sông Công chịu trách nhiệm về số liệu dự kiến này, việc xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nghĩa vụ tài chính với nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

8.2. Hiệu quả xã hội của dự án:

- Hình thành khu đô thị, khu công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phù hợp với quy hoạch chi tiết của dự án và quy hoạch tổng thể của thành phố Sông Công, đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân và nâng cao điều kiện sống của người dân khu vực.

- Cải thiện môi trường sống, cung cấp các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh cho người dân.

9. Thông tin về các công trình hiện hữu, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất:

9.1. Hiện trạng về các công trình hiện hữu tại địa điểm thực hiện dự án:

Trong ranh giới dự án phần lớn là đất nông nghiệp, có xen lẫn đất ở nông thôn rải rác không tập trung.

- Dự kiến số hộ dân bị ảnh hưởng được hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp do bị thu hồi đất nông nghiệp là: 96 hộ.

- Dự kiến số hộ dân bị thu hồi đất ở là: 34 hộ. Tương đương khoảng 136 nhân khẩu. Hiện trạng các công trình kiến trúc như sau:

TT	Loại nhà	Đơn vị	Số lượng	DTXD
1	Nhà cấp 4	nhà	27	5.500
2	Nhà 2 tầng kiên cố	nhà	0	0
3	Nhà tạm	nhà	7	200

9.2. Điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất:

- Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vào danh mục dự án cần thu hồi tại Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Dự án được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Sông Công.

9.3. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a. Hình thức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Đối với những người sử dụng đất nông nghiệp thì sẽ được bồi thường về đất, hoa màu, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm... theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Đối với các công trình khác: Di chuyển hoàn trả hệ thống hạ tầng kỹ thuật... được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các hộ nằm trong đối tượng thu hồi nhà ở sẽ được bố trí tái định cư trong dự án theo quy hoạch được duyệt. Việc hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống thực hiện theo quy định. Trường hợp diện tích định hướng tái định cư theo quy hoạch không đủ bố trí thì sẽ được bố trí vào khu vực khác ngoài dự án hoặc hỗ trợ bằng tiền.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thực hiện theo các quy định của pháp luật và của tỉnh Thái Nguyên hiện hành.

b. Phương án tái định cư:

- Trong khu vực dự án, số hộ bị ảnh hưởng thu hồi đất nông nghiệp khoảng 96 hộ; số hộ bị ảnh hưởng thu hồi đất ở khoảng 34 hộ.

- Đối với những người sử dụng đất nông nghiệp thì sẽ được bồi thường về đất, hoa màu, hỗ trợ ổn định cuộc sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm...theo đúng quy định hiện hành của tỉnh Thái Nguyên;

- Đối với các công trình khác như: di chuyển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mả... cũng được tiến hành theo đúng quy định;

- Diện tích dự kiến bố trí tái định cư trong khu vực đề xuất dự án là 3.866,61m² (khoảng 40 lô), vị trí quỹ đất tái định cư được bố trí tại các phân lô: A-TDC-06; A-TDC-07 và A-TDC-08. Hạ tầng khu vực bố trí quỹ đất tái định cư được ưu tiên triển khai trước khi thực hiện xong công tác thu hồi đất, khu vực bố trí quỹ đất tái định cư phải được xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng. Giá trị khu đất tái định cư sẽ được dựa trên suất vốn đầu tư hạ tầng và giá tiền sử dụng đất đối với lô đất theo quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trường hợp phải chờ giao đất tái định cư các hộ này sẽ được hỗ trợ về tạm cư, hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định của UBND tỉnh Thái Nguyên.

c. Về việc dự báo khả năng khiếu kiện khi thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng khu vực dự án và phương án xử lý:

UBND thành phố Sông Công sẽ giao đơn vị tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; cấp ủy, chính quyền UBND xã phường nơi có dự án tích cực tuyên truyền, vận động, giải thích, đối thoại để nhân dân hiểu về chủ trương, chính sách bồi thường, hỗ trợ; làm rõ và nghiên cứu triển khai những biện pháp cụ thể cho các hộ với mục tiêu hài hòa quyền lợi của nhân dân và lợi ích của Nhà nước, đảm bảo tạo sự đồng thuận tốt nhất trong nhân dân.

10. Đánh giá về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan:

10.1. Sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng:

Dự án phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Sông Công đến năm 2040 được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2019.

10.2. Sự phù hợp với Chương trình phát triển đô thị:

Dự án phù hợp với Chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công, phù hợp với Chương trình phát triển đô thị của tỉnh Thái Nguyên đã được phê duyệt tại Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

10.3. Sự phù hợp với Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở:

Dự án phù hợp với định hướng phát triển nhà ở của Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định 1866/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.

11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường:

Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nhà đầu tư được lựa chọn sẽ tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo đúng quy định của pháp luật. Khi thực hiện dự án phải cam kết sẽ thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

12. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư:

UBND thành phố Sông Công đề xuất hình thức đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Căn cứ các văn bản, tài liệu của dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, các đơn vị có liên quan đã tham gia ý kiến bằng văn bản, UBND thành phố Sông Công đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp làm rõ một số ý kiến của các đơn vị tham gia thẩm định và đã được các đơn vị thống nhất, đồng ý với hồ sơ đề xuất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến các ngành theo phụ biểu sau:

1. Ý kiến thẩm định của các Sở, ngành:

STT	Cơ quan tham gia ý kiến	Nội dung tham gia ý kiến		
		Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác

1	Sở Tài chính	X		
2	Sở Xây dựng	X		
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	X		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	X		
5	Sở Giao thông vận tải	X		
6	Sở Tư pháp	X		
7	Thanh tra tỉnh	X		
8	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	X		
9	Sở Công thương	X		
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X		

2. Ý kiến tổng hợp của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: Theo quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 30/ 2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Nhà ở; Khoản 1 Điều 108 và khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Đầu tư thì dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Các sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định đã có văn bản đồng ý với đề xuất chủ trương đầu tư của dự án (Có văn bản kèm theo).

- Hồ sơ, nội dung đề nghị thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đã tuân thủ quy định của Luật Đầu tư 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất các nội dung đề xuất chủ trương đầu tư dự án, hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công đủ điều kiện để phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công của UBND thành phố Sông Công đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các Điều 29, Điều 32, Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020 và

Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. Hồ sơ đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

2. Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có nhà ở (Theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng).

3. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về Đầu tư, Đấu thầu.

4. Mục tiêu đầu tư:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chi tiết đã được UBND thành phố Sông Công phê duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020, Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 18/10/2020.

- Dự án hoàn thành sẽ tạo ra một khu đô thị mới văn minh hiện đại với các sản phẩm, dịch vụ cung cấp như: Nhà ở xây thô, đất ở liền kề, đất biệt thự, đất nhà ở xã hội, công trình thương mại dịch vụ, công trình công cộng, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công viên, cây xanh... góp phần đáp ứng nhu cầu về phát triển chính trang đô thị và nhà ở trong khu vực và mang lại hiệu quả kinh tế xã hội.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương thông qua các khoản thuế, phí.

5. Quy mô dự án:

5.1 Quy mô dân số: Khoảng 3.500 người

5.2 Quy mô sử dụng đất:

- Diện tích đề xuất thực hiện dự án: 324.913m².

a) Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất trong ranh giới dự án như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở hiện trạng dân cư nông thôn	17.142	5,28
2	Đất trồng cây lâu năm	75.097	23,11
3	Đất trồng lúa	150.000	46,17
4	Đất trồng cây hàng năm	46.185	14,21
5	Đất nuôi trồng thủy sản (đất ao, hồ)	7.609	2,34
6	Đất mặt nước (sông, suối, kênh mương)	9.166	2,82
7	Đất khác (đất tôn giáo, nghĩa trang,	3.178	0,98

	nghĩa địa)		
8	Đất giao thông (đất trống, đường nội đồng)	16.536	5,09
Tổng cộng		324.913	100,0

b) Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi đầu tư

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích(m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở đô thị - nông thôn	124.871,29	38,43
<i>1</i>	<i>Đất ở mới</i>	<i>88.067,75</i>	<i>27,10</i>
1.1	Đất ở liền kề	74.221,17	
1.2	Đất ở biệt thự	13.846,58	
<i>2</i>	<i>Đất nhà ở xã hội</i>	<i>32.936,93</i>	<i>10,14</i>
<i>3</i>	<i>Đất ở tái định cư</i>	<i>3.866,61</i>	<i>1,19</i>
II	Đất cây xanh, thể dục thể thao	68.546,99	21,10
2.1	Đất cây xanh công viên	32.968,45	
2.2	Đất cây xanh thể dục thể thao	9.856,52	
2.3	Mặt nước (hồ cảnh quan, sông, suối)	25.722,02	
III	Đất công trình công cộng	11.756,40	3,61
3.1	Đất thương mại dịch vụ	6.935,47	
3.2	Đất công trình văn hóa	1.380,01	
3.3	Đất công trình y tế	767,01	
3.4	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	2.673,91	
IV	Đất bãi xe và HTKT	2.590,30	0,8
V	Đất giao thông đô thị	117.148,68	36,06
Tổng cộng		324.913,66	100

5.3 Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 và Số 2636/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Sông Công. Cụ thể:

- Tổng số lô đất ở là 797 lô gồm 57 lô đất ở biệt thự và 740 lô đất ở liền kề (chưa bao gồm đất ở tái định cư); trong đó, xây thô và hoàn thiện mặt ngoài 214 công trình nhà ở tại vị trí các ô đất ở liền kề có vị trí nằm bám trục Sông Công – Núi Cốc, mật độ xây dựng trung bình 80%, chiều cao 4-5 tầng, với tổng diện tích đất xây thô hoàn thiện mặt ngoài khoảng 21.300,5m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 80.092,7m².

- Số lượng lô đất ở tái định cư (dự kiến): 40 lô.

- Quỹ đất nhà ở xã hội, đất ở liền kề bố trí tái định cư, đất trường học, đất y tế, đất văn hóa, đất công trình thương mại sau khi giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật xong, sẽ bàn giao lại cho địa phương quản lý, đầu tư theo quy định.

- Đất cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước, bãi đỗ xe: thực hiện đầu tư hoàn chỉnh sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng.

5.4 Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Nhà xây thô, đất ở liền kề, đất biệt thự, đất tái định cư, đất nhà ở xã hội, đất giáo dục, đất y tế, các công trình công cộng, đất thương mại, đất cây xanh, mặt nước, bãi đỗ xe, đất hạ tầng kỹ thuật, đất đường giao thông.

5.5 Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội:

a. Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở

Dự án sẽ hình thành các sản phẩm như sau:

- Đất ở liền kề (chưa bao gồm đất tái định cư): 74.221,17m².

- Đất ở biệt thự: 13.846,58m².

- Đất ở dự kiến tái định cư: 3.866,61m².

b. Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội

Dự án bố trí quỹ đất với diện tích 32.936,93m²(tương đương 27,21% trên tổng diện tích đất ở chia lô, biệt thự và nhà ở xã hội và không bao gồm đất ở tái định cư).

5.6 Vị trí dự án thuộc/không thuộc khu vực đô thị:Dự án có vị trí thuộc xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

5.7 Dự án thuộc/không thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:Dự án không thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt

5.8 Dự án không thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:Dự án không thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt.

5.9 Phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án

a) Phương án đầu tư xây dựng:

- Nhà đầu tư trực tiếp đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng theo đồ án Quy hoạch chi tiết đã được UBND thành phố Sông Công phê duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 và Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 18/10/2021.

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, nhà đầu tư chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành toàn bộ hệ thống hạ tầng trong phạm vi dự án; đảm bảo sự kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án.

b) Sơ bộ công tác quản lý hạ tầng đô thị:

- Kết thúc đầu tư, nhà đầu tư bàn giao lại cho nhà nước để quản lý, vận hành. Nhà đầu tư cam kết không yêu cầu nhà nước hoàn trả kinh phí đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án.

- Sơ bộ phần hạ tầng nhà đầu tư bàn giao: Sau khi dự án hoàn thành, nhà đầu tư chuyển giao cho địa phương và các đơn vị kinh doanh dịch vụ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm: Giao thông, hạ tầng kỹ thuật ngầm, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, cấp điện, điện chiếu sáng, cây xanh công cộng, hệ thống thông tin liên lạc; đối với lô đất công cộng (đất nhà văn hóa, trạm y tế, trường học, khu thể thao...) nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư hạ tầng kỹ thuật và bàn giao lại cho địa phương quản lý sử dụng, địa phương có trách nhiệm đầu tư bằng nguồn vốn khác phù hợp với tiến độ và thực tế sử dụng.

- Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình và bảo hành đối với công trình chuyển giao theo quy định.

c) Hạng mục nhà đầu tư giữ lại để kinh doanh:

- Sau khi hoàn thành xây dựng, nhà đầu tư được quyền kinh doanh quyền sử dụng đất ở, nhà ở xây thô do mình đầu tư trong khu đô thị theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- UBND thành phố Sông Công có trách nhiệm đôn đốc, yêu cầu nhà đầu tư thực hiện đầu tư các hạng mục công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

6. Sơ bộ tổng chi phí đầu tư, nguồn vốn và cơ cấu vốn:

6.1. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư): 599.998.457.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật:	246.537.369.000	đồng
- Chi phí xây dựng công trình dân dụng:	293.529.410.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	54.006.678.000	đồng
- Chi phí khác:	5.925.000.000	đồng

Sơ bộ chi phí của dự án nêu trên chỉ là dự kiến, không sử dụng để tính toán tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án, việc xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.2. Nguồn vốn, cơ cấu nguồn vốn của dự án: Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối thiểu đáp ứng 15% tổng mức đầu tư dự kiến; phần vốn còn lại theo đề xuất của nhà đầu tư dự án và các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày nhà đầu tư được Nhà nước quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất.

8. Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.
- Vị trí ranh giới lập dự án đề xuất:
 - + Phía Đông giáp đường khu đô thị số 1A theo quy hoạch;
 - + Phía Tây giáp Sông Công;
 - + Phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu, đất nông nghiệp, chùa La Cảnh;
 - + Phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu và khu đất nông nghiệp.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ Quý I/2022 đến hết Quý III/2023: Hoàn thiện thủ tục về đầu tư, tổ chức bồi thường GPMB;
- Từ Quý IV/2023 đến hết quý IV/2026: Thực hiện đầu tư xây dựng tất cả các hạng mục công trình. Hoàn thành và kết thúc việc đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

10. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư

- Nhà đầu tư phải đáp ứng các quy định của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Xây dựng và một số quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Nhà đầu tư phải nộp ngân sách nhà nước đầy đủ các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác theo quy định. Ứng đủ kinh phí để phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

12. Tổ chức thực hiện:

12.1. UBND thành phố Sông Công:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo tại hồ sơ dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công và các tài liệu có liên quan, bảo đảm dự án đầu tư phải phù hợp với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, kế hoạch phát triển đô thị của tỉnh (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm tổ chức GPMB, tái định cư đảm bảo đáp ứng theo tiến độ của dự án.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, nhà ở, đất đai, tài nguyên môi trường, các pháp luật khác có liên quan; đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, tiến độ huy động vốn. Chịu trách nhiệm không để xảy ra tình trạng đơn thư khiếu kiện phức tạp về đất đai, quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng, môi trường. Kịp thời giải quyết dứt điểm các tranh chấp, khiếu kiện, đảm bảo sự hài hòa lợi ích Nhà nước, nhà đầu tư và người có đất, tài sản bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (nếu có) để thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và pháp luật liên quan; bảo đảm sử dụng đất hiệu quả, tránh thất thu ngân sách.

12.2. Đề nghị UBND tỉnh giao:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với UBND thành phố Sông Công và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm thông tin tỉnh Thái Nguyên đăng tải nội dung các quyết định lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo và trình UBND tỉnh quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD sở, các PGD sở;
- Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Tài nguyên & MT, GTVT, Sở NN&PTNT;
- Thanh tra tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- UBND thành phố Sông Công;
- Lưu: VT, ĐTTĐ (Tu03b).



Người ký: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Email: sokhdt@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 02.03.2022 16:37:36
+07:00

Nguyễn Linh

Số: 1849 /TB-SKHĐT

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Gia hạn thời gian mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm.

Thực hiện Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh về việc gia hạn (lần 2) thời gian đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên thông báo gia hạn thời gian mời quan tâm dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công với các thông tin như sau:

1. Ngày 05/9/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên đã ban hành Thông báo số 3044/TB-SKHĐT về việc thông báo mời quan tâm dự án từ ngày 05/9/2022 đến ngày 11/10/2022, gia hạn thời gian mời quan tâm dự án lần 1 từ ngày 26/4/2023 đến ngày 16/5/2023.

2. Nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên tiếp tục thông báo gia hạn (lần 2) thời gian mời quan tâm dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công thêm 15 ngày, kể từ 16 giờ 00 phút ngày 05/6/2023 đến 16 giờ 00 phút ngày 20/6/2023.

* Ghi chú: Các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án không phải nộp lại hồ sơ.

3. Các thông tin khác, thực hiện theo Thông báo số 3044/TB-SKHĐT ngày 05/9/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên.

4. Thông tin liên hệ:

- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên.
- Địa chỉ: Số 16A, đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Số điện thoại: 0208.3855.688.
- Số fax: 0208.3855.688.
- Email: phongdauthauthamdinh@gmail.com.

(Đính kèm các tài liệu liên quan)

Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên trân trọng thông báo và mời các Nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- UBND thành phố Sông Công;
- GD Sở, PGĐ đ/c Việt;
- Lưu: VT, VP sở, ĐTTĐ (Tư02b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~294~~ /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày ~~17~~ tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thời gian đăng ký thực hiện
Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Xét Tờ trình số 1215/TTr-SKHĐT ngày 18/4/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tài liệu liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công tại Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

Thời gian gia hạn: 15 ngày (kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và thực hiện các thủ tục theo đúng quy định.

2. UBND thành phố Sông Công căn cứ các quy định của pháp luật thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định.

3. Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên đăng tải nội dung Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên đảm bảo thời gian theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Quảng.139.QĐ.2023



Nguyễn Thanh Bình

Số: 1364/TB-SKHĐT

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Gia hạn thời gian mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm.

Thực hiện Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên thông báo gia hạn thời gian mời quan tâm dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công với các thông tin như sau:

1. Ngày 05/9/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên đã ban hành Thông báo số 3044/TB-SKHĐT về việc thông báo mời quan tâm dự án từ ngày 05/9/2022 đến ngày 11/10/2022.

2. Nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên tiếp tục thông báo gia hạn (lần 1) thời gian mời quan tâm dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công thêm 15 ngày, kể từ 15 giờ 00 phút ngày 26/4/2023 đến 15 giờ 00 phút ngày 16/5/2023.

* Ghi chú: Các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án không phải nộp lại hồ sơ.

3. Các thông tin khác, thực hiện theo Thông báo số 3044/TB-SKHĐT ngày 05/9/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên.

4. Thông tin liên hệ:

- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên.
- Địa chỉ: Số 16A, đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Số điện thoại: 0208.3855.688.
- Số fax: 0208.3855.688.
- Email: phongdauthauthamdingh@gmail.com.

(Đính kèm các tài liệu liên quan)

Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên trân trọng thông báo và mời các Nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- UBND thành phố Sông Công;
- GD Sở, PGĐ đ/c Việt;
- Lưu: VT, VP sở, ĐTTĐ (Tu02b)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1181~~ /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn (lần 2) thời gian đăng ký thực hiện
Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc gia hạn thời gian đăng ký thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

Xét Tờ trình số 1668/TTr-SKHĐT ngày 24/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn (lần 2) thời gian đăng ký thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công tại Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

Thời gian gia hạn: 15 ngày (kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và thực hiện các thủ tục theo đúng quy định.

2. UBND thành phố Sông Công căn cứ các quy định của pháp luật thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định.

3. Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên đăng tải nội dung Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên đảm bảo thời gian theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Quangla.179.QĐ.2023



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2100*/UBND-TCKH

Sông Công, ngày *01* tháng *9* năm 2024

V/v đơn độc triển khai thực hiện
dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá
Xuyên, thành phố Sông Công

Kính gửi:

- Các phòng Quản lý nhà nước;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố;
- UBND xã Bá Xuyên;
- Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID;

Thực hiện Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

Để dự án triển khai đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Yêu cầu Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID:

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai dự án (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thiết kế cơ sở...).

- Tích cực phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất, UBND xã Bá Xuyên hoàn thiện các thủ tục về đất đai báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa.

- Phối hợp với phòng Quản lý đô thị, UBND xã, phường xác định nhu cầu tái định cư, vị trí tái định cư cho các hộ dân đảm bảo đúng quy định.

- Tập trung nguồn lực phối hợp với các cơ quan thành phố, đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hồ sơ giao đất và tổ chức đầu tư xây dựng theo đúng quy định.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục bảo đảm thực hiện dự án, thủ tục về đất đai, quy hoạch, xây dựng, nghĩa vụ tài chính; chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, văn hoá - xã hội, an toàn lao động và các quy định có liên quan của pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện theo đúng quy định. Đồng thời không kinh doanh, tổ chức huy động vốn khi chưa đủ điều kiện theo quy định.

- Định kỳ gửi báo cáo tiến độ thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND thành phố Sông Công để phối hợp kiểm tra, theo dõi, quản lý theo quy định tại điều 72, Luật Đầu tư 2020.

đạo, chỉ đạo; công tác thu hồi đất; bồi thường giải phóng mặt bằng, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân...); đề xuất cơ quan phối hợp thực hiện.

3. Giao các phòng Quản lý nhà nước, UBND xã Bá Xuyên căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với các hoạt động liên quan quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng, bồi thường GPMB; thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát dự án theo lĩnh vực ngành quản lý.

Căn cứ nội dung chỉ đạo nêu trên yêu cầu các đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (B/c);
 - Thường trực Thành ủy (B/c);
 - Thường trực HĐND thành phố (B/c);
 - Lãnh đạo UBND thành phố;
 - Như Kính gửi;
 - Lưu: VT.
- Tram.01b



Vũ Duy Nghĩa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự lập - Hạnh phúc

BIÊN BẢN SỐ : 01/BGMB
BÀN GIAO MẶT BẰNG CẨM MỐC

- Thực hiện Hợp đồng số: 74/2024/HĐXD/AAC&HNV - KC ký ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa Liên danh công ty cổ phần AAC Việt Nam và công ty cổ phần bất động sản HANO-VID (đại diện là công ty cổ phần AAC Việt Nam) và công ty cổ phần đo đạc địa chính và công trình Kiên Cường về việc đo đạc cắm mốc giới giải phóng mặt bằng dự án khu đô thị số 1B xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công thuộc tỉnh Thái Nguyên.

- Căn cứ vào nhiệm vụ cắm mốc đã được phê duyệt;
Hôm nay, ngày 03 tháng 8 năm 2024.

I THÀNH PHẦN THAM GIA GỒM:

1. Đại diện chủ đầu tư: Công ty cổ phần AAC Việt Nam

Bà : Vũ Thị Tiên Lữ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: An Đăng Quyền

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Đình Đồng

Chức vụ: CVCC Trắc đạc

2. Đại diện nhà thầu: Công ty CP đo đạc địa chính và công trình Kiên Cường.

Ông: Nguyễn Văn Kiên

Chức vụ: Giám Đốc - Chủ nhiệm KSDH

Ông:

Chức vụ:

Tiến hành bàn giao mặt bằng cắm mốc trên thực địa:

Số TT	Tên điểm	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	GPS-8	2377497.497	430832.875
2	DCII-28	2377414.579	429648.634
3	DCII-38	2377225.467	430155.883
4	DCII-42	2377830.254	430317.978

Ranh giới cắm mốc được xác định thuộc địa phận xã Bá Xuyên, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Biên bản này lập thành 02 bản, bên chủ đầu tư giữ 01 bản, bên nhà thầu giữ 01, làm căn cứ nghiệm thu và thanh quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu khảo sát đo đạc.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Tiên Lữ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sông Công, ngày 05 tháng 10 năm 2024

BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Dự án : Khu đô thị số 1B xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công
Địa điểm : xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

1. Đối tượng bàn giao: Mốc giải phóng mặt bằng

2. Thành phần tham gia bàn giao:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần AAC Việt Nam

Bà: Vũ Thị Tiên Nữ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: An Đăng Quyền

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Đình Đồng

Chức vụ: CVCC Trắc đạc

2.2. Đại diện Nhà thầu: Công ty Cổ phần đo đạc địa chính và công trình Kiên Cường

Ông: Nguyễn Văn Kiên

Chức vụ: Giám đốc - chủ nhiệm

Ông:

Chức vụ:

3. Thời gian và địa điểm bàn giao:

Bắt đầu : 8h ngày 05 tháng 10 năm 2024

Kết thúc: 17h ngày 05 tháng 10 năm 2024

Tại: Mặt bằng của dự án: Khu đô thị số 1B xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tiến hành giao nhận số lượng mốc đã thi công sử dụng trong công tác thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng tại hiện trường gồm:

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC GPMB

(Có sơ đồ mốc ranh giới GPMB ngày 05/10/2024 kèm theo)

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC BTCT KÍCH THƯỚC 15x15x103 CM

STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000 (KTT 107° 30', múi chiều 3 ^o)		Tọa độ Mốc tham chiếu (KTT 107° 30', múi chiều 3 ^o)		K/C đến mốc (m)	Loại mốc	Chi chú
		X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)			
1	GPMB 1	2377549.143	429356.076				BTCT	
2	GPMB 2	2377551.455	429381.379				BTCT	
3	GPMB 3-1	2377555.537	429427.068				BTCT	
4	GPMB 4	2377560.055	429477.252				BTCT	
5	GPMB 8	2377615.850	429588.393				BTCT	
6	GPMB 9	2377633.129	429633.176				BTCT	
7	GPMB 10-1	2377660.889	429704.639				BTCT	



STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000 (KTT 107° 30', múi chiếu 3°)		Tọa độ Mốc tham chiếu (KTT 107° 30', múi chiếu 3°)		K/C đến mốc (m)	Loại mốc	Ghi chú
		X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)			
8	GPMB 11	2377668.038	429722.874				BTCT	
9	GPMB 12	2377685.461	429767.745				BTCT	
10	GPMB 13	2377702.881	429812.601				BTCT	
11	GPMB 14	2377730.711	429884.204				BTCT	
12	GPMB 15-1	2377711.095	429891.849				BTCT	
13	GPMB 16	2377668.535	429910.745				BTCT	
14	GPMB 17	2377645.985	429925.852				BTCT	
15	GPMB 18	2377626.287	429932.922				BTCT	
16	GPMB 19	2377602.145	429935.034				BTCT	
17	GPMB 21	2377555.301	429922.091				BTCT	
18	GPMB 22-1	2377534.443	429915.907				BTCT	
19	GPMB 23-1	2377508.395	429911.792				BTCT	
20	GPMB 24-1	2377483.095	429911.340				BTCT	
21	GPMB 25	2377445.302	429915.073				BTCT	
22	GPMB 27	2377388.212	429908.318	2377387.898	429908.462	0.33	BTCT	
23	GPMB 28-1	2377354.621	429926.181	2377357.058	429924.784	2.82	BTCT	
24	GPMB 29-1	2377379.781	429991.192				BTCT	
25	GPMB 30	2377396.879	430034.66				BTCT	
26	GPMB 31	2377391.652	430032.428				BTCT	
27	GPMB 32	2377363.653	430043.435				BTCT	
28	GPMB 33	2377303.652	430066.87				BTCT	
29	GPMB 34-1	2377269.640	430080.128	2377273.435	430078.578	4.10	BTCT	
30	GPMB 35	2377253.901	430039.557				BTCT	
31	GPMB 36	2377236.437	429994.788				BTCT	
32	GPMB 37	2377218.95	429949.875				BTCT	
33	GPMB 37-1	2377207.605	429920.353				BTCT	
34	GPMB 39-1	2377174.559	429835.472	2377181.841	429832.601	7.85	BTCT	
35	GPMB 40-1	2377226.327	429815.329	2377224.595	429811.077	4.55	BTCT	
36	GPMB 42-1	2377216.303	429789.341				BTCT	
37	GPMB 43-1	2377181.627	429698.315				BTCT	
38	GPMB 44-1	2377165.637	429651.262				BTCT	

STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000 (KTT 107 ^o 30', múi chiếu 3 ^o)		Tọa độ Mốc tham chiếu (KTT 107 ^o 30', múi chiếu 3 ^o)		K/C đến mốc (m)	Loại mốc	Ghi chú
		X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)			
39	GPMB 46	2377150.647	429598.778				BTCT	
40	GPMB 47-1	2377140.505	429554.605				BTCT	
41	GPMB 48	2377131.652	429507.747				BTCT	
42	GPMB 49-1	2377121.256	429422.856	2377114.961	429419.378	7.20	BTCT	
43	GPMB 50-1	2377068.157	429393.366	2377068.005	429387.755	5.60	BTCT	
44	GPMB 51-1	2377067.65	429296.863				BTCT	
45	GPMB 52	2377070.031	429253.389				BTCT	
46	GPMB 53	2377072.699	429224.688				BTCT	
47	GPMB 54-1	2377076.368	429191.643				BTCT	
48	GPMB 54	2377110.553	429187.36				BTCT	
49	GPMB 55	2377144.285	429185.054				BTCT	
50	GPMB 56	2377204.217	429189.353				BTCT	
51	GPMB 57	2377248.565	429194.656				BTCT	
52	GPMB 59	2377294.961	429202.796				BTCT	
53	GPMB 60	2377325.851	429220.078				BTCT	
54	GPMB 61	2377367.93	429243.571				BTCT	
55	GPMB 62	2377409.893	429267.015				BTCT	
56	GPMB 63	2377451.835	429290.51				BTCT	
57	GPMB 63-1	2377479.436	429306.023				BTCT	
58	GPMB 65	2377529.631	429333.992	2377529.362	429334.156	0.30	BTCT	
59	GPMB 68	2377627.683	429789.121				BTCT	
60	GPMB 69	2377639.388	429833.574				BTCT	
61	GPMB 70	2377635.444	429843.139				BTCT	
62	GPMB 73	2377598.554	429858.632				BTCT	
63	GPMB 75	2377577	429835.587				BTCT	
64	GPMB 76	2377575.865	429803.203				BTCT	
65	GPMB 78	2377540.087	429775.849				BTCT	
66	GPMB 81-1	2377533.663	429745.862	2377535.093	429747.175	2.00	BTCT	
67	GPMB 84	2377580.546	429754.570				BTCT	
68	GPMB 87	2377608.397	429744.875				BTCT	
69	GPMB 88-1	2377404.676	429794.333	2377405.933	429797.811	3.54	BTCT	

STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000 (KTT 107° 30', múi chiếu 3 ^o)		Tọa độ Mốc tham chiếu (KTT 107° 30', múi chiếu 3 ^o)		K/C đến mốc (m)	Loại mốc	Ghi chú
		X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)			
70	GPMB 91	2377365.672	429855.217				BTCT	
71	GPMB 92	2377350.404	429815.610	2377350.458	429815.094	0.52	BTCT	
72	GPMB93	2377335.945	429929.151	2377336.441	429925.099	4.08	BTCT	
73	GPMB94-1	2377364.778	430003.521				BTCT	
74	GPMB94-2	2377372.515	430023.301	2377374.399	430028.228	5.27	BTCT	
75	GPMB95-1	2377345.992	430033.662	2377354.509	430030.376	9.13	BTCT	
76	GPMB96-1	2377326.206	430021.507	2377326.206	430021.507	14.06	BTCT	
77	GPMB97	2377294.113	430034.129				BTCT	
78	GPMB98	2377284.99	430010.541				BTCT	
79	GPMB99-2	2377297.591	429991.877				BTCT	
80	GPMB99-1	2377302.234	430003.850	2377301.375	430001.537	2.45	BTCT	
81	GPMB100	2377281.451	429950.402				BTCT	

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC DINH SẮT, CỌC GỖ - SƠN ĐỒ

STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000 (KTT 107° 30', múi chiếu 3 ^o)		Loại mốc	Ghi chú
		Y(m)	Y(m)		
1	GPMB03	2377555.718	429429.289	Cọc gỗ sơn đỏ	
2	GPMB05	2377565.184	429508.778	Cọc gỗ sơn đỏ	
3	GPMB06	2377574.305	429536.716	Cọc gỗ sơn đỏ	
4	GPMB07	2377592.96	429529.511	Cọc gỗ sơn đỏ	
5	GPMB17-1	2377643.57	429926.956	Cọc gỗ sơn đỏ	
6	GPMB19-1	2377590.377	429933.863	Cọc gỗ sơn đỏ	
7	GPMB20-1	2377574.845	429929.57	Cọc gỗ sơn đỏ	
8	GPMB25-1	2377443.035	429916.757	Cọc gỗ sơn đỏ	
9	GPMB26	2377427.13	429914.297	Cọc gỗ sơn đỏ	
10	GPMB26-1	2377408.416	429911.477	Cọc gỗ sơn đỏ	
15	GPMB28	2377354.621	429926.181	Cọc gỗ sơn đỏ	
16	GPMB28-2	2377369.802	429965.145	Cọc gỗ sơn đỏ	
17	GPMB29-2	2377362.451	429946.181	Cọc gỗ sơn đỏ	
18	GPMB34-2	2377260.657	430056.972	Cọc gỗ sơn đỏ	

STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000 (KTT 107° 30', múi chiếu 3 ^b)		Loại mốc	Ghi chú
19	GPMB35-1	2377252.503	430035.925	Cọc gỗ sơn đỏ	
20	GPMB35-2	2377245.236	430017.447	Cọc gỗ sơn đỏ	
21	GPMB38-1	2377194.928	429887.664	Cọc gỗ sơn đỏ	
22	GPMB38-2	2377184.447	429860.829	Cọc gỗ sơn đỏ	
23	GPMB39	2377174.559	429835.472	Cọc gỗ sơn đỏ	
24	GPMB40	2377226.327	429815.329	Cọc gỗ sơn đỏ	
25	GPMB43	2377199.749	429746.697	Cọc gỗ sơn đỏ	
26	GPMB45	2377163.275	429643.734	Cọc gỗ sơn đỏ	
27	GPMB47	2377138.936	429547.667	Cọc gỗ sơn đỏ	
28	GPMB48-1	2377125.018	429460.534	Cọc gỗ sơn đỏ	
29	GPMB48-2	2377121.994	429430.512	Cọc gỗ sơn đỏ	
30	GPMB49-2	2377091.287	429406.208	Cọc gỗ sơn đỏ	
31	GPMB51	2377066.853	429320.665	Cọc gỗ sơn đỏ	
32	GPMB52	2377068.535	429275.189	Cọc gỗ sơn đỏ	
33	GPMB55-1	2377178.065	429186.675	Cọc gỗ sơn đỏ	
34	GPMB58	2377278.301	429198.698	Cọc gỗ sơn đỏ	
35	GPMB65-1	2377541.245	429343.413	Cọc gỗ sơn đỏ	
36	GPMB66	2377613.356	429746.394	Cọc gỗ sơn đỏ	
37	GPMB67	2377620.862	429771.096	Cọc gỗ sơn đỏ	
38	GPMB71	2377628.23	429847.836	Cọc gỗ sơn đỏ	
39	GPMB72	2377600.715	429856.341	Cọc gỗ sơn đỏ	
40	GPMB74	2377582.67	429847.841	Cọc gỗ sơn đỏ	
41	GPMB77	2377567.461	429787.673	Cọc gỗ sơn đỏ	
42	GPMB79	2377530.263	429765.78	Cọc gỗ sơn đỏ	
43	GPMB80	2377529.691	429754.786	Cọc gỗ sơn đỏ	
44	GPMB82	2377543.986	429755.115	Cọc gỗ sơn đỏ	
45	GPMB83	2377551.438	429758.315	Cọc gỗ sơn đỏ	
46	GPMB85	2377580.784	429750.11	Cọc gỗ sơn đỏ	
47	GPMB86	2377582.619	429746.26	Cọc gỗ sơn đỏ	
48	GPMB88	2377404.676	429794.333	Cọc gỗ sơn đỏ	
49	GPMB89	2377431.113	429861.982	Cọc gỗ sơn đỏ	
50	GPMB90	2377435.062	429862.583	Cọc gỗ sơn đỏ	



STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000 (KTT 107 ^o 30', múi chiều 3 ^o)		Loại mốc	Ghi chú
51	GPMB91-I	2377385.453	429906.141	Cọc gỗ sơn đỏ	
52	GPMB94	2377372.515	430023.301	Cọc gỗ sơn đỏ	
53	GPMB95	2377345.992	430033.662	Cọc gỗ sơn đỏ	
54	GPMB96	2377339.289	430016.419	Cọc gỗ sơn đỏ	

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

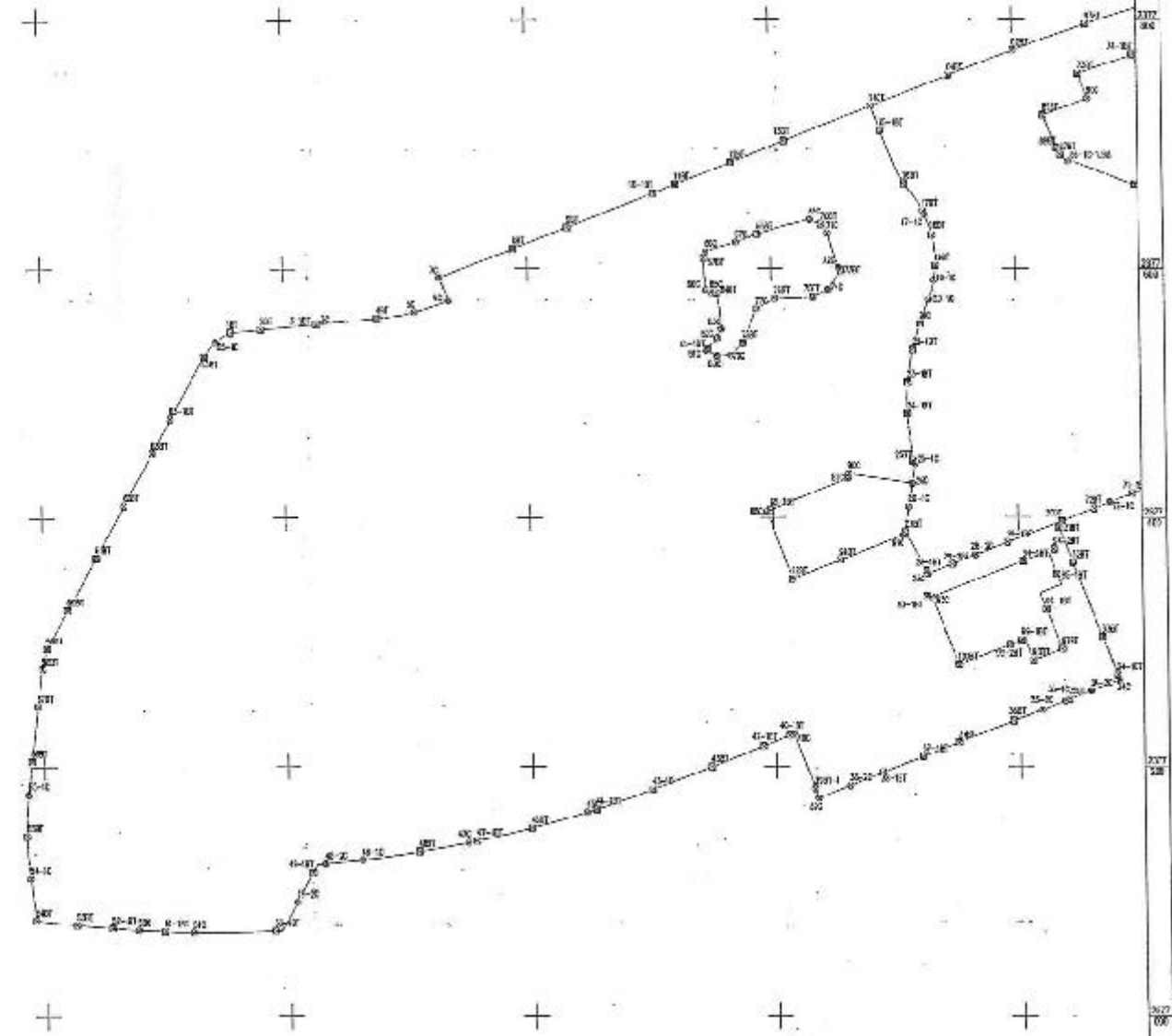


TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Hiền Lữ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Kiên

DỰ ÁN KHU ĐỒ THỊ LỘ XÃ ĐÁ XUYỀN, TP SÔNG CƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN
 SỐ HỒ MỐC BÀN CHỈ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
 (Khu theo Bức vẽ bản gốc mức ghi GPMB ngày 05 tháng 10 năm 2004)



- KÝ HIỆU
- Mốc bê tông GPMB
 - Mốc cọc GPMB

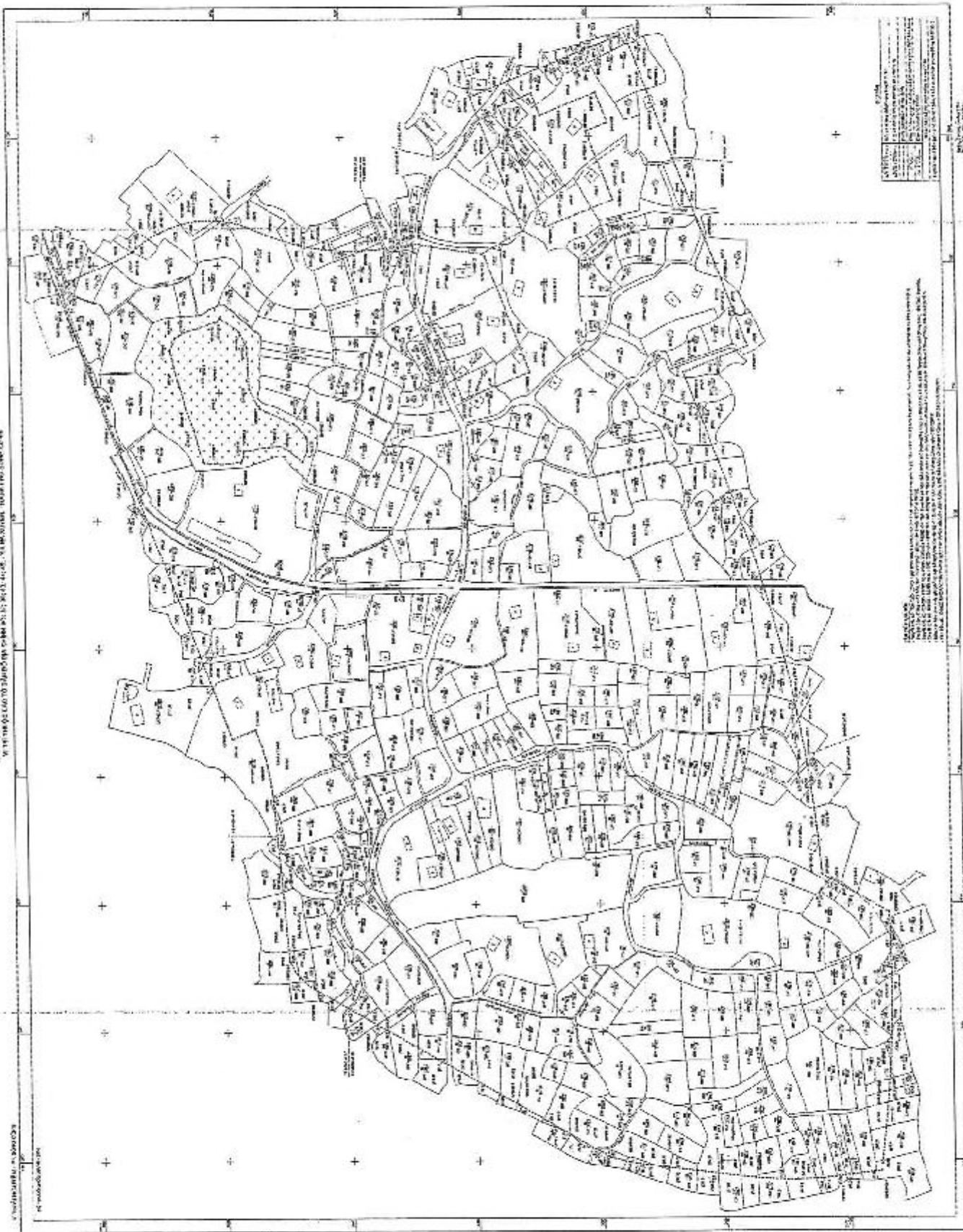


Ngày 05 tháng 10 năm 2004
 PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
 VÀ CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ SÔNG CƯƠNG
 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ SÔNG CƯƠNG)
 Nguyễn Văn Kiên

Ngày 05 tháng 10 năm 2004
 Nguyễn Văn Kiên

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH (TRÍCH LỤC-CHÍNH LÝ)

PHẠM VI: KHU VỰC MỸ THOẠI, QUẬN HOÀNG MÃI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM
MÀNG ĐẤT: 1:500 (TỶ LỆ THUỐC BẢN ĐỒ)



1	Đường	Đường
2	Đường	Đường
3	Đường	Đường
4	Đường	Đường
5	Đường	Đường
6	Đường	Đường
7	Đường	Đường
8	Đường	Đường
9	Đường	Đường
10	Đường	Đường
11	Đường	Đường
12	Đường	Đường
13	Đường	Đường
14	Đường	Đường
15	Đường	Đường
16	Đường	Đường
17	Đường	Đường
18	Đường	Đường
19	Đường	Đường
20	Đường	Đường

PHẠM VI: KHU VỰC MỸ THOẠI, QUẬN HOÀNG MÃI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM
MÀNG ĐẤT: 1:500 (TỶ LỆ THUỐC BẢN ĐỒ)



THÀNH PHỐ HÀ NỘI
QUẬN HOÀNG MÃI
MỸ THOẠI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3253 /UBND-TCKH

Sông Công, ngày 01 tháng 12 năm 2023

V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị
chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án
Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên,
thành phố Sông Công

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Văn bản số 4519/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 24/11/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến chuyên ngành hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. Sau khi nghiên cứu các nội dung đề nghị tham gia ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và hồ sơ kèm theo, UBND thành phố Sông Công có ý kiến như sau:

1. Về khả năng thu hồi đất thực hiện giải phóng mặt bằng, tái định cư của dự án:

Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công có quy mô sử dụng đất khoảng 324.913m² nằm trên địa bàn xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. Trong khu vực dự án, số hộ bị ảnh hưởng thu hồi đất nông nghiệp khoảng 96 hộ; số hộ bị ảnh hưởng thu hồi đất ở khoảng 34 hộ.

Sau khi dự án được chấp thuận nhà đầu tư và triển khai thực hiện, UBND thành phố Sông Công sẽ tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng dự án chấp hành các quy định về kiểm đếm thu hồi đất, tài sản gắn liền với đất, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và thực hiện bàn giao đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công: Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đăng tải thông báo mời quan tâm dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, mở hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và đánh giá năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định. Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID (Địa chỉ: Tầng 26, toà tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam) là nhà đầu tư duy nhất được Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá đáp ứng yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện dự án. Đối chiếu các quy định tại Khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư năm 2020, Khoản 3 Điều 29 và Khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, UBND thành phố Sông Công đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đề nghị Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID cam kết hoàn thành dự án đúng tiến độ và chất lượng theo quy định.

Cơ quan tham gia ý kiến	Nội dung tham gia ý kiến		
	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
UBND thành phố Sông Công	x		

Trên đây là tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. UBND thành phố Sông Công gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận: *Phuyc*
- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.
Tramnn.01p *2*

CHỦ TỊCH



Mười Duyệt Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~144~~ /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 728/TTr-STNMT ngày 13/11/2024 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi ba thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với các nội dung như sau:

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch.

Theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì phải tổng hợp danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất cho các công trình, dự án, nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, xem xét thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Nội dung

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, bao gồm:


a) Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 118 công trình, dự án thu hồi đất (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

- 94 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

b) Thông qua điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 22 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

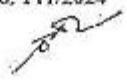
c) Thông qua chuyển tiếp 133 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đã quá 3 năm chưa thực hiện xong trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để có cơ sở triển khai thực hiện (có Dự thảo Nghị quyết kèm theo). 

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP UBND tỉnh (đ/c Chung; đ/c Huy);
- Lưu: VT, TH, CNNXD.

Anhd. T11/2024



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Quang Tiến

Phụ lục I

Danh mục 118 công trình dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số 119/TT-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		512,56	36,07	232,12	0,52		243,85
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		46,05	5,26	10,82			29,97
1	Khu dân cư số 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,44	3,92				1,51
2	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	0,55					0,55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,49					3,49
3	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	3,20	0,64				2,56
		Xã Đồng Liên, TPTN	1,59	0,66				0,93
4	Xây dựng hệ thống cống thoát nước ng 432, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,005					0,005
5	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Láng Môn, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 6, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	11,98		10,69			1,29
		Phường Phú Xá, TPTN	1,10					1,10
6	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hóa Thượng, xã Minh Lập, huyện Đông Hỷ; xã Võ Tranh, huyện Phú Lương và xã Sơn Cẩm, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	6,51					6,51
		Xã Sơn Cẩm, TPTN	12,20	0,04	0,13			12,03
II	THÀNH PHỐ PHỖ YÊN		174,96	7,20	126,01			41,76
1	Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đắc Sơn	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	0,30	0,30				
2	Dự án mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (khu 1+2)	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	23,15	0,33	13,77			9,05

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khai thác khoáng sản, mỏ cát sỏi tại khu vực phường Phố Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên (Nay là phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên)	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	11,69	0,12				11,57
		Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	1,76				1,76	
		Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	2,69				2,69	
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ đường Bạ Hàng – Tiên Phong đi nhà máy Z131	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,75	0,03				0,72
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Gò Đồn đi Ao Sen, xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	2,52	0,51	0,02			1,99
6	Cải tạo, nâng cấp đập tràn Đồng Muồn xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,3075	0,0044				0,3031
7	Trạm biến áp 500kV Thái Nguyên và các đường dây 220kV đấu nối	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	17,39	0,23	16,89			0,28
		Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	2,74	0,26	2,48			
8	Đường dây 220kV TBA 500kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2 trên địa bàn thành phố Phổ Yên	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	1,01	1,01				
9	Khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Núi Choét	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	5,22		5,22			
10	Khai thác mỏ đất san lấp khu vực đội Vành Kiếng, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	30,19	0,06	28,20			1,93
11	Khai thác mỏ cát sỏi xóm Dăm	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	4,76	0,10				4,66
		Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	1,96	0,24				1,72
12	Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xóm 9, xã Phúc Tân và xóm Nông Trường, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	45,30	4,00	36,20			5,10
		Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	10,00		10,00			
13	Khai thác mỏ đất san lấp Núi Đậu, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	13,23		13,23			
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		38,79	6,63	9,63			22,53
1	Mỏ cát, sỏi tại khu vực thuộc phường Phố Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Phường Phố Cò, thành phố Sông Công	2,00					2,00
2	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	5,00	1,85	3,12			0,03

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	6,99	0,30	5,56			1,13
		Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,95		0,95			
4	Khai thác cát sỏi - Công ty TNHH Hải Thành	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	5,50					5,50
		Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	1,50					1,50
5	Khai thác cát sỏi tại khu vực xóm Long Vân, xã Bình Sơn và xóm La Giang, xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	8,62	3,78				4,84
		Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	2,50					2,50
6	Dự án dân tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp - Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Hữu Huệ	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	5,73	0,70				5,03
IV	HUYỆN VÕ NHAİ		16,88	1,44	2,75	0,52		12,17
1	Bảo hiểm xã hội huyện Võ Nhai (phần mở rộng thêm)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
2	Trụ sở UBND xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,78					0,78
3	Nhà Văn hoá xóm Bán Chang	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
4	Nhà văn hóa xóm Nà Giàn	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,02					0,02
5	Nhà văn hoá xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
6	Nhà văn hóa xóm Tân Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,08					0,08
7	Nhà văn hóa xóm Trung Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,18	0,07				0,11
8	Nhà văn hóa xóm Cao Lãm	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
9	Nhà văn hóa xóm Phú Trì	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,10	0,07				0,03
10	Nhà văn hóa xóm Đồng Mới	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,12					0,12
11	Nhà văn hóa xóm Khuổi Mèo	Xã Sàng Mộc, huyện Võ Nhai	0,13		0,13			
12	Nhà văn hóa xóm Khuổi Chạo	Xã Sàng Mộc, huyện Võ Nhai	0,11		0,11			
13	Trường Mầm non xã Nghinh Tường	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,29		0,29			
14	Kiên cố hoá Trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016 - 2020	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,03					0,03
15	Trường Mầm non Liên Minh, phân trường xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,11		0,02			0,09

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
16	Trường Mầm non Dân Tiến 2	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,07					0,07
17	Điểm Trường Mầm non Phú Thượng (xóm Ba Nhất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,02				0,08
18	Công trình phụ trợ Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,02		0,02			
19	Đường tràn dân sinh trên địa bàn xã Liên Minh và xã Phương Giao	Xã Liên Minh, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,60					0,60
20	Đường giao thông xóm Nác, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai đi xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hồ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,50	0,10	1,05			0,35
21	Tuyến đường giao thông xóm Ngọc Mỹ đi Khuân Nang, xã Liên Minh (giai đoạn 1 + 2)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,72	0,20		0,52		
22	Sửa chữa đường bê tông Tổ dân phố Tiên Phong (Từ nhà ông Triệu Văn Phong đến nhà ông Trần Văn V)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,04	0,03				0,01
23	Xây dựng đường tràn xóm Vèn, xã Bình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	0,11	0,11				
24	Chợ xã Liên Minh	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,32	0,15				0,17
25	Chợ xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,35					0,35
26	Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	1,10		1,10			
27	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực suối Nho - Sông Rong	Xã Liên Minh, xã Tráng Xá huyện Võ Nhai	9,87	0,65				9,22
V	HUYỆN PHÚ BÌNH		47,08	6,54	4,07			36,47
1	Khu tái định cư Đầm Lở	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	1,18	0,40				0,78
		Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	0,72	0,32			0,40	
2	Trụ sở Công an xã Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	0,12	0,09			0,03	
3	Trụ sở Công an xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
4	Trụ sở Công an xã Tân Khánh	Xã Tân Khánh, huyện Phú Bình	0,11		0,10		0,01	
5	Trụ sở Công an xã Diêm Thụy	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	0,11	0,10			0,01	

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
6	Trụ sở Công an xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
7	Trụ sở Công an xã Lương Phú	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	0,11	0,10				0,01
8	Nhà văn hóa xóm Thông Bông	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,10	0,10				
9	Trường Mầm non xã Nga Mỹ	Xã Nga Mỹ, huyện Phú Bình	0,64	0,19				0,45
10	Đường dây 220KV TBA 500KV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	0,52	0,16				0,36
		Xã Nga Mỹ, huyện Phú Bình	1,08	1,00				0,08
11	Khai thác cát sỏi tại Khu vực xóm Ngược, xã Nhả Lộng và xã Bảo Lý	Xã Nhả Lộng, huyện Phú Bình	11,54	1,68				9,86
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	10,36	1,68				8,68
12	Khai thác cát sỏi tại khu vực Gò Lai, xóm Gò Lai và xóm Bông Lai, xã Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	1,10	0,50				0,60
13	Dự án khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Gáy, xã Nhả Lộng và khu vực sỏi ấp, xã Hà Châu (Cty cổ phần Quốc Cường Mê Linh)	Xã Nhả Lộng, huyện Phú Bình	6,35					6,35
		Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	8,77					8,77
14	Khai thác đất làm vật liệu san lấp khu vực các xóm Làng Cà, Làng Ngò, Vực Giàng xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	4,05		3,97			0,08
VI	HUYỆN ĐẠI TỪ		39,73	3,85	15,80			20,08
1	Mở rộng khuôn viên Trụ sở và xây dựng nhà làm việc xã Tân Thái (Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05					0,05
2	Trụ sở làm việc Công an xã Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,12					0,12
3	Nhà văn hóa xóm Yên Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
4	Trạm y tế xã Văn Yên	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,13					0,13
5	Mở rộng, cải tạo khuôn viên xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường Tiểu học Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,82	0,67				0,15
6	Mở rộng Trường Mầm non xã Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
7	Mở rộng bãi thải Tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	2,28	0,13				2,16

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
8	Mở rộng Mỏ than Núi Hồng	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	5,50		5,50			
9	Mỏ sắt Kỳ Phú	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ	8,00	2,95				5,05
10	Chùa Phú Cường	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,46					0,46
11	Giáo họ Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,19					0,19
12	Nhà thờ giáo họ Yên Sơn	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,19					0,19
13	Mở rộng Chùa Bình Định	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,50					0,50
14	Chùa Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,05					0,05
15	Khai thác cát sỏi khu vực suối Kén	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ	6,53					6,53
		Xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ	2,48					2,48
		Xã Lục Ba, huyện Đại Từ	0,47					0,47
16	Mỏ đá cát kết	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	11,85		10,30			1,55
VII	HUYỆN ĐỒNG HỖ		80,49		36,95			43,54
1	Xây dựng công trình ngầm và trận địa súng máy phòng không 12,7 mm trong căn cứ chiến đấu huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ	1,69		1,53			0,16
2	Nhà văn hoá xóm Lân Đăm	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	0,16					0,16
3	Mô đất san lấp khu vực thị trấn Sông Cầu - xóm La Giang, xã Quang Sơn và xóm La Thông, xã Hoà Trung và công trình phụ trợ	Thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ	19,82		19,82			
		Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	3,81		3,81			
		Xã Hoà Trung, huyện Đồng Hỷ	6,54		4,89			1,65
4	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (Công ty CP An Thịnh)	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	2,83					2,83
		Xã Minh lập, huyện Đồng Hỷ	11,45		0,31			11,14
5	Mỏ đá Quang Sơn (Công ty TNHH xây dựng và PTNT miền núi)	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	1,07		0,78			0,29
		Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,13		0,13			

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
6	Nâng công suất khai thác mỏ đá vôi Lũng Chè 2	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	2,65					2,65
		Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	17,35					17,35
7	Mỏ sét Theo Cây, xã Minh Lập và xã Hoá Thượng huyện Đồng Hỷ	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ	2,75		1,85			0,90
		Thị trấn Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ	7,25		3,65			3,60
8	Mỏ đá xóm Mới, xã Tân Long	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	1,49					1,49
9	Công trình phụ trợ mỏ đá vôi Đồng Luông	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	1,50		0,18			1,32
VIII	HUYỆN ĐỊNH HÓA		0,23	0,17				0,06
1	Trường Mầm non xã Bảo Cường	Xã Bảo Cường, huyện Định Hóa	0,23	0,17				0,06
IX	HUYỆN PHÚ LƯƠNG		68,34	4,99	26,09			37,26
1	Khu dân cư mới đường Vành đai 1 xã Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	7,02	1,38	1,44			4,00
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Dương Tự Minh (thu hồi phần diện tích còn lại của dự án)	Thị trấn Du, huyện Phú Lương	0,14					0,14
3	Nhà văn hóa xóm Khuôn Lặng	Xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	0,11					0,11
4	Nhà văn hóa xóm Ba Luông - Khe Khoang 1	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,05					0,05
5	Nhà Văn hóa xã Vô Tranh	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	0,18					0,18
6	Trường Mầm non Động Đạt (xóm Đồng Tâm)	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	0,16					0,16
7	Trường Mầm non xã Yên Đổ (điểm trường Cây Khế)	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,18					0,18
8	Trường Mầm non xã Yên Đổ (điểm trường xóm Thượng)	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,17	0,04				0,13
9	Trường Mầm non xã Yên Đổ (Điểm trường Khe Nác)	Xã Yên Đổ huyện Phú Lương	0,11					0,11
10	Trường Mầm non xã Yên Đổ (Điểm trường Trung Tâm)	Xã Yên Đổ huyện Phú Lương	0,28					0,28
11	Trường Mầm non xã Yên Ninh	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,30					0,30
12	Trường Mầm non xã Phú Lý	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	0,18					0,18
13	Mở rộng Trường Mầm non Yên Lạc (Điểm trường xóm Ó)	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương	0,20					0,20
14	Trường Mầm non Phú Đô (Điểm trường Phú Nam 2)	Xã Phú Đô, huyện Phú Lương	0,44					0,44

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
15	Sân thể thao thị trấn Giang Tiên	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	0,12					0,12
16	Sân thể thao xã Yên Ninh	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,49					0,49
17	Sân trung tâm thể thao xã Phú Đô	Xã Phú Đô, huyện Phú Lương	0,29					0,29
18	Khai thác mỏ đá vôi Suối Bén	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	2,35		0,53			1,82
19	Khai thác khoáng sản tại mỏ sắt Phố Giá	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	13,68	1,46	3,44			8,78
		Xã Phấn Mễ huyện Phú Lương	4,90	0,02			4,88	
20	Khai thác hầm lò Cánh Chim- Mỏ than Phấn Mễ	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	5,00					5,00
21	Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	6,20		0,04			6,16
22	Bãi đổ thải và sơ tuyển quặng mỏ Ilmenite phía Tây Cây Châm tại xóm Na Mạn, xã Phú Lý, huyện Phú Lương	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	13,00	0,15	12,53			0,32
23	Bãi thải rắn mỏ Ilmenit phía Tây mỏ Cây Châm	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	9,20	0,15	7,93			1,12
24	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các xã huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	2,10	1,29				0,82
25	Nhà máy nước sạch tại xóm Toàn Thắng	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	1,20	0,30				0,90
26	Di tích lịch sử địa điểm tổ chức lớp huấn luyện đầu tiên và đóng quân của trường cán bộ cung cấp (1951-1954) xã Yên Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Đô, huyện Phú Lương	0,28		0,19			0,09

Phụ lục II

Danh mục 94 công trình, dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		813,45	442,81	65,56	0,52		304,56
1	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		159,99	96,38	6,15			57,47
1	Khu dân cư số 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,44	3,92				1,51
2	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	3,20	0,64				2,56
		Xã Đồng Liên, TPTN	1,59	0,66				0,93
3	Khu đô thị Thành Nam	Xã Quyết Thắng, TPTN	37,67	14,20	0,34			23,13
4	Khu đô thị mới Linh Sơn - Hoàng Thượng (khu số 1)	Xã Hoàng Thượng, TPTN	71,85	44,75	5,81			21,29
5	Khu đô thị mới Linh Sơn - Hoàng Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Hoàng Thượng, TPTN	40,25	32,21				8,04
II	THÀNH PHỐ PHỖ YÊN		426,92	222,08	33,25			171,59
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, phường trên địa bàn thành phố Phõ Yên	0,13	0,13				
2	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn thành phố Phõ Yên	3,34	3,28	0,06			
3	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Các phường trên địa bàn thành phố Phõ Yên	11,39	11,36	0,03			
4	Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đắc Sơn	Phường Đắc Sơn, thành phố Phõ Yên	0,30	0,30				
5	Dự án mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phõ Yên, tỉnh Thái Nguyên (khu 1+2)	Xã Phúc Thuận, thành phố Phõ Yên	23,15	0,33	13,77			9,05
6	Khai thác khoáng sản, mỏ cát sỏi tại khu vực phường Phõ Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, xã Đắc Sơn, thị xã Phõ Yên (Nay là phường Đắc Sơn, thành phố Phõ Yên)	Phường Đắc Sơn, thành phố Phõ Yên	11,69	0,12				11,57
		Xã Vạn Phát, thành phố Phõ Yên	1,76					1,76
		Xã Minh Đức, thành phố Phõ Yên	2,69					2,69
7	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ đường Ba Hàng - Tiên Phong đi nhà máy Z131	Phường Đồng Tiến, thành phố Phõ Yên	0,75	0,03				0,72

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Gò Đồn đi Ao Sen, xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	2,52	0,51	0,02			1,99
9	Cải tạo, nâng cấp đập tràn Đồng Muối xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,3075	0,0044				0,30
10	Trạm biến áp 500kV Thái Nguyên và các đường dây 220kV đấu nối	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	17,39	0,23	16,89			0,28
		Xã Phúc Tán, thành phố Phổ Yên	2,74	0,25	2,48			
11	Dường dây 220kV TBA 500kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2 trên địa bàn thành phố Phổ Yên	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	1,01	1,01				
12	Khu đô thị Hồng Tiến (Khu nhà ở đường 47m)	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	59,20	34,77				24,43
13	Khu đô thị Tân Hương (Khu số 1)	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	0,97	0,66				0,31
		Phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên	21,03	11,41				9,62
14	Khu đô thị Đắc Sơn (Khu số 1)	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	30,00	14,00				16,00
15	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 19,45 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	18,65	9,42				9,23
		Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	0,80	0,40				0,40
16	Khu dân cư Thành Lập 2	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	16,29	12,69				3,60
		Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,73	1,31				0,42
17	Khu đô thị Vạn Xuân 3	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,12					1,12
		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	25,06	10,00				15,06
18	Khu đô thị Đồng Tiến (Khu dân cư Đồng Tiến - Z131)	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	12,20	12,07				0,13
19	Khu đô thị City Home	Phường Tân Hương, Phường Đông Cao thành phố Phổ Yên	49,70	46,20				3,50
20	Khu đô thị Nam Tiến 2	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	36,70	15,00				21,70
21	Khu đô thị Đông Cao - Tân Phú	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	19,12	12,05				7,07
		Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	22,11	12,79				9,31
22	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lý Nam Đế, phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên (khu Đền Mục, khu Chùa Hương Ấp, khu Chùa Mãn Tăng)	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	33,06	11,73				21,33

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		124,24	75,25	9,60			39,39
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,07	0,07				
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Các phường trên địa bàn thành phố Sông Công	0,26	0,26				
3	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	5,00	1,85	3,12			0,03
4	Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	30,60	15,00	3,20			12,40
5	Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	32,50	15,00	2,50			15,00
6	Công viên thành phố Sông Công	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	12,10	11,30				0,80
		Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	9,10	8,00				1,10
7	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	14,81	10,20	0,28			4,33
8	Mở rộng khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (Khu tái định cư Tân Tiến mở rộng)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	19,80	13,57	0,50			5,73
IV	HUYỆN VÕ NHAİ		5,26	2,13	1,77	0,52		0,84
1	Chuyển mục đích sang đất chăn nuôi hộ gia đình Lý Văn Hoàn	Xã La Hiến, huyện Võ Nhai	0,09	0,09				
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,08	0,08				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Võ Nhai	1,262	1,172	0,090			
4	Bảo hiểm xã hội huyện Võ Nhai (phần mở rộng thêm)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
5	Nhà Văn hoá xóm Bản Chiang	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
6	Nhà văn hoá xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
7	Nhà văn hóa xóm Trung Thành	Xã Thượng Nùng, huyện Võ Nhai	0,18	0,07				0,11
8	Nhà văn hóa xóm Phù Trì	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,10	0,07				0,03

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
9	Nhà văn hóa xóm Khuổi Mèo	Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai	0,13		0,13			
10	Nhà văn hóa xóm Khuổi Chẹo	Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai	0,11		0,11			
11	Trường Mầm non xã Nghinh Tường	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,29		0,29			
12	Trường Mầm non Liên Minh, phần trường xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,11		0,02			0,09
13	Điểm Trường Mầm non Phú Thượng (xóm Ba Nhất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,02				0,08
14	Công trình phụ trợ Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hoa	Xã La Hiến, huyện Võ Nhai	0,02		0,02			
15	Nhà sản du lịch cộng đồng xóm Mỏ Gà (bà Hoàng Thị Thắm)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
16	Đường giao thông xóm Nác, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai đi xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,50	0,10	1,05			0,35
17	Tuyến đường giao thông xóm Ngọc Mỹ đi Khuẩn Nang, xã Liên Minh (giai đoạn 1 + 2)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,72	0,20		0,52		
18	Sửa chữa đường bê tông Tổ dân phố Tiên Phong (từ nhà ông Triệu Văn Phòng đến nhà ông Trần Văn Vj)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,04	0,03				0,01
19	Xây dựng đường trần xóm Vền, xã Đình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	0,11	0,11				
20	Chợ xã Liên Minh	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,32	0,15				0,17
V	HUYỆN PHÚ BÌNH		32,33	25,28	0,39			6,66
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Xã Bảo Lý, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	0,20	0,04	0,16			
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,18	0,18				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Phú Bình	1,15	1,02	0,13			
4	Khu tái định cư Đầm Lở	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	1,18	0,40				0,78
		Xã Nhả Lộng, huyện Phú Bình	0,72	0,32				0,40
5	Trụ sở Công an xã Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	0,12	0,09				0,03
6	Trụ sở Công an xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
7	Trụ sở Công an xã Tân Khánh	Xã Tân Khánh, huyện Phú Bình	0,11		0,10			0,01
8	Trụ sở Công an xã Diêm Thụy	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	0,11	0,10				0,01

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
9	Trụ sở Công an xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
10	Trụ sở Công an xã Lương Phú	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	0,11	0,10				0,01
11	Nhà văn hóa xóm Thông Đông	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,10	0,10				
12	Trường Mầm non xã Nga Mỹ	Xã Nga Mỹ, huyện Phú Bình	0,64	0,19				0,45
13	Đường dây 220KV TBA 500KV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	0,52	0,16				0,26
		Xã Nga Mỹ, huyện Phú Bình	1,08	1,00				0,08
14	Khu dân cư số 1 xã Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	25,89	21,36				4,53
VI	HUYỆN ĐẠI TỪ		31,40	16,83	5,90			8,67
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, thị trấn, huyện Đại Từ	1,94	1,83	0,11			
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Các thị trấn trên địa bàn huyện Đại Từ	0,07	0,07				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Đại Từ	0,85	0,56	0,29			
4	Nhà văn hóa xóm Yên Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
5	Mở rộng, cải tạo khuôn viên xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường Tiểu học Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,82	0,67				0,15
6	Mở rộng Trường Mầm non xã Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
7	Mở rộng bãi thải Tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	2,28	0,13				2,16
8	Mở rộng Mỏ than Núi Hồng	Xã Yên Lăng, huyện Đại Từ	5,50		5,50			
9	Mỏ sắt Kỳ Phú	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ	8,00	2,95				5,05
10	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	11,84	10,53				1,31
VII	HUYỆN ĐỒNG HỖ		3,45	0,51	2,78			0,16
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Các xã trên địa bàn huyện Đồng Hỷ	1,32	0,14	1,18			
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ	0,25	0,25				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Đồng Hỷ	0,18	0,12	0,06			

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
4	Xây dựng công trình ngầm và trận địa súng máy phòng không 12,7 mm trong căn cứ chiến đấu huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ	1,69		1,53			0,16
VIII	HUYỆN ĐỊNH HÓA		1,23	1,04	0,13			0,06
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	0,10	0,10				
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	0,18	0,18				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Định Hóa	0,72	0,59	0,13			
4	Trường Mầm non xã Bảo Cường	Xã Bảo Cường, huyện Định Hóa	0,23	0,17				0,06
IX	HUYỆN PHÚ LƯƠNG		28,62	3,31	5,59			19,72
1	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	0,02	0,02				
2	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Phú Lương	0,192	0,192				
3	Khu dân cư mới đường Vành đai I xã Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	7,02	1,58	1,44			4,00
4	Trường Mầm non xã Yên Đỗ (điểm trường xóm Thượng)	Xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương	0,17	0,04				0,13
5	Khai thác mỏ đá vôi Suối Bén	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	2,35		0,53			1,82
6	Khai thác khoáng sản tại mỏ sắt Phố Giá	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	13,68	1,46	3,44			8,78
		Xã Phán Mễ huyện Phú Lương	4,90	0,02				4,88
7	Di tích lịch sử địa điểm tổ chức lớp huấn luyện đầu tiên và đóng quân của trường cán bộ cung cấp (1951-1954) xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương	0,28		0,19			0,09

Phụ lục III

Điều chỉnh tên địa điểm, diện tích đối với 22 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tô trình số 144/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Nghị quyết của UBND tỉnh Thái Nguyên, số 144/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024														
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (số phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nguồn đất (ha)			STT công trình, dự án sử dụng đất	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (số phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nguồn đất (ha)			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
				Đất rừng sản xuất	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị quyết số 47/NQ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh													
I		Huyện Phú Bình												
1	Dự án Khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Cây, xã Nhà Lệnh và khu vực sỏi áp, xã Hà châu (Cty cổ phần Quốc Cường Mã Lĩnh)	Xã Nhà Lệnh, huyện Phú Bình	9,00			9,00	1	Dự án Khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Cây, xã Nhà Lệnh và khu vực sỏi áp, xã Hà châu (Cty cổ phần Quốc Cường Mã Lĩnh)	Xã Nhà Lệnh, huyện Phú Bình Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	6,35 8,77			6,35 7,77	Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 9,0 ha thành 15,12 ha để thực hiện phần diện tích còn lại của dự án. Dự án có quy mô 49,78 ha, đã được UBND tỉnh cho thuê đất với diện tích 34,66 ha; diện tích còn lại chưa được thuê đất là 15,12 ha.
B	Nghị quyết số 146/NQ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh													
I		Huyện Đông Hồ												
1	Cụm Công nghiệp Quang Sơn (khu A)	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ	15,30			12,82	1	Cụm Công nghiệp Quang Sơn 1 (khu A)	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ Xã Tân Long, huyện Đông Hồ	15,06 0,24	2,48		12,58 0,24	Điều chỉnh thêm địa điểm xã Tân Long của dự án để đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đông Hồ thời kỳ 2021-2030 được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
C	Nghị quyết số 208/NQ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh													
I		Huyện Đông Hồ												
1	Tổ hợp sản xuất ván gỗ ép Trường Hưng	Xã Văn Hân, huyện Đông Hồ	3,57			3,13	1	Tổ hợp sản xuất ván gỗ ép Trường Hưng	Xã Văn Hân, huyện Đông Hồ	2,19	0,39		1,80	Điều chỉnh thêm địa điểm xã Tân Long của dự án để đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đông Hồ thời kỳ 2021-2030 được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
II		Huyện Đại Từ												
1	Trường Tiểu học Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,11			0,11	1	Trường Tiểu học Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,13	0,11		0,02	Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,11 ha thành 0,13 ha để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 30/7/2023

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Nay điều chỉnh lại như sau				
STT	Tên công trình, dự án at ứng đất	Địa điểm (xã phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án at ứng đất	Địa điểm (xã phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	
III	Huyện Võ Nhai													
1	Khu tái tạo xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,50			1,50	1	Khu tái tạo xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,07			1,07	Điều chỉnh giảm diện tích từ 1,5 ha thành 1,07 ha để không ảnh hưởng đến phần diện tích góp suất để bị sạt lở trong quá trình xây dựng. UBND huyện Võ Nhai đã được phê duyệt phê duyệt điều chỉnh hồ sơ báo cáo kèm tờ kỹ thuật tại Quyết định số 2403/UBND ngày 13/9/2024
IV	Thành phố Phố Yên													
1	Khu nhà ở phường Đồng Tiến (Khu số 1)	Phường Đồng Tiến, thành phố Phố Yên	18,30	5,90	12,40	1	Khu nhà ở phường Đồng Tiến (Khu số 1)	Phường Đồng Tiến, thành phố Phố Yên	18,08	7,50		10,18	Điều chỉnh giảm diện tích của dự án từ 18,30 ha thành 18,08 ha để phù hợp với Quy hoạch chi tiết 1:5000 được UBND thành phố Phố Yên phê duyệt tại Quyết định số 7327/QĐ-UBND ngày 09/9/2024; điều chỉnh tăng đất lúa từ 5,90 ha thành 7,9 ha do trước đây UBND thành phố Phố Yên đồng hợp theo bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chỉnh lý mới	
2	Phân Trường Mầm non 1 Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	0,25	0,25		2	Xây dựng điểm trường An Bình - Trường Mầm non Thành Công I	Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	0,25	0,25			Điều chỉnh tên dự án để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND thành phố Phố Yên và việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình	
D	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh													
I	Huyện Đại Từ													
1	Cầu hàng kinh doanh xăng dầu	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,58	0,34	0,24	1	Chuyến mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trình Văn Đạt)	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,21	0,18		0,03	Điều chỉnh tên dự án và giảm diện tích từ 0,58 ha thành 0,21 ha để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 30/7/2023	
II	Thành phố Phố Yên													
1	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,64	1,00	0,64	1	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,64	1,20		0,44	Điều chỉnh cơ cấu nội lệ diện tích các loại đất do trước đây UBND thành phố Phố Yên tổng hợp theo bản đồ cũ, Nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng, và số liệu đo đạc, chỉnh lý bản đồ mới.	

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt		Nội dung chính lại như sau												
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (Lũ)			STT	Kêu công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (Xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
E	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND tỉnh													
I	Huyện Định Hóa													
I	Điểm ổn định dân cư và Tải định cư đường Hồ Chí Minh	Xã Phúc Châu, huyện Định Hóa	3,00	1,20		1,80	I	Khu tái định cư thuộc tiểu dự án bất thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	Xã Phúc Châu, huyện Định Hóa	3,00	0,33		2,67	Điều chỉnh tên dự án để phù hợp với Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Định Hóa phê duyệt tại Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 31/5/2023; điều chỉnh giảm diện tích đất trồng lúa để phù hợp với số liệu mới do đưc, chính N.
E	Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh													
I	Huyện Phú Lương													
I	Khu dân cư Thành Nam 2	Thị trấn Du, huyện Phú Lương	4,03	1,96		2,07	I	Khu dân cư Thành Nam 2	Thị trấn Du, huyện Phú Lương	4,13	1,96		2,17	Điều chỉnh công việc lịch dự án từ 4,03 ha thành 4,13 ha để đảm bảo vị trí đường gom của dự án theo Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND huyện
II	Huyện Đại Từ													
I	Mô rừng giáo họ Tân Cường 3	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,04			0,04	I	Mô rừng giáo họ Tân Cường 3	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,13			0,13	Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,04 ha thành 0,13 ha để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 30/7/2023
III	Huyện Đông Hồ													
I	Sân chơi năng cấp, mở rộng, cấp nước sinh hoạt xã Hoà Trung	Xã Hoà Trung, huyện Đông Hồ	0,003				I	Sân chơi năng cấp, mở rộng, cấp nước sinh hoạt xã Hoà Trung	Xã Hoà Trung, huyện Đông Hồ	0,003			0,003	Điều chỉnh cơ chế sử dụng đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác để phù hợp với số liệu sau khi đo đạc, thống kê kiểm đếm CPMB
IV	Thành phố Phố Yên													
I	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Hồng Tiệp	Phường Hồng Tiệp, thành phố Phố Yên	0,63			0,63	I	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Hồng Tiệp	Phường Hồng Tiệp, thành phố Phố Yên	1,03	0,40		0,63	Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,6 ha thành 1,0 ha để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Phố Yên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 24/10/2024; điều chỉnh tăng, giảm tích đất trồng lúa thành 0,4 ha do trước đây UBND thành phố Phố Yên từng báo theo bản đồ cũ, nay đã tổng hợp đúng chủng hiện trạng và số liệu đo đạc, chỉnh lý mới

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt		Nay điều chỉnh lại như sau												
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
2	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	15,00	4,00		11,00	2	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2, xã Tân Quang (Xây dựng hệ thống kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	21,74	12,40	9,34	Điều chỉnh tên dự án và tăng diện tích từ 13 ha thành 21,74 ha để phù hợp với quy mô dự án trong quy hoạch sử dụng đất thành phố Sông Công đã được UBND tỉnh phê duyệt đầu chỉnh lại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	
II	Thành phố Phố Yên												Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất do nước chảy UBND thành phố Phố Yên tổng hợp theo báo cáo Nay đã tổng hợp theo đúng biên trạng và số liệu để báo, chỉnh lý bản đồ mới.	
1	Khu tái định cư xóm Hành và xóm Công Thương, xã Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Phố Yên	3,20	1,72		1,49	1	Khu tái định cư xóm Hành và xóm Công Thương, phường Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Phố Yên	5,20	2,20	1,00	Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 4,35 ha thành 4,81 ha nguyên nhân là cơ sở rộng quy mô diện tích dự án để làm đường quy hoạch nhằm phù hợp với quy mô tương đối chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 20/12/2023, QĐ 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024; UBND thành phố đã chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	
III	Thành phố Thái Nguyên													
1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TP.TN	4,35	0,25		4,10	1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TP.TN	4,81	0,25	4,56		
I	Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2024; Nghị quyết 105/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên													
I	Thành phố Sông Công													
1	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	51,94	24,55		27,39	1	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	14,81	10,20	4,61	Điều chỉnh giảm diện tích từ 51,94 ha thành 14,81 ha để phù hợp với khả năng đầu tư được HĐND thành phố Sông Công phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 09/7/2024	

Ngân sách của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Ngân sách chi trả như sau					Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (số, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Số diện tích không đất (ha)			Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (số, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Số diện tích không đất (ha)			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh		
				Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác			
1	Ngân sách số 208/NQ-UBND ngày 10/12/2021; Ngân sách 105/NQ-UBND ngày 8/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.														
1	Khu đô thị Đông Cao - Tân Phú	Phường Đông Cao, thành phố Phủ Yên	18,45	6,47		11,98	Khu đô thị Đông Cao - Tân Phú	19,12	12,05		7,07			Điều chỉnh giảm diện tích dự án từ 41,6 ha xuống 41,23 ha để phù hợp với Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1279/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên ngày 13/6/2024. Điều chỉnh cơ cấu một bộ diện tích các loại đất do trước đây UBND thành phố Phủ Yên tổng hợp theo bản đồ cũ, nay để tổng hợp theo đúng bản đồ và số liệu do địa phương lập mới	
1		Phường Tân Phú, thành phố Phủ Yên	22,16	9,16	14,00			22,11	12,79		9,31				

Phụ lục IV

Chuyển tiếp 133 công trình, dự án bỏ chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đã quá 3 năm chưa thực hiện xong trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số 174/TT-TUBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		1101,53	396,26	358,73			346,54
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		57,72	11,86	18,53			27,34
1	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Picezza Thái Nguyên 2.	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,26	0,13				0,13
2	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bẩm, TPTN	3,39	0,48				2,91
3	Khu dân cư số 9, phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	2,28	1,00				1,28
4	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Thịnh Đán, TPTN	2,41	1,85	0,11			0,45
		Xã Quyết Thắng, TPTN	5,84	3,97				1,87
5	Khu dân cư HAVICO phường Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	4,87	0,83				4,04
6	Khu dân cư tổ 4 phường Phau Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,13		0,72			1,41
7	Đầu tư xây dựng Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại)	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,90	0,38				0,52
8	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, TPTN	4,06	0,60				3,46
9	Trường bán, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, TPTN	1,81	0,50	1,15			0,16
10	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	1,32		1,20			0,12
11	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục hành lang an toàn bãi thải tại xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	11,70	1,12	2,72			7,87
12	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Làng Mơn, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 6, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	11,98		10,69			1,29
		Phường Phú Xá, TPTN	0,72					0,72

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
13	Xây dựng hoàn trả hạ tầng Ga Lưư Xá tại tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	0,33					0,33
14	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc Nam	Xã Phúc Xuân, TPTN	1,13		1,10			0,03
15	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,521	0,31	0,082			0,13
		Xã Tân Cương, TPTN	0,398	0,05	0,157			0,19
		Xã Phúc Trìu, TPTN	0,289	0,16	0,023			0,10
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,361	0,48	0,573			0,31
16	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E6.4 với 474 E6.2, 473 E6.2 tại N-1	Phường Chùa Hang, TPTN	0,005		0,001			0,004
		Xã Cao Ngạn, TPTN	0,010					0,010
		Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,008					0,008
II	THÀNH PHỐ PHỔ YÊN		233,81	62,64	102,04			69,14
1	Khu nhà ở phường Ba Hàng (Khu số 2)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	3,80	2,00				1,80
		Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	8,20	4,70				3,50
2	Khu dân cư Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,11	4,21				0,90
		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,10	1,08				0,02
3	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,64	1,00				0,64
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,11	0,11				
5	Xây dựng Trung tâm hành chính thị xã Phổ Yên (Hạng mục: GPMB + san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	6,50	2,00				4,50
6	Trao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	7,50	2,42	4,72			0,36
7	Xây dựng trận địa phòng không 12,7mm	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	0,22		0,22			
8	Hầm hợp khối Chính quyền trong căn cứ chiến đấu 2	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	2,00		2,00			
9	Trụ sở công an xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,25	0,15				0,10
10	Trụ sở công an xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	0,24	0,24				
11	Trụ sở công an xã Phúc Tân	Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	0,26	0,23				0,03
12	Trụ sở công an xã Minh Đức	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	0,34	0,30				0,04
13	Trụ sở công an xã Vạn Phái	Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	0,26	0,16				0,10
14	Xây mới trường Mầm non Đắc Sơn	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	0,35	0,35				
15	Xây dựng điểm trường An Bình - Trường Mầm non Thành Công I	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	0,25	0,25				
16	Sân gôn Glory	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	53,92	0,52	48,43			4,97

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
17	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu và dịch vụ tiện ích tại xã Tiên Phong, thị xã Phố Yên (Nay là phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên)	Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	0,47	0,40				0,07
18	Khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Núi Choét	Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	5,22		5,22			
19	Khai thác mỏ đất san lấp khu vực đồi Vành Kiềng, xã Minh Đức, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	30,19	0,06	28,20			1,93
20	Khai thác mỏ cát sỏi xóm Đăm	Phường Đắc Sơn, thành phố Phố Yên	4,76	0,10				4,66
		Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	1,96	0,24			1,72	
21	Khai thác mỏ đất san lấp Núi Đẩu, xã Minh Đức, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	13,23		13,23			
22	Xây dựng tuyến đường từ Công viên - Thể thao đến nút giao đi đường Liên kết vùng	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,30	0,75				0,55
23	Xây dựng đường nội bộ khu vực Trung tâm hành chính thị xã Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,57	0,43				0,14
24	Đường kết nối từ Quảng trường đến đường Liên kết vùng Thái Nguyên - Vĩnh Phúc (Giai đoạn 1)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,90	1,10				0,80
		Phường Đắc Sơn, thành phố Phố Yên	7,96	6,21			1,75	
25	Xây dựng tuyến đường kết nối từ phía bắc Trung tâm hành chính thị xã Phố Yên đến đường Phía bắc khu vực quần thể văn hóa - Thể thao	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	0,54	0,45				0,09
		Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,47	0,40			0,07	
26	Xây dựng tuyến đường từ Cung văn hóa đến đường 100m khu vực quần thể văn hóa - thể thao thị xã Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,90	0,50				0,40
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đ1274 (từ DT261 cũ Thành Công) - Giai đoạn 01	Phường Đắc Sơn, thành phố Phố Yên	1,70	0,50				1,20
		Xã Vạn Phái, thành phố Phố Yên	1,45	0,50			0,95	
		Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	1,20	0,50			0,70	
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ DT 274 đi Vạn Phái	Xã Vạn Phái, thành phố Phố Yên	1,70	0,40				1,30
29	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 3 (cũ) đi Công Táo	Phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên	1,50	0,70				0,80
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Ba Hàng - Tiên Phong (từ dốc Cao Vương - về Hà Châu)	Phường Tân Hương, thành phố Phố Yên	0,33					0,33
		Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	0,58	0,23			0,35	
31	Đường cứu hộ, cứu nạn về Sông Công đoạn từ đường Quốc lộ 3 (Km35+350) đến về Sông Công (K+900)	Phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên	0,33	0,24				0,09
		Phường Trung Thành, thành phố Phố Yên	2,51	2,30			0,21	

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc đựng	Đất khác
32	Dự án xử lý cấp bách đoạn đê xung yếu từ K8+600-K13+700 tuyến đê Hà Châu	Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	10,45	1,67				8,78
33	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,23	0,33				0,90
34	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Thái Nguyên	Xã Phúc Thuận, thành phố Phố Yên	0,02	0,01	0,003			0,01
		Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	0,03	0,01	0,01			0,01
		Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	0,01	0,01				0,01
		Phường Bắc Sơn, thành phố Phố Yên	0,004	0,001				0,003
		Xã Vạn Phái, thành phố Phố Yên	0,03	0,02				0,01
		Phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên	0,002	0,002				
		Phường Trung Thành, thành phố Phố Yên	0,006	0,005				0,002
		Phường Tân Phú, thành phố Phố Yên	0,001	0,0004				0,001
		Phường Đông Cao, thành phố Phố Yên	0,010	0,009				0,001
		Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	0,05	0,04				0,01
		Phường Tân Hương, thành phố Phố Yên	0,02	0,01				0,01
		Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,03	0,02				0,01
		Phường Đông Tiến, thành phố Phố Yên	0,023	0,019	0,001			0,004
		Phường Bãi Bông, thành phố Phố Yên	0,003	0,002				0,001
Phường Hồng Tiến, thành phố Phố Yên	0,02	0,01	0,002			0,01		
35	Dường dây và Trạm biến áp 110 kv Đa Phúc	Phường Trung Thành, thành phố Phố Yên	0,95	0,95				
36	Xây dựng khu quần thể văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	19,00	8,20				10,80
37	Công viên, cây xanh Khu đô thị Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	6,00	4,90				1,10
		Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,55	0,45				0,10
38	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phố Yên (Giai đoạn I: Hàng mục san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	4,25	3,34				0,91
39	Công viên cây xanh, hồ điều hoà thành phố Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	18,32	6,89				11,43

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc đụng	Đất khác
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		77,79	29,07	14,30			34,42
1	Khu đô thị số 4 phường Châu Sơn (trước đây là Hạ tầng Khu dân cư số 4 phường Châu Sơn)	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	1,03	0,22				0,81
2	Khu đô thị tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè (trước đây là Hạ tầng Khu dân cư tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè)	Phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công	2,90	2,35				0,55
3	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	3,82	2,82				1,00
4	Hạ tầng Khu dân cư phường Bách Quang	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,09	0,09				
5	Khu đô thị số 3, phường Mỏ Chè (Hạ tầng Khu dân cư số 3 phường Mỏ Chè)	Phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công	2,81	0,98				1,83
6	Khu đô thị đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 2)	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,11	0,06				0,05
7	Hạ tầng Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	1,94	0,54				1,40
8	Khu đô thị Vạn Phúc Sông Công (trước đây là Khu dân cư Vạn Phúc Sông Công)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	3,91	1,35				2,56
9	Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi - nằm trong quy hoạch khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu A	Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	0,37	0,15				0,22
10	Khu dân cư đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 3)	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,14	0,14				
11	Khu nhà ở Huy Hai (trước đây là Khu dân cư phường Cải Đan)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	0,27	0,01				0,26
12	Các Khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - Khu số 1	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	5,18	1,46	1,00			2,72
13	Các Khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - khu số 2	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	3,80	0,04	0,80			2,96
14	Hạ tầng Khu dân cư Tân Tiến, xã Tân Quang (Đoạn từ Quốc lộ 3 nối Khu tái định cư Tân Tiến)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,38	0,28				0,10
15	Trụ sở Công an xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,31	0,31				
16	Trụ sở Công an xã Tân Quang	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,30	0,30				
17	Trụ sở Công an xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	0,36	0,05				0,31
18	Khu căn cứ chiến đấu quốc phòng	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	12,00		12,00			
19	Trường Tiểu học và THCS Tân Quang (Hạng mục: nhà lớp học)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,09	0,09				

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng bộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
19	Công trình nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của các đường dây 472E6.17 và 474E6.17 theo phương án đa chia - đa nối (MDMC)	Xã Dương Thành, huyện Phú Bình	0,02	0,01				0,01
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,01	0,01				
V	HUYỆN ĐỒNG HỖ		55,42	3,22	31,34			20,86
1	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E 6.4 với 474 E 6.2, 473 E 6.2 tạo NI tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	0,009	0,006				0,003
2	Tổ hợp sản xuất ván gỗ ép Trường Hưng	Xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ	2,19	0,39	1,41			0,39
3	Khu đô thị số 4 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng)	Thị trấn Hòa Thượng, huyện Đồng Hỷ	5,88	2,58	0,19			3,11
4	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	1,69	0,24				1,45
5	Mô đất san lấp khu vực thị trấn Sông Cầu - xóm La Giang, xã Quang Sơn và xóm La Thông, xã Hoá Trung và công trình phụ trợ	Thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ	19,82		19,82			
		Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	3,81		3,81			
		Xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ	6,54		4,89		1,65	
6	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (Công ty CP An Thịnh)	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	2,83					2,83
		Xã Minh lập, huyện Đồng Hỷ	11,45		0,31			11,14
7	Mỏ đá Quang Sơn (Công ty TNHH xây dựng và PTNT miền núi)	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	1,07		0,78			0,29
		Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,13		0,13			
VI	HUYỆN VÕ NHAİ		11,20	1,19	0,60			9,41
1	Khai thác đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,60		0,60			
2	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực suối Nho - Sông Rong	Xã Liên Minh, xã Tráng Xá huyện Võ Nhai	9,87	0,65				9,22
3	Xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 375 E6.8 với 371 E6.8 đoạn tuyến từ cột G26 xóm Đất Đỏ đến vị trí cột 12 nhánh rẽ TBA bệnh viện đa khoa lộ 371-E6.8	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	0,04	0,04				
4	Tràng tu, mở rộng Đình Công Chùa Xã	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,69	0,50				0,19
VII	HUYỆN ĐẠI TỪ		170,69	34,76	70,63			65,30
1	Khu đô thị số 4 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	10,25	6,70	0,02			3,53
2	Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	9,21	6,76				2,45

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	54,94	5,60	31,66			17,68
4	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng số 2	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	57,70	2,54	28,65			26,51
5	Cụm công nghiệp Phú Lạc 2	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	12,01	2,43				9,58
6	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	11,84	10,53				1,31
7	Mỏ đá cát kết	Xã Cù Ván, huyện Đại Từ	11,85		10,30			1,55
8	Mở rộng bãi thải Tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	2,89	0,20				2,69
VIII	HUYỆN ĐỊNH HOÁ		45,42	1,00	39,85			4,57
1	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	45,42	1,00	39,85			4,57
IX	HUYỆN PHÚ LƯƠNG		94,47	2,74	73,07			18,66
1	Dự án chăn nuôi lợn công nghệ cao	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	29,80	1,00	26,00			2,80
2	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông Nguyễn Văn Trong)	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	4,84		4,14			0,71
3	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác tại xã Vô Tranh (ông Đào Văn Sách và bà Trần Thị Thịnh)	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	1,54		1,27			0,27
4	Kho vũ khí đạn (Đại đội 29) Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	40,00		31,50			8,50
5	Khu căn cứ chiến đấu 2 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	2,75		1,66			1,09
6	Dự án siêu thị Aloha mall Phú Lương	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	0,22	0,15				0,07
7	Đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng titan khu vực Làng Lán- Hải Hoa, thị trấn Đu và xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	Thị trấn Đu, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	13,72		8,50			5,22
8	Mở rộng Mỏ đá Núi Chuông	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương	1,595	1,590				0,005

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2024

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHOA XIV, KỶ HỌP THỨ HAI MƯƠI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH 15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 118 công trình, dự án thu hồi đất (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

- 94 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Thông qua điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 22 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

Điều 3. Thông qua chuyển tiếp 133 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đã quá 3 năm chưa thực hiện xong trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi ba thông qua ngày tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

Danh mục 118 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		512,56	36,07	232,12	0,52		243,85
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		46,05	5,26	10,82			29,97
1	Khu dân cư số 1, xã Sơn Cầm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cầm, TPTN	5,44	3,92				1,51
2	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	0,55					0,55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,49					3,49
3	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	3,20	0,64				2,56
		Xã Đồng Liên, TPTN	1,59	0,66				0,93
4	Xây dựng hệ thống cống thoát nước ngõ 432, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,005					0,005
5	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Làng Mòn, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 6, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	11,98		10,69			1,29
		Phường Phú Xá, TPTN	1,10					1,10
6	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hóa Thượng, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ; xã Võ Tranh, huyện Phú Lương và xã Sơn Cầm, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	6,51					6,51
		Xã Sơn Cầm, TPTN	12,20	0,04	0,13			12,03
II	THÀNH PHỐ PHỖ YÊN		174,96	7,20	126,01			41,76
1	Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đắc Sơn	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	0,30	0,30				
2	Dự án mở đất làm vật liệu san lấp tại xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (khu 1+2)	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	23,15	0,33	13,77			9,05

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khai thác khoáng sản, mở cát sỏi tại khu vực phường Phố Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên (Nay là phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên)	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	11,69	0,12				11,57
		Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	1,76				1,76	
		Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	2,69				2,69	
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ đường Ba Hàng - Tiên Phong đi nhà máy Z131	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,75	0,03			0,72	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Gò Đồn đi Ao Sơn, xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	2,52	0,51	0,02		1,99	
6	Cải tạo, nâng cấp đập tràn Đồng Muối xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,3075	0,0044			0,3031	
7	Trạm biến áp 500kV Thái Nguyên và các đường dây 220kV đấu nối	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	17,39	0,23	16,89		0,28	
		Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	2,74	0,26	2,48			
8	Đường dây 220kV TBA 500kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2 trên địa bàn thành phố Phổ Yên	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	1,01	1,01				
9	Khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Núi Choét	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	5,22		5,22			
10	Khai thác mỏ đất san lấp khu vực đồi Vành Kiềng, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	30,19	0,06	28,20		1,93	
11	Khai thác mỏ cát sỏi xóm Đăm	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	4,76	0,10			4,66	
		Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	1,96	0,24			1,72	
12	Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xóm 9, xã Phúc Tân và xóm Nông Trường, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	45,30	4,00	36,20		5,10	
		Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	10,00		10,00			
13	Khai thác mỏ đất san lấp Núi Đạn, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	13,23		13,23			
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		38,79	6,63	9,63		22,53	
1	Mỏ cát, sỏi tại khu vực thuộc phường Phố Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Phường Phố Cò, thành phố Sông Công	2,00				2,00	
2	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	5,00	1,85	3,12		0,03	

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	6,99	0,30	5,56			1,13
		Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,95		0,95			
4	Khai thác cát sỏi - Công ty TNHH Hải Thành	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	5,50					5,50
		Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	1,50					1,50
5	Khai thác cát sỏi tại khu vực xóm Long Vân, xã Bình Sơn và xóm La Giang, xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	8,62	3,78				4,84
		Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	2,50					2,50
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp - Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Hữu Huệ	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	5,73	0,70				5,03
IV	HUYỆN VÕ NHAİ		16,88	1,44	2,75	0,52		12,17
1	Bảo hiểm xã hội huyện Võ Nhai (phần mở rộng thêm)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
2	Trụ sở UBND xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,78					0,78
3	Nhà Văn hoá xóm Bản Chang	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
4	Nhà văn hóa xóm Nà Giâm	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,02					0,02
5	Nhà văn hóa xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
6	Nhà văn hóa xóm Tân Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,08					0,08
7	Nhà văn hóa xóm Trung Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,18	0,07				0,11
8	Nhà văn hóa xóm Cao Lắm	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,06					0,06
9	Nhà văn hóa xóm Phú Trì	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,10	0,07				0,03
10	Nhà văn hóa xóm Đồng Mới	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,12					0,12
11	Nhà văn hóa xóm Khuổi Mèo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,13		0,13			
12	Nhà văn hóa xóm Khuổi Chạo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,11		0,11			
13	Trường Mầm non xã Nghinh Tường	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,29		0,29			
14	Kiên cố hoá Trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016 - 2020	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,03					0,03
15	Trường Mầm non Liên Minh, phân trường xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,11		0,02			0,09

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
16	Trường Mầm non Dân Tiến 2	Xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai	0,07					0,07
17	Điểm Trường Mầm non Phú Thượng (xóm Ba Nhất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,02				0,08
18	Công trình phụ trợ Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,02		0,02			
19	Đường tràn dân sinh trên địa bàn xã Liên Minh và xã Phương Giao.	Xã Liên Minh, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,60					0,60
20	Đường giao thông xóm Nác, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai đi xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,50	0,10	1,05			0,35
21	Tuyến đường giao thông xóm Ngọc Mỹ đi Khuân Nang, xã Liên Minh (giai đoạn 1 - 2)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,72	0,20		0,52		
22	Sửa chữa đường bê tông Tổ dân phố Tiễn Phong (Từ nhà ông Triệu Văn Phòng đến nhà ông Trần Văn Vi)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,04	0,03				0,01
23	Xây dựng đường tràn xóm Vều, xã Bình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	0,11	0,11				
24	Chợ xã Liên Minh	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,32	0,15				0,17
25	Chợ xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,35					0,35
26	Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	1,10		1,10			
27	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực suối Nho - Sông Rong	Xã Liên Minh, xã Trừng Xá huyện Võ Nhai	9,87	0,65				9,22
V	HUYỆN PHÚ BÌNH		47,08	6,54	4,07			36,47
1	Khu tái định cư Đầm Lở	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	1,18	0,40				0,78
		Xã Nhã Long, huyện Phú Bình	0,72	0,32			0,40	
2	Trụ sở Công an xã Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	0,12	0,09				0,03
3	Trụ sở Công an xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
4	Trụ sở Công an xã Tân Khánh	Xã Tân Khánh, huyện Phú Bình	0,11		0,10			0,01
5	Trụ sở Công an xã Diềm Thụy	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	0,11	0,10				0,01

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
6	Trụ sở Công an xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
7	Trụ sở Công an xã Lương Phú	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	0,11	0,10				0,01
8	Nhà văn hóa xóm Thông Bông	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,10	0,10				
9	Trường Mầm non xã Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	0,64	0,19				0,45
10	Đường dây 220KV TBA 500KV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	0,52	0,16				0,36
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	1,08	1,00				0,08
11	Khai thác cát sỏi tại Khu vực xóm Ngược, xã Nhã Lộng và xã Bảo Lý	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	11,54	1,68				9,86
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	10,36	1,68				8,68
12	Khai thác cát sỏi tại khu vực Gò Lai, xóm Gò Lai và xóm Bông Lai, xã Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	1,10	0,50				0,60
13	Dự án khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Gầy, xã Nhã Lộng và khu vực soi ập, xã Hà Châu (Cty cổ phần Quốc Cường Mễ Linh)	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	6,35					6,35
		Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	8,77					8,77
14	Khai thác đất làm vật liệu san lấp khu vực các xóm Làng Cà, Làng Ngò, Vực Giáng xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	4,05		3,97			0,08
VI	HUYỆN ĐẠI TỪ		39,73	3,85	15,80			20,08
1	Mở rộng khuôn viên Trụ sở và xây dựng nhà làm việc xã Tân Thái (Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05					0,05
2	Trụ sở làm việc Công an xã Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,12					0,12
3	Nhà văn hóa xóm Yên Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
4	Trạm y tế xã Văn Yên	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,13					0,13
5	Mở rộng, cải tạo khuôn viên xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường Tiểu học Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,82	0,67				0,15
6	Mở rộng Trường Mầm non xã Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
7	Mở rộng bãi thái Tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	2,28	0,13				2,16

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
8	Mở rộng Mộ than Núi Hềng	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	5,50		5,50			
9	Mỏ sắt Kỳ Phú	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ	8,00	2,95				5,05
10	Chùa Phú Cường	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,46					0,46
11	Giáo họ Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,19					0,19
12	Nhà thờ giáo họ Yên Sơn	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,19					0,19
13	Mở rộng Chùa Bình Định	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,50					0,50
14	Chùa Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,05					0,05
15	Khai thác cát sỏi khu vực suối Kèn	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ	6,53					6,53
		Xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ	2,48					2,48
		Xã Lục Ba, huyện Đại Từ	0,47					0,47
16	Mỏ đá cát kết	Xã Cù Ván, huyện Đại Từ	11,85		10,30			1,55
VII	HUYỆN ĐỒNG HỖ		80,49		36,95			43,54
1	Xây dựng công trình ngầm và trạm đĩa súng máy phòng không 12,7 mm trong căn cứ chiến đấu huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Xã Khe Mỏ, huyện Đồng Hỷ	1,69		1,53			0,16
2	Nhà văn hoá xóm Lâu Đăm	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	0,16					0,16
3	Mở đất san lấp khu vực thị trấn Sông Cầu - xóm La Giang, xã Quang Sơn và xóm La Thông, xã Hoá Trung và công trình phụ trợ	Thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ	19,82		19,82			
		Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	3,81		3,81			
		Xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ	6,54		4,89			1,65
4	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (Công ty CP An Thịnh)	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	2,83					2,83
		Xã Minh lập, huyện Đồng Hỷ	11,45		0,31			11,14
5	Mỏ đá Quang Sơn (Công ty TNHH xây dựng và PTNT miền núi)	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	1,07		0,78			0,29
		Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,13		0,13			

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
6	Nâng công suất khai thác mỏ đá vôi Lũng Chò 2	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ	2,65					2,65
		Xã Tân Long, huyện Đông Hồ	17,35					17,35
7	Mỏ sét Theo Cây, xã Minh Lập và xã Hoá Thượng huyện Đông Hồ	Xã Minh Lập, huyện Đông Hồ	2,75		1,85			0,90
		Thị trấn Hoá Thượng, huyện Đông Hồ	7,25		3,65			3,60
8	Mỏ đá xóm Mới, xã Tân Long	Xã Tân Long, huyện Đông Hồ	1,49					1,49
9	Công trình phụ trợ mỏ đá vôi Đồng Lương	Xã Tân Long, huyện Đông Hồ	1,50		0,18			1,32
VIII	HUYỆN ĐỊNH HÓA		0,23	0,17				0,06
1	Trường Mầm non xã Bắc Cường	Xã Bắc Cường, huyện Định Hóa	0,23	0,17				0,06
IX	HUYỆN PHÚ LƯƠNG		68,34	4,99	26,09			37,26
1	Khu dân cư mới đường Vành đai 1 xã Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	7,02	1,58	1,44			4,00
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Dương Tự Minh (thu hồi phần diện tích còn lại của dự án)	Thị trấn Du, huyện Phú Lương	0,14					0,14
3	Nhà văn hóa xóm Khuân Lặng	Xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	0,11					0,11
4	Nhà văn hóa xóm Ba Luông - Khe Khoang 1	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,05					0,05
5	Nhà Văn hóa xã Vô Tranh	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	0,18					0,18
6	Trường Mầm non Động Đạt (xóm Đồng Tâm)	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	0,16					0,16
7	Trường Mầm non xã Yên Đổ (điểm trường Cây Khế)	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,18					0,18
8	Trường Mầm non xã Yên Đổ (điểm trường xóm Thượng)	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,17	0,04				0,13
9	Trường Mầm non xã Yên Đổ (Điểm trường Khe Nác)	Xã Yên Đổ huyện Phú Lương	0,11					0,11
10	Trường Mầm non xã Yên Đổ (Điểm trường Trung Tâm)	Xã Yên Đổ huyện Phú Lương	0,28					0,28
11	Trường Mầm non xã Yên Ninh	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,30					0,30
12	Trường Mầm non xã Phù Lý	Xã Phù Lý, huyện Phú Lương	0,18					0,18
13	Mở rộng Trường Mầm non Yên Lạc (Điểm trường xóm Ó)	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương	0,20					0,20
14	Trường Mầm non Phú Đô (Điểm trường Phú Nam 2)	Xã Phú Đô, huyện Phú Lương	0,44					0,44

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
15	Sân thể thao thị trấn Giang Tiên	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	0,12					0,12
16	Sân thể thao xã Yên Ninh	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	0,49					0,49
17	Sân trung tâm thể thao xã Phú Đò	Xã Phú Đò, huyện Phú Lương	0,29					0,29
18	Khai thác mỏ đá vôi Suối Bén	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	2,35		0,53			1,82
19	Khai thác khoáng sản tại mỏ sắt Phố Giá	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	13,68	1,46	3,44			8,78
		Xã Phấn Mễ huyện Phú Lương	4,90	0,02			4,88	
20	Khai thác hầm lò Cánh Chím- Mỏ than Phấn Mễ	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	5,00					5,00
21	Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	Xã Võ Tranh, huyện Phú Lương	6,20		0,04			6,16
22	Bãi đổ thải và sơ tuyển quặng mỏ Ilmenite phía Tây Cây Châm tại xóm Na Mạn, xã Phú Lý, huyện Phú Lương	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	13,00	0,15	12,53			0,32
23	Bãi thải rắn mỏ Ilmenit phía Tây mỏ Cây Châm	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	9,20	0,15	7,93			1,12
24	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các xã huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Võ Tranh, huyện Phú Lương	2,10	1,29				0,82
25	Nhà máy nước sạch tại xóm Toàn Thắng	Xã Võ Tranh, huyện Phú Lương	1,20	0,30				0,90
26	Di tích lịch sử địa điểm tổ chức lớp huấn luyện đầu tiên và đóng quân của trường cán bộ công cấp (1951-1954) xã Yên Đò, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Đò, huyện Phú Lương	0,28		0,19			0,09

Phụ lục II

Danh mục 94 công trình, dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		813,45	442,81	65,56	0,52		304,56
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		159,99	96,38	6,15			57,47
1	Khu dân cư số 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,44	3,92				1,51
2	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	3,20	0,64				2,56
		Xã Đồng Liên, TPTN	1,59	0,66				0,93
3	Khu đô thị Thành Nam	Xã Quyết Thắng, TPTN	37,67	14,20	0,34			23,13
4	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huông Thượng (khu số 1)	Xã Huông Thượng, TPTN	71,85	44,75	5,81			21,29
5	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huông Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Huông Thượng, TPTN	40,25	32,21				8,04
II	THÀNH PHỐ PHỔ YÊN		426,92	222,08	33,25			171,59
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, phường trên địa bàn thành phố Phổ Yên	0,13	0,13				
2	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn thành phố Phổ Yên	3,34	3,28	0,06			
3	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Các phường trên địa bàn thành phố Phổ Yên	11,39	11,36	0,03			
4	Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đắc Sơn	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	0,30	0,30				
5	Dự án mở đất làm vật liệu san lấp tại xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (khu 1+2)	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	23,15	0,33	13,77			9,05
6	Khai thác khoáng sản, mỏ cát sỏi tại khu vực phường Phố Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên (Nay là phường Đắc Sơn, thành Phố Phổ Yên)	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	11,69	0,12				11,57
		Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	1,76					1,76
		Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	2,69					2,69
7	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ đường Ba Hàng - Tiên Phong đi nhà máy Z131	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,75	0,03				0,72

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Gò Đồn đi Ao Sen, xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	2,52	0,51	0,02			1,99
9	Cải tạo, nâng cấp đập tràn Đồng Muối xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,3075	0,0044				0,30
10	Trạm biến áp 500kV Thái Nguyên và các đường dây 220kV đấu nối	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	17,39	0,23	16,89			0,28
		Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	2,74	0,26	2,48			
11	Đường dây 220kV TBA 500kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2 trên địa bàn thành phố Phổ Yên	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	1,01	1,01				
12	Khu đô thị Hồng Tiến (Khu nhà ở đường 47m)	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	59,20	34,77				24,43
13	Khu đô thị Tân Hương (Khu số 1)	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	0,97	0,66				0,31
		Phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên	21,03	11,41				9,62
14	Khu đô thị Đắc Sơn (Khu số 1)	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	30,00	14,00				16,00
15	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 19,45 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	18,65	9,42				9,23
		Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	0,80	0,40				0,40
16	Khu dân cư Thành Lập 2	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	16,29	12,69				3,60
		Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,73	1,31				0,42
17	Khu đô thị Vạn Xuân 3	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,12					1,12
		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	25,06	10,00				15,06
18	Khu đô thị Đồng Tiến (Khu dân cư Đồng Tiến - Z131)	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	12,20	12,07				0,13
19	Khu đô thị City Home	Phường Tân Hương, Phường Đông Cao thành phố Phổ Yên	49,70	46,20				3,50
20	Khu đô thị Nam Tiến 2	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	36,70	15,00				21,70
21	Khu đô thị Đông Cao - Tân Phú	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	19,12	12,05				7,07
		Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	22,11	12,79				9,31
22	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lý Nam Đế, phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên (khu Đền Mục, khu Chùa Hương Ấp, khu Chùa Mãn Tăng)	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	33,06	11,73				21,33

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		124,24	75,25	9,60			39,39
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,07	0,07				
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Các phường trên địa bàn thành phố Sông Công	0,26	0,26				
3	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	5,00	1,85	3,12			0,03
4	Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	30,60	15,00	3,20			12,40
5	Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	32,50	15,00	2,50			15,00
6	Công viên thành phố Sông Công	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	12,10	11,30				0,80
		Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	9,10	8,00				1,10
7	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	14,81	10,20	0,28			4,33
8	Mở rộng khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (Khu tái định cư Tân Tiến mở rộng)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	19,80	13,57	0,50			5,73
IV	HUYỆN VÕ NHAİ		5,26	2,13	1,77	0,52		0,84
1	Chuyển mục đích sang đất chăn nuôi hộ gia đình Lý Văn Hoàn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,09	0,09				
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,08	0,08				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Võ Nhai	1,262	1,172	0,090			
4	Bảo hiểm xã hội huyện Võ Nhai (phần mở rộng thêm)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
5	Nhà Văn hoá xóm Bản Chang	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
6	Nhà văn hoá xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,02	0,02				
7	Nhà văn hóa xóm Trung Thành	Xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai	0,18	0,07				0,11
8	Nhà văn hóa xóm Phú Trì	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,10	0,07				0,03

Phụ lục IV

Chuyển tiếp 133 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đã quá 3 năm chưa thực hiện xong trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		1101,53	396,26	358,73			346,54
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		57,72	11,86	18,53			27,34
1.	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Picensa Thái Nguyên 2	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,26	0,13				0,13
2	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bầm, TPTN	3,39	0,48				2,91
3	Khu dân cư số 9, phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	2,28	1,00				1,28
4	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Thịnh Đán, TPTN	2,41	1,85	0,11			0,45
		Xã Quyết Thắng, TPTN	5,84	3,97				1,87
5	Khu dân cư HAVICO phường Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	4,87	0,83				4,04
6	Khu dân cư tổ 4 phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,13		0,72			1,41
7	Đầu tư xây dựng Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại)	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,90	0,38				0,52
8	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, TPTN	4,06	0,60				3,46
9	Trường bắn, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, TPTN	1,81	0,50	1,15			0,16
10	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	1,32		1,20			0,12
11	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục hành lang an toàn bãi thải tại xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	11,70	1,12	2,72			7,87
12	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Làng Môn, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 6, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	11,98		10,69			1,29
		Phường Phú Xá, TPTN	0,72					0,72

STT		Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt					Nay điều chỉnh lại như sau					Nguyên nhân, lý do điều chỉnh		
Tên công trình, dự án sử dụng đất		Địa điểm (số, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (số, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	STT			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
J		Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị quyết 105/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên												
I		Thành phố Phố Yên												
I		Khu đô thị Đông Cao - Tân Phú	Phường Đông Cao, thành phố Phố Yên	18,45	6,47	11,53	1	Khu đô thị Đông Cao - Tân Phú	Phường Đông Cao, thành phố Phố Yên	19,12	12,05	7,07	7,07	Điều chỉnh giảm diện tích dự án từ 41,6 ha xuống 41,23 ha để phù hợp với Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1279/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên ngày 13/02/2024. Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất do trước đây UBND thành phố Phố Yên tổng hợp theo bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng, liên trương và số liệu đo đạc, chỉnh lý mới.
I		Khu đô thị Đông Cao - Tân Phú	Phường Tân Phú, thành phố Phố Yên	23,16	9,16	14,00			Phường Tân Phú, thành phố Phố Yên	22,11	12,79	9,31	9,31	

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Nghị quyết chính liệt như sau				
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Diện tích (ha)	Tên công trình, dự án sử dụng đất	STT	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Đất khác
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng						Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
2	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	4,00		1,00	2	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phase vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	21,74	12,40			9,34	Điều chỉnh tên dự án và tăng diện tích từ 13 ha thành 21,74 ha để phù hợp với quy mô dự án trong quy hoạch sử dụng đất thành phố Sông Công đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 23/8/2023
II	Thành phố Yên													Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất: do trước đây UBND thành phố Yên từng hợp theo bản đồ cũ. Nay đã tổng hợp theo công hiện trạng và số liệu đo đạc, chỉnh lý bản đồ mới.
1	Khu tái định cư xóm Hành và xóm Công Thương, xã Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Yên	1,72		1,49	1	Khu tái định cư xóm Hành và xóm Công Thương, phường Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Yên	3,20	2,20			1,00	Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 4,35 ha thành 4,81 ha nguyên nhân là có mở rộng quy mô đất: tích dự án cả hai đường quy hoạch nhằm phù hợp với quy mô trong điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 26/12/2023, QĐ 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024; HĐND thành phố điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 19/12/2023
III	Thành phố Thái Nguyên													Điều chỉnh giảm diện tích từ 51,94 ha thành 14,81 ha để phù hợp với khu rừng đầu tư được HĐND thành phố Sông Công phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024
1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,25		4,10	1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,81	0,25			4,56	
1	Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết 105/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên													
1	Thành phố Sông Công													
1	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bà Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bà Xuyên)	Xã Bà Xuyên, thành phố Sông Công	24,55		27,39	1	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bà Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bà Xuyên)	Xã Bà Xuyên, thành phố Sông Công	14,81	10,20			4,61	Điều chỉnh giảm diện tích từ 51,94 ha thành 14,81 ha để phù hợp với khu rừng đầu tư được HĐND thành phố Sông Công phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt		Nay điều chỉnh lại như sau					Nguyên nhân, lý do điều chỉnh								
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (số phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Số dạng từ nhóm đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (số phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Số dạng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác		
F	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2023														
I	Huyện Phú Bình														
1	Công trình chiến đấu trong Căn cứ chiến đấu huyện Phú Bình	Xã Tân Thành, Huyện Phú Bình	5,46	0,70	4,76	1	Công trình chiến đấu trong Căn cứ chiến đấu huyện Phú Bình	Xã Tân Thành, Huyện Phú Bình	8,19	0,70	7,49				Điều chỉnh tăng diện tích đất từ 5,46 ha thành 8,19 ha để đảm bảo quy mô căn cứ chiến đấu, phù hợp với quy mô công trình chiến đấu. Quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 14/7/2023
G	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của HĐND tỉnh														
I	Huyện Đại Từ														
1	Chuyến mua diêm sản sang đất sản xuất kinh doanh (Hàng An, Lê Thị Nhung)	Thị trấn Quán Chu, Huyện Đại Từ	0,66	0,15	0,51	1	Chuyến mua diêm sản sang đất sản xuất kinh doanh (Hàng An, Lê Thị Nhung)	Thị trấn Quán Chu, Huyện Đại Từ	0,86	0,22	0,64				Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,66 ha thành 0,86 ha để đảm bảo nhu cầu sử dụng đất và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 30/7/2023
H	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; Nghị quyết 105/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND														
I	Thành phố Sông Công														
1	Xây dựng đoạn đường Thống Nhất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phường Thống Nhất	Phường Thống Nhất, thành phố Sông Công	12,00	5,00	7,00	1	Khu đô thị đoạn đường Thống Nhất (Đoạn tư xây dựng khu dân cư đoạn đường Thống Nhất, trước khu là Xây dựng đoạn đường Thống Nhất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phường Thống Nhất)	Phường Thống Nhất, thành phố Sông Công	21,10	13,57	7,53				Điều chỉnh lên dự án, địa điểm và tăng diện tích từ 12 ha thành 23 ha để phù hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 và quy mô dự án trong quy hoạch sử dụng đất thành phố Sông Công đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 23/8/2023

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt				Nghị quyết chính lại như sau				Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Diện tích (ha)	
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
E	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND tỉnh							
I	Muyện Đình Hòa.							
I	Điện ổn định điện áp và Tắc định cư đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	Xã Phúc Chu, huyện Đình Hòa	3,00	1,20	1,80		3,00	2,67
E	Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh							
I	Huyện Phú Lương.							
I	Khu dân cư Thành Nam 2	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	4,03	1,06	2,97		4,13	2,17
II	Huyện Đại Từ							
I	Mở rộng giáo họ Tân Cường 3	Xã Phúc Cường, huyện Đại Từ	0,04		0,04		0,15	0,13
III	Huyện Đông Hồ							
I	Sửa chữa nâng cấp, mở rộng cấp nước sinh hoạt xã Hoà Thượng cấp nước xã Hoà Trung.	Xã Hoà Trung, huyện Đông Hồ	0,003	0,003			0,003	0,003
IV	Thành phố Phố Yên							
I	Hiện thiên hạ bằng khu dân cư Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Phố Yên	0,80		0,80		1,00	0,60

Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 0,8 ha thành 1,0 ha để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Phố Yên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 24/10/2024; điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa thành 0,4 ha do trước đây UBND thành phố Phố Yên tổng hợp theo bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chính lý mới

Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 0,04 ha thành 0,13 ha để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 30/7/2022

Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,04 ha thành 0,13 ha để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 30/7/2022

Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 0,8 ha thành 1,0 ha để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Phố Yên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 24/10/2024; điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa thành 0,4 ha do trước đây UBND thành phố Phố Yên tổng hợp theo bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chính lý mới

		Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt					Nghị định chính phủ như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT dự án đất	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
III	Huyện Võ Nhai													
1	Khu chế tạo xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,50				1	Khu chế tạo xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	1,07			1,07	Điều chỉnh giảm diện tích từ 1,5 ha thành 1,07 ha để không ảnh hưởng đến phần diện tích giáp sườn để bị sạt lở trong quá trình xây dựng. UBND huyện Võ Nhai đã được phê duyệt phê duyệt điều chỉnh hồ sơ sau cấp kích tế kỹ thuật tại Quyết định số 2403/UBND ngày 13/9/2024
IV	Thành phố Phố Yên													Điều chỉnh giảm diện tích của dự án từ 18,30 ha thành 18,08 ha để phù hợp với Quy hoạch chi tiết 1:500 được UBND thành phố Phố Yên phê duyệt tại Quyết định số 7327/QĐ-UBND ngày 09/9/2024; điều chỉnh tăng đất lúa từ 5,90 ha thành 7,9 ha do trước đây UBND thành phố Phố Yên đồng ý hợp theo bản đồ cũ, nay đã đồng ý hợp theo đúng bản đồ số, lập đo đạc, khảo sát mới
1	Khu nhà ở phường Đồng Tiến (Chu số 1)	Phường Đồng Tiến, thành phố Phố Yên	18,30	5,90			1	Khu nhà ở phường Đồng Tiến (Chu số 1)	Phường Đồng Tiến, thành phố Phố Yên	7,90		10,18		Điều chỉnh tăng dự án để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND thành phố Phố Yên về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
2	Phân Trường Mầm non 1 Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	0,25	0,25		2	Xây dựng điểm trường An Bình - Trường Mầm non Thành Công 1	Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	0,25	0,25				
D	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh													
I	Huyện Đại Từ													
1	Cửa làng kinh doanh xăng dầu	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,58	0,58		1	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (T1) (mô Văn Đại)	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,21	0,18		0,03	Điều chỉnh tăng dự án và giảm diện tích từ 0,38 ha thành 0,21 ha để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 30/7/2023	
II	Thành phố Phố Yên													
1	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam 1 (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,64	1,60		1	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam 1 (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,64	1,20		0,44	Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất để trước đây UBND thành phố Phố Yên đồng ý hợp theo bản đồ cũ. Nay đã đồng ý hợp theo công bố hiện trạng và số liệu đo đạc, đánh lý bản đồ mới.	

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 22 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt		Nay điều chỉnh lại như sau												
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT dự án sử dụng đất	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh	Huyện Phú Bình												
I	Dự án khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Gầy, xã Nhà Lông và khu vực sỏi áp, xã Hà Châu (Cây có phần Quốc Cường Mỏ Linh)	Xã Nhà Lông, huyện Phú Bình	9,00			9,00	1	Dự án khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Gầy, xã Nhà Lông và khu vực sỏi áp, xã Hà Châu (Cây có phần Quốc Cường Mỏ Linh).	Xã Nhà Lông, huyện Phú Bình	6,35			6,35	Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 9,0 ha thành 15,12 ha để thực hiện phần diện tích còn lại của dự án. Dự án có quy mô 49,78 ha, đã được UBND tỉnh cho thuê đất với diện tích 34,66 ha, diện tích còn lại chưa được thuê đất là 15,12 ha.
B	Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/02/2021 của HĐND tỉnh													
I	Huyện Đông Hồ													
I	Cum Công nghiệp Quang Sơn I (khu A)	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ	15,30	2,48		17,82	1	Cum Công nghiệp Quang Sơn I (khu A).	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ	15,06	2,48		12,58	Điều chỉnh thêm địa điểm xã Tân Long của dự án để đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đông Hồ thời kỳ 2021-2030 được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 08/12/2023
C	Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh													
I	Huyện Đông Hồ													
I	Tổ hợp sản xuất ván gỗ ép Trường Hưng	Xã Văn Hiến, huyện Đông Hồ	3,57	0,44		3,13	1	Tổ hợp sản xuất ván gỗ ép Trường Hưng	Xã Văn Hiến, huyện Đông Hồ	2,19	0,39		1,80	Điều chỉnh thêm địa điểm xã Tân Long của dự án để đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đông Hồ thời kỳ 2021-2030 được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 08/12/2023.
II	Huyện Đại Từ													
I	Trường Tiểu học Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,11	0,11			1	Trường Tiểu học Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,13	0,11		0,02	Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,11 ha thành 0,13 ha để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 30/7/2023

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
4	Xây dựng công trình ngầm và trạm địa sóng máy phòng không 12,7 mm trong căn cứ chiến đấu huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Xã Khe Mò, huyện Đồng Hỷ	1,69		1,53			0,16
VIII	HUYỆN ĐỊNH HÓA		1,23	1,04	0,13			0,06
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	0,10	0,10				
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	0,18	0,18				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Định Hoá	0,72	0,59	0,13			
4	Trường Mầm non xã Bảo Cường	Xã Bảo Cường, huyện Định Hóa	0,23	0,17				0,06
IX	HUYỆN PHÚ LƯƠNG		28,62	3,31	5,59			19,72
1	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	0,02	0,02				
2	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Phú Lương	0,192	0,192				
3	Khu dân cư mới đường Vành đai 1 xã Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương	7,02	1,58	1,44			4,00
4	Trường Mầm non xã Yên Đổ (điểm trường xóm Thượng)	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,17	0,04				0,13
5	Khai thác mỏ đá vôi Suối Bén	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	2,35		0,53			1,82
6	Khai thác khoáng sản tại mỏ sắt Phở Giá	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	13,68	1,46	3,44			8,78
		Xã Phấn Mễ huyện Phú Lương	4,90	0,02				4,88
7	Di tích lịch sử địa điểm tổ chức lớp huấn luyện đầu tiên và đóng quân của trường cán bộ cung cấp (1951-1954) xã Yên Đổ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,28		0,19			0,09



STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
9	Trụ sở Công an xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
10	Trụ sở Công an xã Lương Phú	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	0,11	0,10				0,01
11	Nhà văn hóa xóm Thông Bong	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,10	0,10				
12	Trường Mầm non xã Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	0,64	0,19				0,45
13	Đường dây 220KV TBA 500KV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	0,52	0,16				0,36
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	1,08	1,00				0,08
14	Khu dân cư số 1 xã Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	25,89	21,36				4,53
VI	HUYỆN ĐẠI TỪ		31,40	16,83	5,90			8,67
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, thị trấn, huyện Đại Từ	1,94	1,83	0,11			
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Các thị trấn trên địa bàn huyện Đại Từ	0,07	0,07				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Đại Từ	0,85	0,56	0,29			
4	Nhà văn hóa xóm Yên Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
5	Mở rộng, cải tạo khuôn viên xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường Tiểu học Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,82	0,67				0,15
6	Mở rộng Trường Mầm non xã Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
7	Mở rộng bãi thải Tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	2,28	0,13				2,16
8	Mở rộng Mộ than Núi Hồng	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	5,50		5,50			
9	Mỏ sắt Kỳ Phú	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ	8,00	2,95				5,05
10	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	11,84	10,53				1,31
VII	HUYỆN ĐỒNG HỖ		3,45	0,51	2,78			0,16
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Các xã trên địa bàn huyện Đồng Hỷ	1,32	0,14	1,18			
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ	0,25	0,25				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Đồng Hỷ	0,18	0,12	0,06			

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
9	Nhà văn hóa xóm Khuổi Mèo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,13		0,13			
10	Nhà văn hóa xóm Khuổi Chẹo	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	0,11		0,11			
11	Trường Mầm non xã Nghinh Tường	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	0,29		0,29			
12	Trường Mầm non Liên Minh, phân trường xóm Kẹ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,11		0,02			0,09
13	Điểm Trường Mầm non Phú Thượng (xóm Ba Nhất)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,02				0,08
14	Công trình phụ trợ Mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiến, huyện Võ Nhai	0,02		0,02			
15	Nhà sản du lịch cộng đồng xóm Mỏ Gà (bà Hoàng Thị Thâm)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,03		0,03			
16	Đường giao thông xóm Nác, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai đi xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hồ	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1,50	0,10	1,05			0,35
17	Tuyến đường giao thông xóm Ngọc Mỹ đi Khuán Nang, xã Liên Minh (giai đoạn 1 + 2)	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,72	0,20		0,52		
18	Sửa chữa đường bê tông Tò dân phố Tiền Phong (Từ nhà ông Triệu Văn Phong đến nhà ông Trần Văn Vĩ)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,04	0,03				0,01
19	Xây dựng đường trần xóm Vễn, xã Bình Long	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai	0,11	0,11				
20	Chợ xã Liên Minh	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	0,32	0,15				0,17
V	HUYỆN PHÚ BÌNH		32,33	25,28	0,39			6,66
1	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Xã Bảo Lý, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	0,20	0,04	0,16			
2	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,18	0,18				
3	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Các xã trên địa bàn huyện Phú Bình	1,15	1,02	0,13			
4	Khu tái định cư Đản Lờ	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	1,18	0,40				0,78
		Xã Nhà Lộng, huyện Phú Bình	0,72	0,32				0,40
5	Trụ sở Công an xã Bảo Lý	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	0,12	0,09				0,03
6	Trụ sở Công an xã Tân Kim	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	0,11	0,11				
7	Trụ sở Công an xã Tân Khánh	Xã Tân Khánh, huyện Phú Bình	0,11		0,10			0,01
8	Trụ sở Công an xã Diêm Thụy	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	0,11	0,10				0,01

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
13	Xây dựng hoàn trả hạ tầng Ga Lưu Xá tại tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	0,33					0,33
14	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nổi tuyến bờ Bắc Nam	Xã Phúc Xuân, TPTN	1,13		1,10			0,03
15	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,521	0,31	0,082			0,13
		Xã Tân Cương, TPTN	0,398	0,05	0,157			0,19
		Xã Phúc Tiêu, TPTN	0,289	0,16	0,023			0,10
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,361	0,48	0,573			0,31
16	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E6.4 với 474 E6.2, 473 E6.2 tại N-1	Phường Chùa Hang, TPTN	0,005		0,001			0,004
		Xã Cao Ngạn, TPTN	0,010					0,010
		Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,008					0,008
II	THÀNH PHỐ PHỔ YÊN		233,81	62,64	102,04			69,14
1	Khu nhà ở phường Ba Hàng (Khu số 2)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	3,80	2,00				1,80
		Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	8,20	4,70				3,50
2	Khu dân cư Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,11	4,21				0,90
		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,10	1,08				0,02
3	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,64	1,00				0,64
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,11	0,11				
5	Xây dựng Trung tâm hành chính thị xã Phổ Yên (Hạng mục: GPMB + san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	6,50	2,00				4,50
6	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	7,50	2,42	4,72			0,36
7	Xây dựng trận địa phòng không 12,7mm	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	0,22		0,22			
8	Hầm hợp khối Chính quyền trong căn cứ chiến đấu 2	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	2,00		2,00			
9	Trụ sở công an xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,25	0,15				0,10
10	Trụ sở công an xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	0,24	0,24				
11	Trụ sở công an xã Phúc Tân	Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	0,26	0,23				0,03
12	Trụ sở công an xã Minh Đức	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	0,34	0,30				0,04
13	Trụ sở công an xã Vạn Phái	Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	0,26	0,16				0,10
14	Xây mới trường Mầm non Đắc Sơn	Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	0,35	0,35				
15	Xây dựng điểm trường An Bình - Trường Mầm non Thành Công I	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	0,25	0,25				
16	Sân gôn Glory	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	53,92	0,52	48,43			4,97

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc đụng	Đất khác
17	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu và dịch vụ tiện ích tại xã Tiên Phong, thị xã Phố Yên (Nay là phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên)	Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	0,47	0,40				0,07
18	Khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Núi Choẹt	Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	5,22		5,22			
19	Khai thác mỏ đất san lấp khu vực đồi Vành Kiềng, xã Minh Đức, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	30,19	0,06	28,20			1,93
20	Khai thác mỏ cát sỏi xóm Đầm	Phường Đắc Sơn, thành phố Phố Yên	4,76	0,10				4,66
		Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	1,96	0,24			1,72	
21	Khai thác mỏ đất san lấp Núi Đậu, xã Minh Đức, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	13,23		13,23			
22	Xây dựng tuyến đường từ Công viên - Thể thao đến nút giao đi đường Liên kết vùng	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,30	0,75				0,55
23	Xây dựng đường nội bộ khu vực Trung tâm hành chính thị xã Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,57	0,43				0,14
24	Đường kết nối từ Quảng trường đến Đường Liên kết vùng Thái Nguyên - Vĩnh Phúc (Giai đoạn 1)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,90	1,10				0,80
		Phường Đắc Sơn, thành phố Phố Yên	7,96	6,21			1,75	
25	Xây dựng tuyến đường kết nối từ phía bắc Trung tâm hành chính thị xã Phố Yên đến đường Phía bắc khu vực quần thể văn hóa - Thể thao	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	0,54	0,45				0,09
		Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,47	0,40			0,07	
26	Xây dựng tuyến đường từ Cung văn hóa đến đường 100m khu vực quần thể văn hóa - thể thao thị xã Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,90	0,50				0,40
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT274 (từ ĐT261 đi Thành Công) - Giai đoạn 01	Phường Đắc Sơn, thành phố Phố Yên	1,70	0,50				1,20
		Xã Vạn Phái, thành phố Phố Yên	1,45	0,50			0,95	
		Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	1,20	0,50			0,70	
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT 274 đi Vạn Phái	Xã Vạn Phái, thành phố Phố Yên	1,70	0,40			1,30	
29	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 3 (cũ) đi Công Táo	Phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên	1,50	0,70			0,80	
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Ba Hàng - Tiên Phong (từ dốc Cao Vương - đê Hà Châu)	Phường Tân Hương, thành phố Phố Yên	0,33				0,33	
		Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	0,58	0,23			0,35	
31	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ đường Quốc lộ 3 (Km35+350) đến đê Sông Công (K4+900)	Phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên	0,33	0,24			0,09	
		Phường Trung Thành, thành phố Phố Yên	2,51	2,30			0,21	

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
32	Dự án xử lý cấp bách đoạn đê xung yếu từ K8+600-K13+700 tuyến đê Hà Châu	Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	10,45	1,67				8,78
33	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,23	0,33				0,90
34	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Thái Nguyên	Xã Phúc Thuận, thành phố Phố Yên	0,02	0,01	0,003			0,01
		Xã Minh Đức, thành phố Phố Yên	0,03	0,01	0,01			0,01
		Xã Thành Công, thành phố Phố Yên	0,01	0,01				0,01
		Phường Bắc Sơn, thành phố Phố Yên	0,004	0,001				0,003
		Xã Vạn Phái, thành phố Phố Yên	0,03	0,02				0,01
		Phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên	0,002	0,002				
		Phường Trung Thành, thành phố Phố Yên	0,006	0,005				0,002
		Phường Tân Phú, thành phố Phố Yên	0,001	0,0004				0,001
		Phường Đông Cao, thành phố Phố Yên	0,010	0,009				0,001
		Phường Tiên Phong, thành phố Phố Yên	0,05	0,04				0,01
		Phường Tân Hương, thành phố Phố Yên	0,02	0,01				0,01
		Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,03	0,02				0,01
		Phường Đông Tiến, thành phố Phố Yên	0,023	0,019	0,001			0,004
		Phường Bãi Bông, thành phố Phố Yên	0,003	0,002				0,001
Phường Hồng Tiến, thành phố Phố Yên	0,02	0,01	0,002			0,01		
35	Đường dây và Trạm biến áp 110 kv Đa Phúc	Phường Trung Thành, thành phố Phố Yên	0,95	0,95				
36	Xây dựng khu quần thể văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	19,00	8,20			10,80	
37	Công viên, cây xanh Khu đô thị Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	6,00	4,90			1,10	
		Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	0,55	0,45			0,10	
38	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phố Yên (Giai đoạn I: Hạng mục san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	4,25	3,34			0,91	
39	Công viên cây xanh, hồ điều hoà thành phố Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	18,32	6,89			11,43	

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dùng	Đất khác
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		77,79	29,07	14,30			34,42
1	Khu đô thị số 4 phường Châu Sơn (trước đây là Hạ tầng Khu dân cư số 4 phường Châu Sơn)	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	1,03	0,22				0,81
2	Khu đô thị tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè (trước đây là Hạ tầng Khu dân cư tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè)	Phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công	2,90	2,35				0,55
3	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	3,82	2,82				1,00
4	Hạ tầng Khu dân cư phường Bách Quang	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,09	0,09				
5	Khu đô thị số 3, phường Mỏ Chè (Hạ tầng Khu dân cư số 3 phường Mỏ Chè)	Phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công	2,81	0,98				1,83
6	Khu đô thị đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 2)	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,11	0,06				0,05
7	Hạ tầng Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	1,94	0,54				1,40
8	Khu đô thị Vạn Phúc Sông Công (trước đây là Khu dân cư Vạn Phúc Sông Công)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	3,91	1,35				2,56
9	Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi - nằm trong quy hoạch khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu A	Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	0,37	0,15				0,22
10	Khu dân cư đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 3)	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,14	0,14				
11	Khu nhà ở Huy Hải (trước đây là Khu dân cư phường Cải Đan)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	0,27	0,01				0,26
12	Các Khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - Khu số 1	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	5,18	1,46	1,00			2,72
13	Các Khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc - khu số 2	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	3,80	0,04	0,80			2,96
14	Hạ tầng Khu dân cư Tân Tiến, xã Tân Quang (Đoạn từ Quốc lộ 3 nối Khu tái định cư Tân Tiến)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,38	0,28				0,10
15	Trụ sở Công an xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,31	0,31				
16	Trụ sở Công an xã Tân Quang	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,30	0,30				
17	Trụ sở Công an xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	0,36	0,05				0,31
18	Khu căn cứ chiến đấu quốc phòng	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	12,00		12,00			
19	Trường Tiểu học và THCS Tân Quang (Hạng mục: nhà lớp học)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,09	0,09				

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
20	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	0,24	0,18				0,06
21	Mở rộng Trường THPT Sông Công (xây dựng nhà lớp học 16 phòng)	Phường/Thăng Lợi, thành phố Sông Công	0,41	0,36				0,05
22	Khai thác cát sỏi tại khu vực xóm Long Vân, xã Bình Sơn và xóm La Giang, xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	8,62	3,78				4,84
		Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	2,50					2,50
23	Đường Cách Mạng Tháng 10	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	5,00	2,00				3,00
24	Đường Trần Phú (từ đường 30/4 đến đường đô thị dọc Sông Công)	Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	6,00	4,00				2,00
25	Đường Vũ Xuân, đoạn từ đường Lê Hồng Phong đi khu công nghiệp Sông Công II	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	2,00	1,20				0,80
26	Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	7,30	5,00				2,30
		Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,20					0,20
27	Giảm thiểu ngập úng cục bộ bị ảnh hưởng sau khi xây dựng đường Quốc lộ 3 mới tại xã Tân Quang và phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,10	0,10				
		Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	0,11	0,11				
28	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Cour	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	1,00	0,50				0,50
29	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Thái Nguyên (thuộc Dự án phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 vay vốn cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản) - JICA	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,02	0,01				0,01
		Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	0,01	0,01				0,004
		Phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công	0,01					0,01
		Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	1,88	0,01				1,87
		Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	0,92	0,03				0,89
		Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,02	0,01				0,01
30	Xây dựng đường dây 22KV xuất tuyến lộ 2 từ Trạm biến áp 110KV Sông Công 2 chống quá tải khu công nghiệp Sông Công	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	0,02	0,02				0,01
		Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,03	0,02				
31	Mở rộng nghĩa trang Cải Đan	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	1,60	0,50	0,50			0,60
IV	HUYỆN PHÚ BÌNH		355,00	249,79	8,38			96,84
1	Khu đô thị số 9 thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	9,75	7,25				2,50
2	Khu đô thị Hòa Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	26,55	23,85				2,70

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	4,00	4,00				
4	Khu đô thị số 2B thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	4,04	3,24				0,80
5	Khu tái định cư Hương Sơn (phục vụ Dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình)	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11,46	7,68				3,78
6	Khu đô thị số 6 thuộc đô thị mới Diêm Thụy, huyện Phú Bình	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	7,70	5,67				2,03
7	Khu dân cư trung tâm xã Lương Phú	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	10,28	8,60				1,68
8	Khu dân cư và tái định cư xóm Trung xã Diêm Thụy	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	5,96	4,73	0,36			0,87
9	Khu dân cư số 1 xã Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	25,89	21,36				4,53
10	Khu dân cư Thanh Lương xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	33,47	26,60				6,87
11	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thanh Ninh	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình	0,59	0,59				
12	Dự án Trạm y tế xã Nhã Lộng	Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	0,20	0,18				0,02
13	Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	63,10	28,80	6,00			28,30
14	Cụm công nghiệp Lương Phú - Tân Đức	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	43,10	38,14				4,96
		Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	31,40	25,00				6,40
15	Cụm công nghiệp Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	74,50	41,62	2,01			30,87
16	Cửa hàng tự chọn và dịch vụ thương mại, ẩm thực tại Tổ dân phố Đình Cả 1 và tổ dân phố Đình Cả 2	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	1,01	0,56				0,45
17	Cơ sở kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng, chế tạo cơ khí Tuấn Văn	Xã Hà Châu, huyện Phú Bình	1,78	1,78				
18	Tiền dự án mở rộng và cải tạo lưới điện trung áp hạ áp tỉnh Thái Nguyên thuộc Dự án phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 vay vốn của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA	Xã Tân Khẩu, huyện Phú Bình	0,02	0,01				0,01
		Xã Đào Xá, huyện Phú Bình	0,02	0,02				0,01
		Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	0,03	0,02	0,01			0,01
		Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,04	0,01	0,01			0,03
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	0,03	0,03				0,01
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,02	0,02				0,01
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,02	0,02				0,01
		Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	0,01	0,01				

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
19	Công trình nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của các đường dây 472E6.17 và 474E6.17 theo phương án đa chia - đa nối (MDMC)	Xã Dương Thành, huyện Phú Bình	0,02	0,01				0,01
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,01	0,01				
V	HUYỆN ĐỒNG HỖ		55,42	3,22	31,34			20,86
1	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E 6.4 với 474 E 6.2, 473 E 6.2 tạo N1 tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	Thị trấn Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ	0,009	0,006				0,003
2	Tổ hợp sản xuất ván gỗ ốp Trường Hưng	Xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ	2,19	0,39	1,41			0,39
3	Khu đô thị số 4 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng)	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	5,88	2,58	0,19			3,11
4	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	1,69	0,24				1,45
5	Mô đất san lấp khu vực thị trấn Sông Cầu - xóm La Giang, xã Quang Sơn và xóm La Thông, xã Hoá Trung và công trình phụ trợ	Thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ	19,82		19,82			
		Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	3,81		3,81			
		Xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ	6,54		4,89			1,65
6	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (Công ty CP An Thịnh)	Thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	2,83					2,83
		Xã Minh lập, huyện Đồng Hỷ	11,45		0,31			11,14
7	Mỏ đá Quang Sơn (Công ty TNHH xây dựng và PTNT miền núi)	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ	1,07		0,78			0,29
		Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,13		0,13			
VI	HUYỆN VÕ NHAİ		11,20	1,19	0,60			9,41
1	Khai thác đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm Hang Hòn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,60		0,60			
2	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực suối Nho - Sông Rong	Xã Liên Minh, xã Tráng Xá huyện Võ Nhai	9,87	0,65				9,22
3	Xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 375 E6.8 với 371 E6.8 đoạn tuyến từ cột G26 xóm Đất Dò đến vị trí cột 12 nhánh rẽ TBA bệnh viện đa khoa lộ 371-E6.8	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	0,04	0,04				
4	Trùng tu, mở rộng Đình Công Chùa Xá	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,69	0,50				0,19
VII	HUYỆN ĐẠI TỪ		170,69	34,76	70,63			65,30
1	Khu đô thị số 4 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	10,25	6,70	0,02			3,53
2	Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	9,21	6,76				2,45

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	54,94	5,60	31,66			17,68
4	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng số 2	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	57,70	2,54	28,65			26,51
5	Cụm công nghiệp Phú Lạc 2	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	12,01	2,43				9,58
6	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	11,84	10,53				1,31
7	Mỏ đá cát kết	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	11,85		10,30			1,55
8	Mở rộng bãi thải Tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	2,89	0,20				2,69
VIII	HUYỆN ĐỊNH HOÁ		45,42	1,00	39,85			4,57
1	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	45,42	1,00	39,85			4,57
IX	HUYỆN PHÚ LƯƠNG		94,47	2,74	73,07			18,66
1	Dự án chăn nuôi lợn công nghệ cao	Xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	29,80	1,00	26,00			2,80
2	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác của hộ gia đình, cá nhân (hộ ông Nguyễn Văn Trọng)	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	4,84		4,14			0,71
3	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác tại xã Vô Tranh (ông Đào Văn Sách và bà Trần Thị Thịnh)	Xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	1,54		1,27			0,27
4	Kho vũ khí đạn (Đại đội 29) Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	40,00		31,50			8,50
5	Khu căn cứ chiến đấu 2 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	2,75		1,66			1,09
6	Dự án siêu thị Aloha mall Phú Lương	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	0,22	0,15				0,07
7	Đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng titan khu vực Làng Lân- Hải Hoa, thị trấn Đu và xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	Thị trấn Đu, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	13,72		8,50			5,22
8	Mở rộng Mỏ đá Núi Chuông	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương	1,595	1,590				0,005

Số: 395/TT-UBND

Sông Công, ngày 16 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án: Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BNTMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021 của Bộ Xây dựng ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020; Văn bản số 1717/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc đính chính Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh về thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có

chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND tỉnh về thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Sông Công;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 4200/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 242/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 về việc đính chính Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định 1866/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở kỳ 05 năm 2021-2025 và năm đầu kỳ năm 2021;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Sông Công: số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Trục đường và các Khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận thành phố Sông Công); số 2636/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Trục đường và các Khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận thành phố Sông Công);

Căn cứ các văn bản tham gia ý kiến của các sở, ngành: số 2732/STC-TCDT ngày 08/7/2021 của Sở Tài chính; Số 2690/SXD-QLN&PTĐT ngày 27/8/2021 của Sở Xây dựng; Số 3064/STNMT-QLDD ngày 31/8/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Số 2117/SNN-KHTC ngày 9/7/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Số 1521/SGTVT-QLCLCT&ATGT ngày 9/7/2021 của Sở Giao thông vận tải; Số 767/STP-XD&KTrVB ngày 7/7/2021 của Sở Tư pháp; Số 953/TTr-TCT ngày 11/10/2021 của Thanh tra tỉnh; Số 2788/BCH-PTM ngày 13/7/2021 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi nhận được một số ý kiến góp ý của các Sở Ngành về hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, UBND thành phố Sông Công tiếp thu chỉnh sửa và đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án

1. Tên dự án: Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng mới đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật và một số hạng mục hạ tầng xã hội (công viên, cây xanh) Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công với quy mô 32,49ha theo quy hoạch chi tiết xây dựng Trục đường và các Khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên (địa phận thành phố Sông Công) được phê duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020, Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Sông Công, để tạo cơ sở hình thành một khu đô thị mới, đảm bảo các yêu cầu về môi trường, cảnh quan, đáp ứng yêu cầu phát triển đất ở của xã Bá Xuyên nói riêng và của thành phố Sông Công nói chung góp phần đưa thành phố Sông Công nâng cao tiêu chí đô thị theo định hướng đô thị loại II.

3. Địa điểm, ranh giới, diện tích dự án

- Địa điểm: Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Phạm vi thực hiện dự án: 32,49ha.

- Phạm vi, ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp các khu dân cư hiện hữu và khu đất nông nghiệp.

+ Phía Đông giáp đường khu đô thị số 1A theo quy hoạch.

+ Phía Tây giáp sông Công.

+ Phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu, đất nông nghiệp, chùa La Cảnh.

4. Quy mô, nội dung đầu tư

- Đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới dự án theo quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 và Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Sông Công trên diện tích 32,49ha bao gồm: San nền, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, công trình hạ tầng kỹ thuật và xây thô nhà ở tại tuyến đường trục Sông Công - Núi Cốc.

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Chức năng sử dụng đất	Khu đô thị số 1B	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở đô thị - nông thôn	124.871,28	38,43
1	Đất ở mới	88.067,75	27,10
1.1	Đất ở liền kề	74.221,17	
1.2	Đất ở biệt thự	13.846,58	
2	Đất nhà ở xã hội	32.936,93	10,14

10. Thông tin về đất đai

Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở hiện trạng dân cư nông thôn	17.142	5,28
2	Đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm)	75.097	23,11
3	Đất trồng lúa	150.000	46,17
4	Đất trồng cây hàng năm	46.185	14,21
5	Đất nuôi trồng thủy sản (đất ao, hồ)	7.609	2,34
6	Đất mặt nước (sông, suối, kênh mương)	9.166	2,82
7	Đất khác (đất tôn giáo, nghĩa trang, nghĩa địa)	3.178	0,98
8	Đất giao thông (đất trống, đường nội đồng)	16.536	5,09
*	Tổng diện tích đất thực hiện dự án	324.913	100,0

Dự án nằm trong Danh mục dự án cần thu hồi đất được thông qua Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 18/08/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

II. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

Sau khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, yêu cầu sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư sẽ được lập theo quy định tại Thông tư 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án.

(Kèm theo báo cáo đề xuất dự án đầu tư)

Trên đây là tờ trình đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. UBND thành phố Sông Công đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định, báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt để UBND thành phố có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
 - Chủ tịch, các Phó chủ tịch;
 - Các phòng: TCKH, QLĐT, KT, TNMT;
 - Trung tâm Phát triển quỹ đất;
 - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
 - Lưu: VI.
- Tramnn.06b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Duy Nghĩa

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 468 /BC-SKHĐT

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án:
Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Ngày 23/11/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư để thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công của Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID và hồ sơ kèm theo.

Trên cơ sở ý kiến tham gia bằng văn bản của các Sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Thanh tra tỉnh và UBND thành phố Sông Công; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo thẩm định đề nghị phê duyệt chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

I. TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư để thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công của Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID và hồ sơ kèm theo.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;
- Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;
- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;
- Các Nghị định của Chính phủ: Số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; Số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

7. Các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 về việc hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất, Số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

8. Các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 923/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công; số 2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công; số 894/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 về việc gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công; số 1181/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 về việc gia hạn (lần 2) thời gian đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

9. Văn bản số 5670/UBND-TH ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

10. Các Văn bản tham gia ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, UBND thành phố Sông Công.

Phần thứ hai

TỜ CHỨC THẨM ĐỊNH

- Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Hình thức thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các đơn vị và các quy định của pháp luật có liên quan.

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.
2. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
3. Quy mô dự án: Theo Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.
4. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: Khoảng 769,79 tỷ đồng. Trong đó:
 - Chi phí thực hiện dự án: Khoảng 599,99 đồng.
 - Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Khoảng 169,80 tỷ đồng.

5. Vốn đầu tư của dự án:

- Vốn góp của nhà đầu tư: Khoảng 120,00 tỷ đồng (nhà đầu tư góp vốn bằng vốn chủ sở hữu).

- Vốn huy động: Khoảng 649,79 tỷ đồng.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm tính từ ngày nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất.

7. Tiến độ thực hiện: Đến hết Quý IV/2026.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

1. Ý kiến thẩm định của các đơn vị phối hợp:

Căn cứ khoản 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; căn cứ hồ sơ đề nghị chấp thuận Nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xin ý kiến thẩm định các Sở, ngành và UBND thành phố Sông Công về hồ sơ chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công của Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID.

Kết quả xin ý kiến: 5/5 Sở ngành và UBND thành phố Sông Công đồng ý Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID đáp ứng các điều kiện là nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, chi tiết thể hiện theo bảng sau:

STT	Cơ quan tham gia ý kiến	Ý kiến tham gia	Ghi chú
1	Sở Tài chính tại Văn bản số 4798/STC-TCĐT ngày 05/12/2023	Đồng ý	
2	Sở Xây dựng tại văn bản số 3912/SXD-QLN&PTĐT ngày 01/12/2023	Đồng ý	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4800/STNMT-QLĐĐ ngày 05/12/2023 và Văn bản số 171/STNMT-QLĐĐ ngày 17/01/2024	Đồng ý	
4	Sở Tư pháp tại văn bản số 2286/STP-XD&KTrVB ngày 07/12/2023	Đồng ý	
5	Thanh tra tỉnh tại văn bản số 2138/TTr-TCT ngày 09/12/2023	Đồng ý	
6	UBND thành phố Sông Công tại văn bản số 3253/UBND-TCKH ngày 01/12/2023	Đồng ý	

2. Ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

2.1. Về trình tự thủ tục lựa chọn nhà đầu tư

Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu và các pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Ngày 29/4/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 923/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

- Ngày 29/8/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2016/QĐ-UBND về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

- Ngày 05/9/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông báo số 3044/TB-SKHĐT về việc thông báo mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất và Đăng tải trên Hệ thống đấu thầu quốc gia, thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: 15h00 phút ngày 11/10/2022;

- Ngày 18/4/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo số 1214/BC-SKHĐT về việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công và Tờ trình số 1215/TTr-SKHĐT;

- Ngày 21/4/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

- Ngày 24/5/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 1668/TTr-SKHĐT về việc gia hạn (lần 2) thời gian đăng ký thực hiện dự án;

- Ngày 30/5/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND về việc gia hạn (lần 2) thời gian đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

- Ngày 06/11/2023, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Văn bản số 5670/UBND-TH về việc thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

- Ngày 23/11/2023, Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư để thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

2.2. Đánh giá về kết quả lựa chọn nhà đầu tư

- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Đáp ứng quy định (Không thay

đổi so với hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư).

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư: Đáp ứng quy định (Không thay đổi so với hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư).

- Các sở, ngành, địa phương đã có ý kiến đồng ý thực hiện chấp thuận nhà đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư của Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID đủ điều kiện báo cáo UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định phê duyệt chấp thuận nhà đầu tư với các nội dung như sau:

Chấp thuận Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID là nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 29/4/2022.

I. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Tên nhà đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID, gồm các thành viên sau:

1.1 Thành viên liên danh thứ nhất (đứng đầu liên danh): Công ty Cổ phần AAC Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102526578 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 20/11/2007, thay đổi lần thứ 22 ngày 30/3/2022.

- Mã số thuế: 0102526578.

- Địa chỉ: Tầng 26, tòa tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0915.301.180.

1.2 Thành viên liên danh thứ hai: Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0105025361 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 01/12/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 01/4/2022.

- Mã số thuế: 0105025361.

- Địa chỉ: 430, Cầu Am, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0432.484.282.

2. Tỷ lệ về vốn góp của các nhà đầu tư.

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp	
		VND (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	100,80	84
2	Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID	19,20	16

II. Thông tin về dự án đầu tư:

1. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: Khoảng 769,79 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi phí thực hiện dự án: Khoảng 599,99 tỷ đồng.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Khoảng 169,80 tỷ đồng.

2. Vốn đầu tư của dự án:

- Vốn góp của nhà đầu tư: Khoảng 120,00 tỷ đồng (nhà đầu tư góp vốn bằng vốn chủ sở hữu).

- Vốn huy động: Khoảng 649,79 tỷ đồng.

3. Tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND(Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)		
1	Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	100,80	84	Tiền mặt	90 ngày kể từ ngày Quyết định chấp thuận nhà đầu tư
2	Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID	19,20	16		

- Vốn huy động (dự kiến): Theo thư cam kết cung cấp tín dụng của ngân hàng, tiến độ cung cấp theo tiến độ thực hiện dự án.

b. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào khai thác sử dụng: Đến hết Quý IV/2026.

4. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm tính từ ngày nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất.

III. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thành phố Sông Công chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật để triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, UBND thành phố Sông Công và các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị hướng dẫn, phối hợp với Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định; đồng thời thực hiện công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát theo đúng quy định hiện hành.

3. Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID:

- Thực hiện thủ tục thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày được UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư.

- Bố trí nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan sớm hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án theo đúng tiến độ và các quy định hiện hành. Định kỳ hàng quý gửi báo cáo tiến độ thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp kiểm tra, theo dõi, quản lý theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ thủ tục bảo đảm thực hiện dự án, thủ tục về đất đai, quy hoạch, xây dựng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, văn hóa xã hội, an toàn lao động và các quy định có liên quan của pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Nội dung trên đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đầy đủ cơ sở pháp lý và đủ điều kiện trình UBND tỉnh quyết định chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công theo đúng quy định của pháp luật. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật đối với các nội dung thẩm định trên. Kính đề nghị UBND tỉnh Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND thành phố Sông Công;
- GD Sở, PGD Sở đ/c Việt;
- Lưu: VT, ĐTTĐ (Tu02b).



Hà Văn Dương

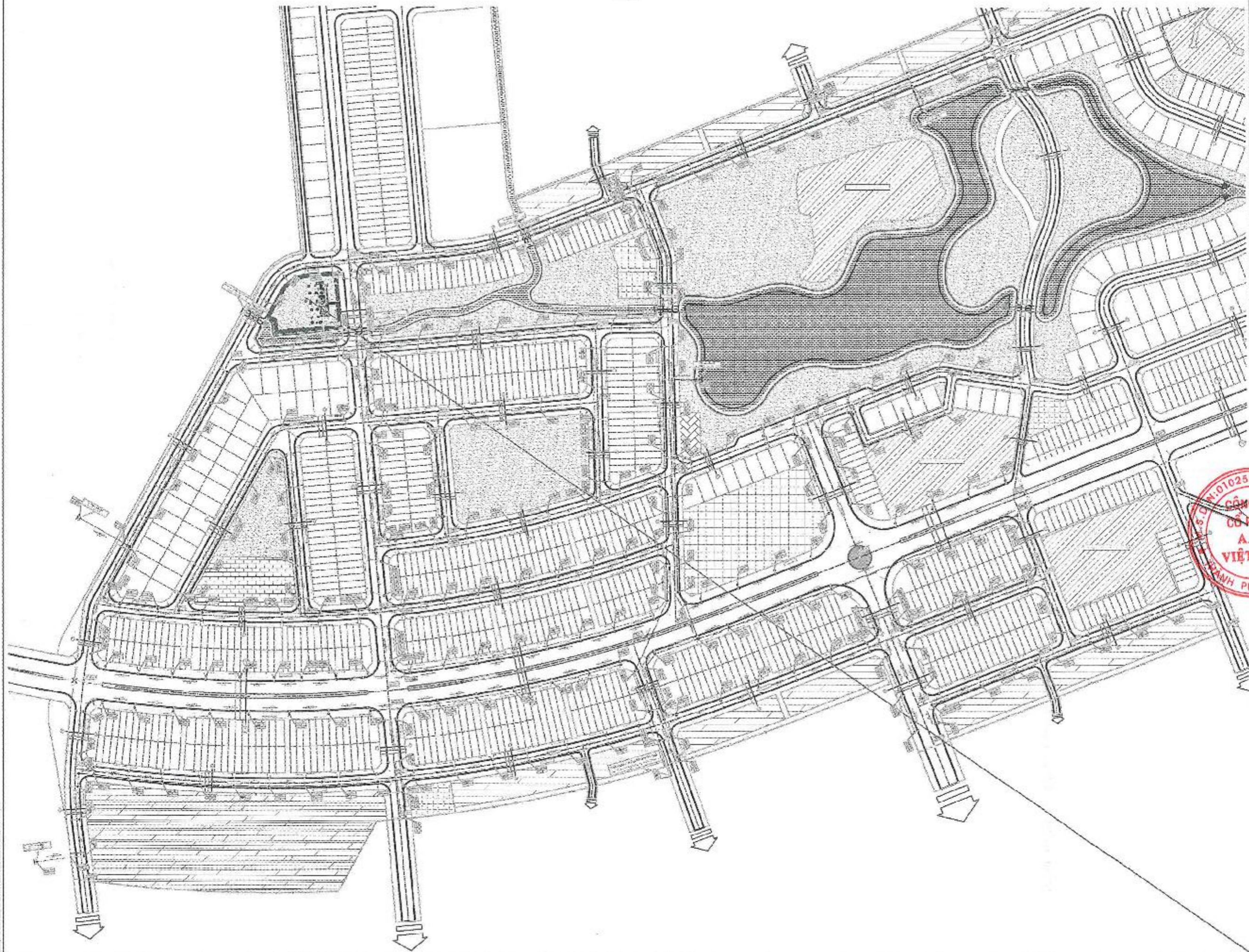
BẢN VẼ





<p>VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN M.S. 0102526578-C.T.C THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</p>	
<p>GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM M.S. 0102526578-C.T.C THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</p>	
<p>CHỨC VỤ KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT</p>	
<p>CHỨC VỤ KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT</p>	
<p>CHỨC VỤ KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT</p>	
<p>CHỨC VỤ KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT KHOA KỸ THUẬT</p>	

BÌNH DỒ THIẾT KẾ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA
(1/500)



Ký hiệu	Tên gọi
	Đường
	Đường ống thoát nước
	Ống thăm
	Ống cống
	Biển, hồ, sông
	Nhà
	Không gian xanh
	Biên giới
	Đường giao nhau
	Đường ống thoát nước có độ dốc
	Đường ống thoát nước có độ dốc và hướng
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng và ống thăm
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng và ống cống
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống và ống thăm
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm và ống cống
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống và ống thăm
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm và ống cống
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống và ống thăm
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm và ống cống
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống và ống thăm
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm và ống cống
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống và ống thăm
	Đường ống thoát nước có độ dốc, hướng, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm, ống cống, ống thăm và ống cống



CHẾP TRẢNG	
1	2
3	4

CÔNG TY CỔ PHẦN GEA BEND 19 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 028.3541.1111 Fax: 028.3541.1112 Email: info@geabend.vn	
QUẬN HOÀNG PHƯƠNG KHU VỰC KINH ĐÔ DỰ ÁN: KINH ĐÔ HOÀNG PHƯƠNG SỐ QUẢN LÝ DỰ ÁN: 01/2018	
TÊN DỰ ÁN: THOÁT NƯỚC MƯA	
NỘI DUNG: Bình đồ thiết kế đầu nối thoát nước mưa	
TÊN BẢN VẼ:	SỐ BẢN VẼ:
NGÀY:	THÁNG:
NĂM:	THÁNG:
SỐ QUẢN LÝ:	SỐ QUẢN LÝ:

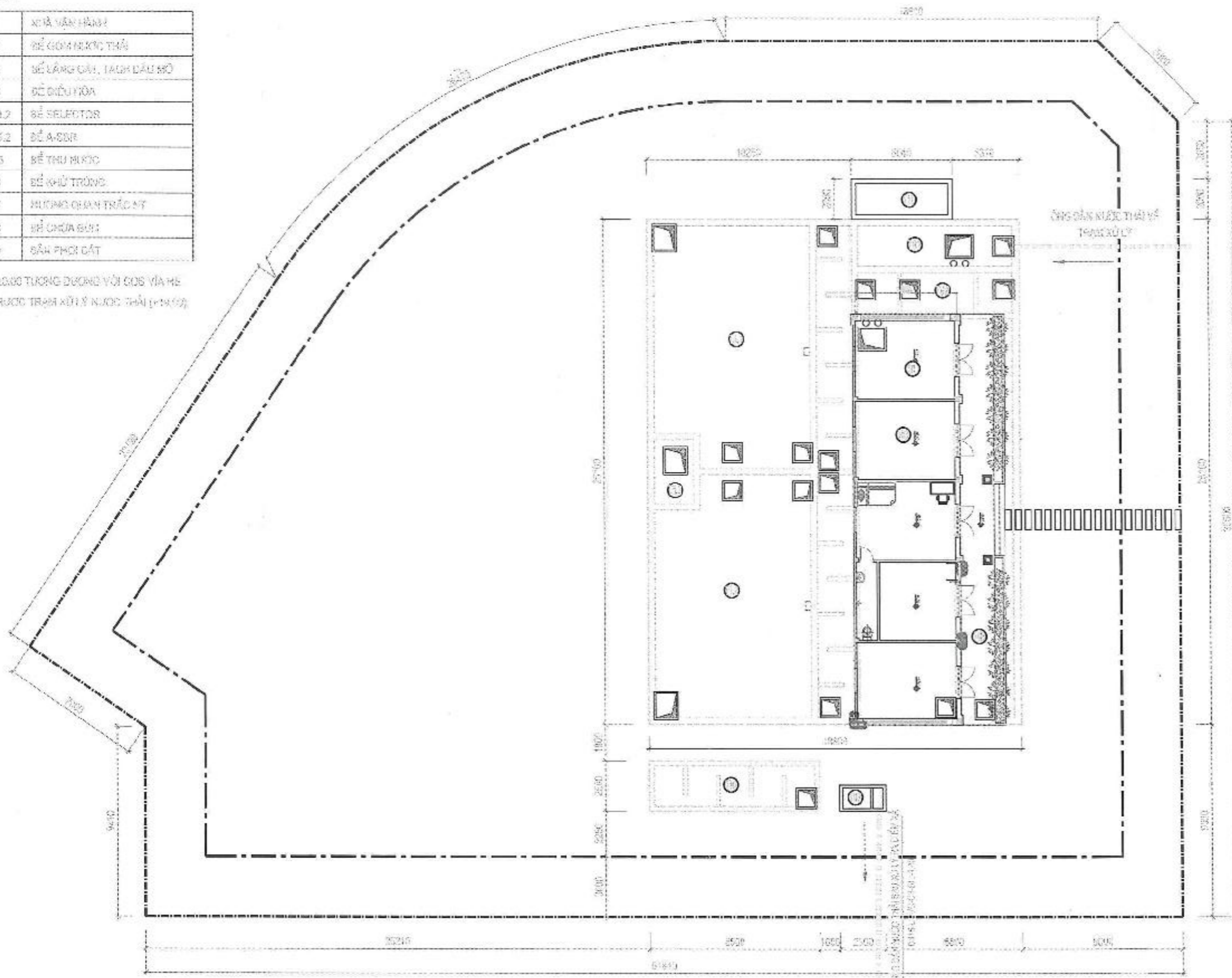
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ: 1/200

CHỮ THÍCH:

01	XI TÀ NẢM HẦM
T01	BỂ GOM NƯỚC THẢI
Y02	BỂ LẮNG CÀM, TÁCH DẦU MỖ
T02	ĐỒ ĐIỀU KHIỂN
T1.1-T1.2	BỂ SELECTOR
T5.1-T5.2	BỂ A-SBR
T5.3	BỂ THU NƯỚC
T03	BỂ KHỬ TRÙNG
T07	HƯỚNG CHỈ DẪN TỰ ĐỘNG
T08	BỂ CHỨA BỤI
T09	BẦY PHỐI GÁT

- CDS LƯU TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CDS VÀ MỀM MẶT TRƯỚC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (T1X.02)



KHU DỒ THỊ SỐ 14, XÃ BÀ XUYỀN
TP HỒ CHÍ MINH, THẢI NGUYỄN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN AAC VIỆT NAM VÀ ĐỐI TÁC
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG CÁN: 1300000000



XÃ BÀ XUYỀN
TP HỒ CHÍ MINH, THẢI NGUYỄN
M. S. D. N. 0102526518
CÔNG TY CỔ PHẦN AAC VIỆT NAM VÀ ĐỐI TÁC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
NHM VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG HẠM VIỆT
HÀ NỘI

PHẠM ĐỨC
KHOA KỸ THUẬT

HỌ TÊN	CHỨC VỤ
PHẠM ĐỨC	KHOA KỸ THUẬT

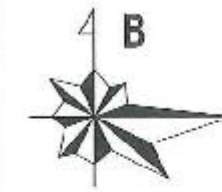
CHUYÊN THỰC HIỆN:
BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

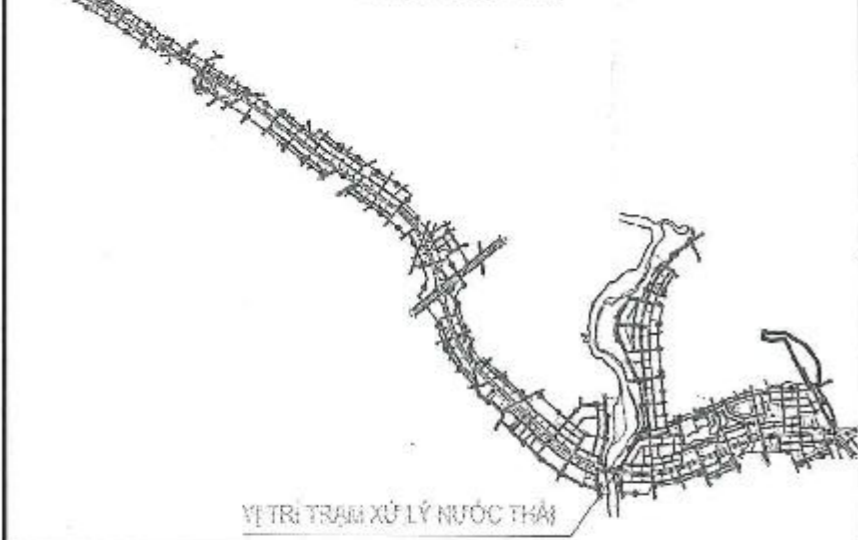
SỐ HỌ TÊN	TRỌNG	THỜI GIAN
144	1/200	15/05/2014
144	1/200	15/05/2014

MẶT BẰNG VỊ TRÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

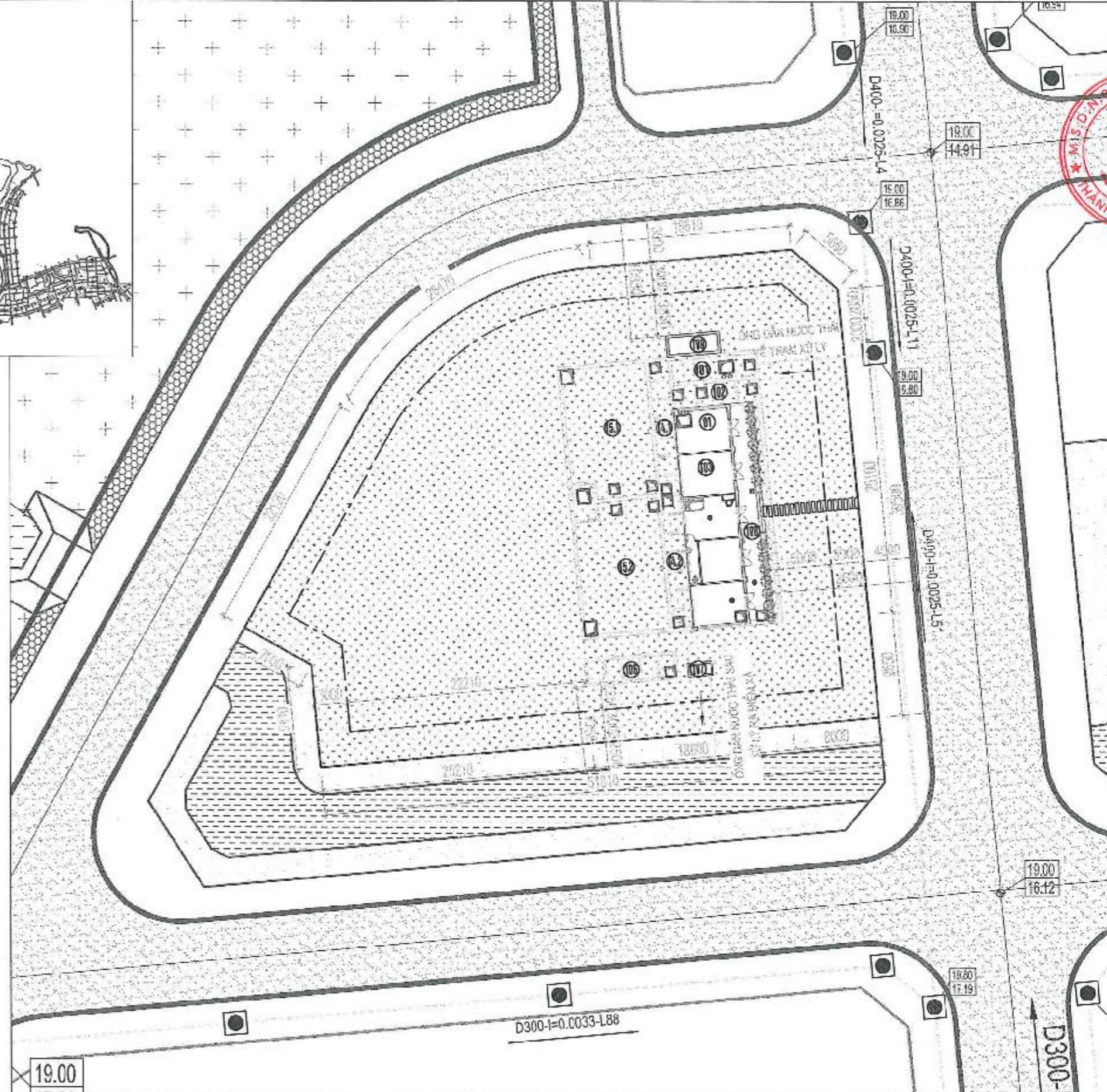
TỶ LỆ: 1/400



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



VỊ TRÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

- T01: HỒ THU NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
- T02: BỂ TÁCH CÁT, DẦU MỠ
- T03: BỂ ĐIỀU HÒA
- T4.1, T4.2: BỂ SELECTOR
- T5.1, T5.2: BỂ A-SBR
- T06: BỂ KHỬ TRÙNG
- T07: MƯƠNG QUAN TRẮC NƯỚC THẢI
- T08: BỂ NÉN BÙN
- T09: SÀN PHỐI CÁT
- 01: NHÀ VẬN HÀNH

- CHỈ GIỚI LỘ ĐẤT
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- TUYẾN ỐNG NƯỚC THẢI

- LỐI ĐI VÀO TRẠM
- TRỒNG CỎ LÁ TRE
- CÂY XANH
- CAO ĐỘ MẶT ĐE
- CAO ĐỘ ĐÁY BỂ

Dự Án: KHU ĐÔ THỊ SỐ 1B, XÃ BÀ XUYỀN TP SÔNG CÔNG, THÁI NGUYÊN		
GỢI THẦU: LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ, TMDT VÀ TK BẢN VẼ THI CÔNG, DỰ TOÁN CHI TIẾT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1500M³/NGD		
ĐỊA ĐIỂM: XÃ BÀ XUYỀN TP SÔNG CÔNG, THÁI NGUYÊN		
CHỦ ĐẦU TƯ: HIỆN DANH CÔNG TY CP ACC VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CP BẤT ĐỘNG SẢN HANO-VIET		
PCN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT NAM VIET ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY ĐC: 1/10C, PHẠM ĐÌNH CHỚT, THƯỜNG LỆT, THANH XUÂN, HÀ NỘI Đ: 0247.797.884 - EMAIL: NVEC.JSC@GMAIL.COM		
P. GIÁM ĐỐC: NGUYỄN BÁ NGỌT		
CHỦ NHIỆM	NGUYỄN THỊ HOÀN	
CHỦ TRÌ	VÕ TH THU THỦY	
THIẾT KẾ	NGÔ GIA KHIÊM	
KIỂM	NGUYỄN THỊ HOÀN	
G. ĐOẠN THỰC HIỆN: BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG VỊ TRÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
SỐ HỢP ĐỒNG	55/2024/HĐTVTK/ACC&HNV-NV	
NĂM	TỶ LỆ	KÝ HẸU BẢN VẼ
2024	1/400	TXLNT.CN.01

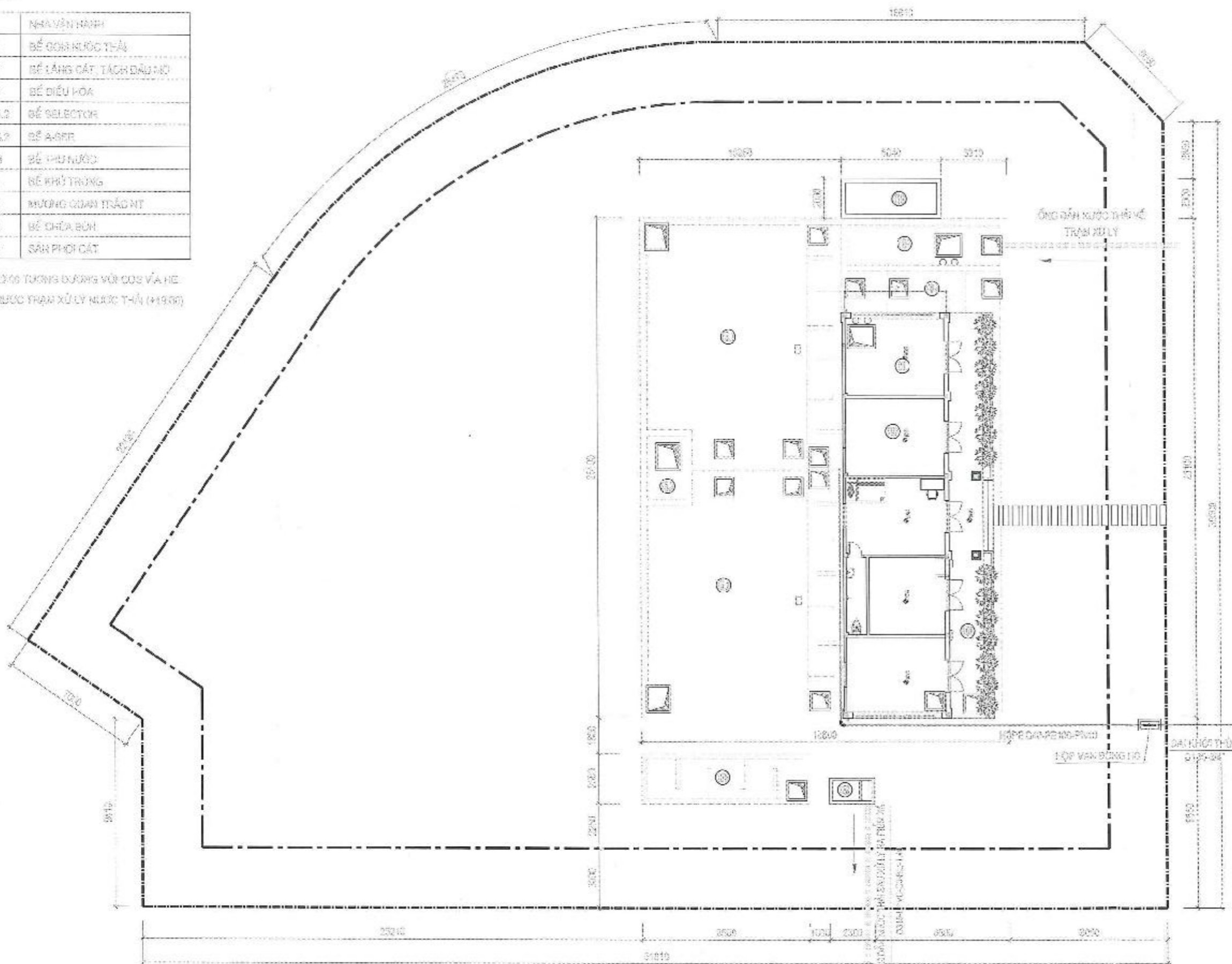
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ: 1/200

CHỨC NĂNG

01	NHÀ VỆNH HẠNH
T01	BỂ GOM NƯỚC THẢI
T02	BỂ LẮNG CÁT, TÁCH DẦU MỠ
T03	BỂ ĐIỀU KHIỂN
T4.1, T4.2	BỂ SELECTOR
T5.1, T5.2	BỂ A-SBR
T5.3	BỂ CHỮ NƯỚC
T06	BỂ KHỬ TRÙNG
T07	MƯƠNG QUẢN TRÁO NT
T08	BỂ CHỨA BÙN
T09	SÂN PHỐI CÁT

- COS 1:500 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI COS VĨA HE
MẶT TRƯỚC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (1:1000)



DIỆN
KHU DỒ THỊ SỐ 14, XÃ BÀ XUYỀN
TP SÔNG CẢNG, TRÁI NGUYÊN

QUY THẠCH
LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC VÀ
TİK BẢN VẼ THỊ CÔNG, DỰ TOÁN CHI TIẾT
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 15000M³/NGÀY

SƠ KẾT
KÃ BÀ XUYỀN
SÔNG, TRÁI NGUYÊN



ĐƠN VỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM VÀ
ĐỒNG SÀN HANGVIB

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM VIỆT

NGHỆ SĨ: NGUYỄN VĂN THỌ
KỸ SƯ: NGUYỄN VĂN THỌ
CÁC CÔNG VIỆC KHÁC: NGUYỄN VĂN THỌ

PHỤ LỤC

NGUYỄN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN THỌ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

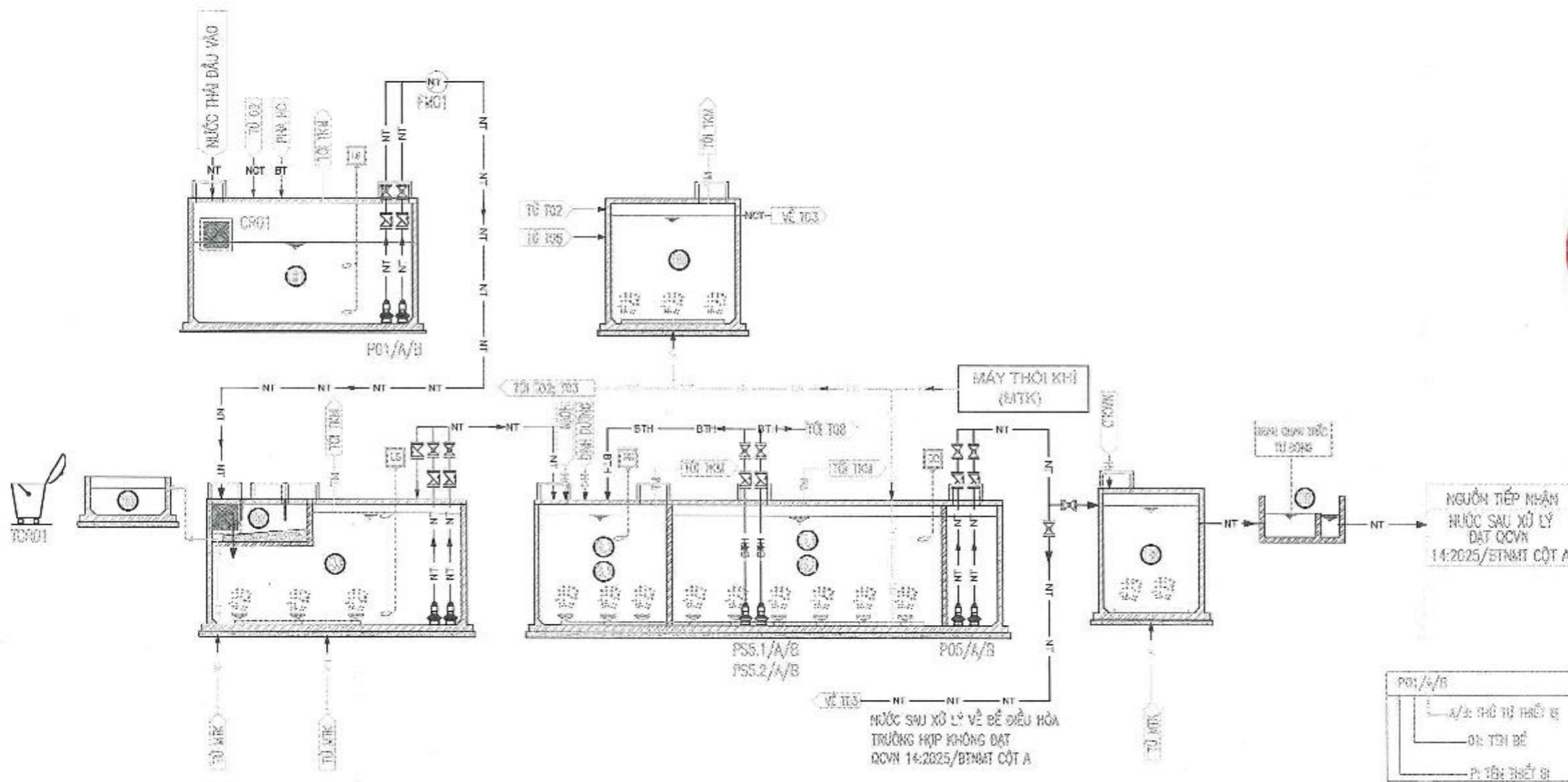
SỐ HỢP ĐỒNG: 15/2024/HTV-CHIA/CHIA-VN

NĂM: 2024

TRANG: 002

TRANG: 002

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

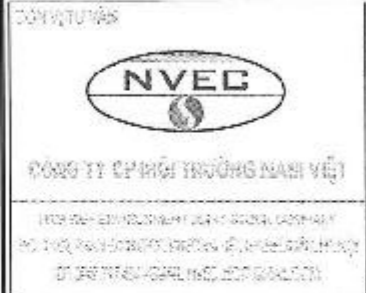


Địa điểm: XÃ BÀ SUYỀN
TP SÔNG CÔNG, THẢI NGUYỄN

CƠ THAO: LỰU SỐ 30 THIẾT KẾ CỘT SỔ, THIẾT VÀ
THI CÔNG VÀ TH CÔNG, DỰ TOÁN THI CÔNG
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 100000000

Địa điểm: XÃ BÀ SUYỀN
TP SÔNG CÔNG, THẢI NGUYỄN

THÀNH DANH
CÔNG TY CỔ PHẦN AAC VIỆT NAM VÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SÂU HANG-VIN



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG NAM VIỆT
MỌI THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ DỰ ÁN VÀ CÔNG VIỆC
XÂY DỰNG VÀ THI CÔNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP
ĐIỀU KIỆN VÀ ĐƯỢC CHẤM Duyệt

STT	KÝ HIỆU	CHỨC THẠCH	STT	KÝ HIỆU	CHỨC THẠCH	STT	KÝ HIỆU	CHỨC THẠCH	STT	KÝ HIỆU	CHỨC THẠCH
	NT	BUỒNG NƯỚC THẢI		HC	BUỒNG HỒN CHẤT		DB	VAN BI KẾT NỐI NÉN, DẪN KÉO		CK	BỘNG CƠ KHUẤY
		BUỒNG CẤP NƯỚC		HS	BUỒNG NƯỚC SẠCH		Δ	VAN BỊ CHẾ LẠI		CS	THIẾT BỊ ĐO MỨC NƯỚC
	TH	BUỒNG THU MỘT		RT	BUỒNG XẢ RÁC		CM	CHỚP HỒ MỀM CAO SU		MT	THIẾT BỊ ĐO PH
	BT	BUỒNG BƠM THẢI		BO	BUỒNG XẢ ĐẦU XỐ		CB	BƠM CHẾM		TD	THIẾT BỊ ĐO DO
	BTH	BUỒNG BƠM TUẦN HOÀN		CT	BUỒNG XẢ ĐÁT		CB	BƠM ĐẶT CỤN		BL	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
	NCT	BUỒNG NƯỚC THẢI CHẤY TRẦN		Δ	VAN ĐIỀU KHIẾT NƯỚC KẾP		MTK	MÁY THỔI KHÍ ĐẶT CỤN		DL	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

CP: CỬA PHAI	TR: THIẾT BỊ TÁCH RÁC TÍNH	DO: THIẾT BỊ ĐO DO	⊙: BỂ THU NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO	⊙: BỂ KHỬ TRÙNG
CR: SONG CHẶN RÁC THỎ	FM: THIẾT BỊ ĐO LƯU LƯỢNG	PC: BƠM TRỤC VÍT	⊙: BỂ LẮNG CÁT, TÁCH DẦU MỠ	⊙: MƯƠNG QUAN TRÁC
LB: PHẠC ĐẢO MỨC NƯỚC	MK: THIẾT BỊ KHUẤY TRỘN	AC: MÁY NÉN KHÍ	⊙: BỂ ĐIỀU HÒA	⊙: BỂ CHỨA BÓN
P: BƠM NƯỚC, BƠM ĐẶT CHÌM	PH: THIẾT BỊ ĐO PH	GH: QUẠT HÚT MỒI	⊙: BỂ SELECTOR	⊙: SÀN PHƠI CÁT
TCR: THÔNG CHỨA CHẤT THẢI			⊙: BỂ A-SBR	⊙: THÁP KHỬ MỒI

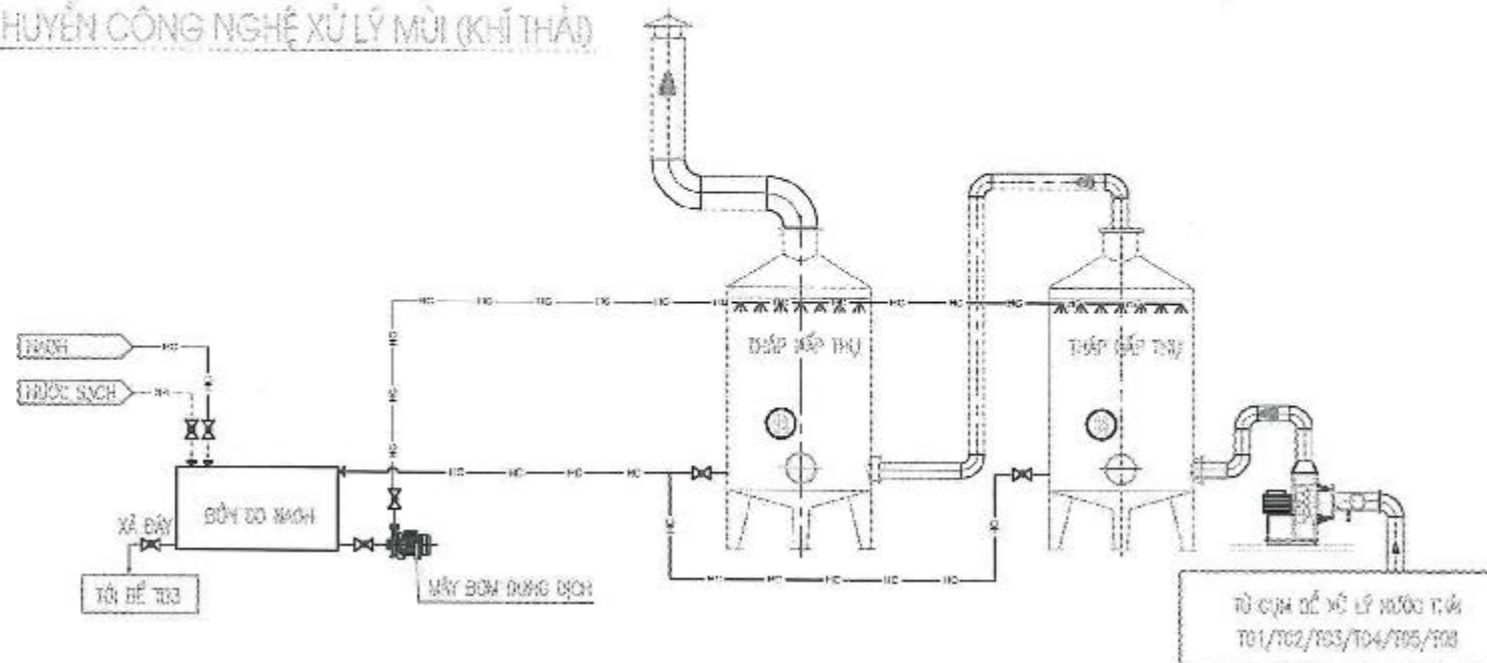
Chủ nhiệm:	NGUYỄN THỊ THẠCH
Thiết kế:	NGUYỄN THỊ THẠCH
Kiểm tra:	NGUYỄN THỊ THẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG NAM VIỆT
BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

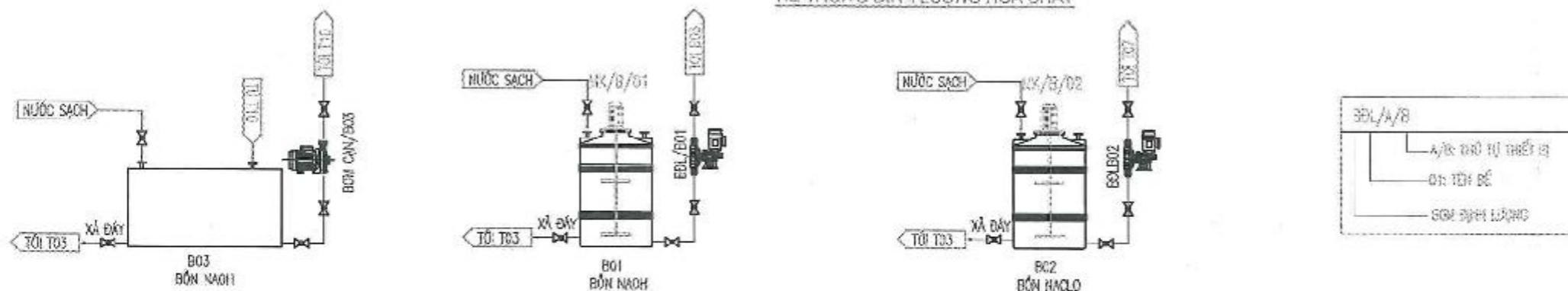
Địa điểm: XÃ BÀ SUYỀN
TP SÔNG CÔNG, THẢI NGUYỄN
SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (1/2)

Ngày lập:	Ngày duyệt:	Ngày in:
14/02/2025	14/02/2025	14/02/2025

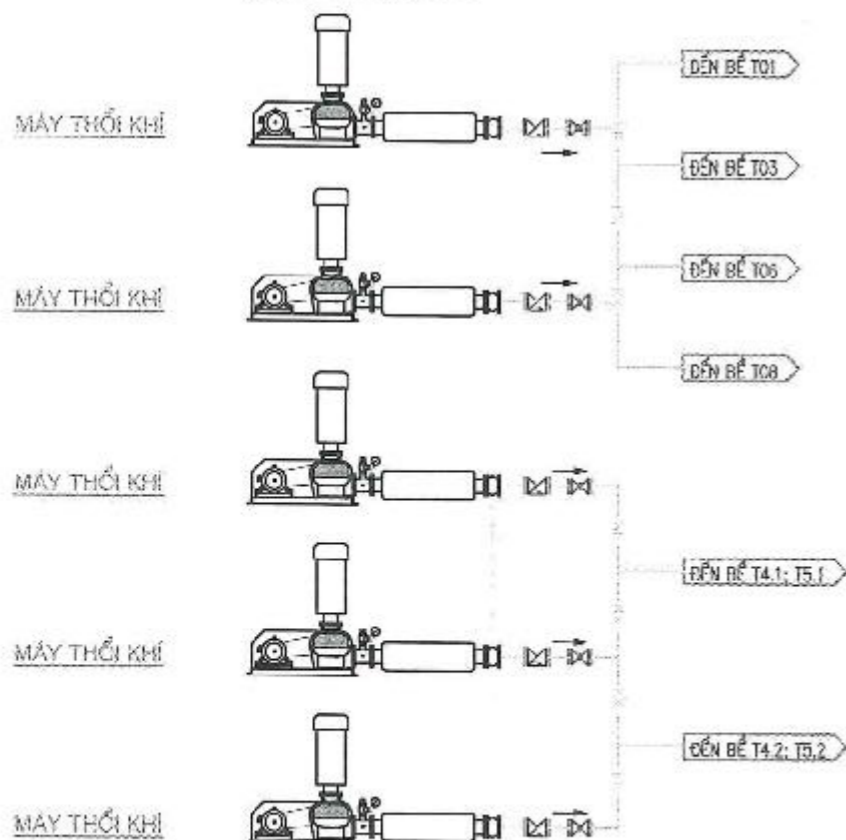
SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ XỬ LÝ MÙI (KHÍ THẢI)



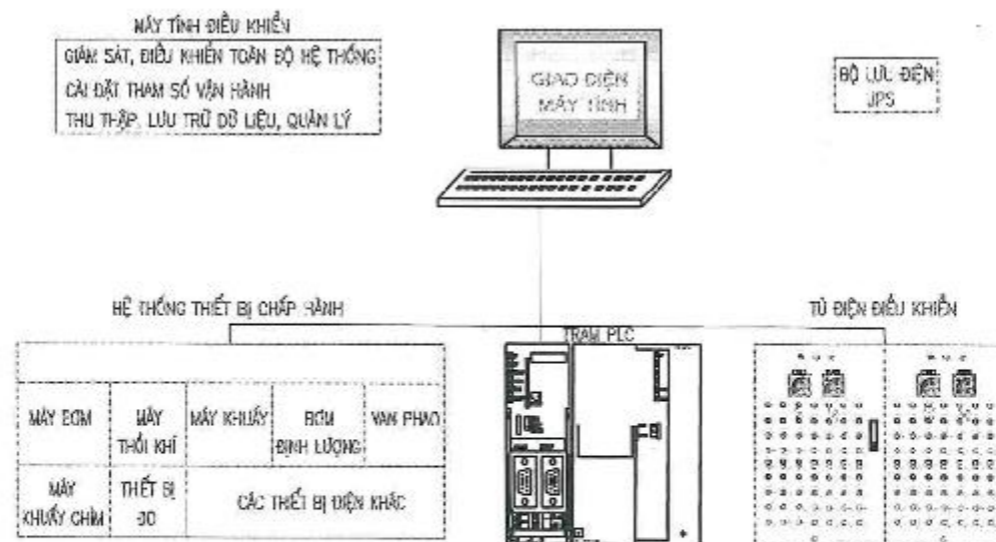
HỆ THỐNG ĐỊNH LƯỢNG HOA CHẤT



HỆ THỐNG CẤP KHÍ



SƠ ĐỒ KHỐI ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG



QUY MÔ:
Khu đô thị số 16, xã Bắc Xuyên
TP Sông Công, Thái Nguyên

QUY MÔ:
Cấp hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế
kỹ thuật và thi công, dự toán chi tiết
trạm xử lý nước thải
công suất 1000m³/ngày

Địa điểm:
Xã Bắc Xuyên
TP Sông Công, Thái Nguyên



Chủ đầu tư:
HỆM ĐÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM VÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC ĐỘNG HÀ NỘI-VIỆT

Đơn vị tư vấn:



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Địa chỉ: 11/11 Nguyễn Văn Linh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 04.2240.1111 - 04.2240.1112

Kinh doanh:

Quy trình thi công:

Chủ trì:	Nguyễn Thị Ngọc	
Chủ trì:	Kỹ thuật thi công	
Thiết kế:	Thiết kế cơ sở	
Thiết kế:	Thiết kế kỹ thuật	

Đơn vị thực hiện:

Bản vẽ thiết kế cơ sở

Ngày:

Thiết kế:

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (2/2)

Họ và tên:	Nguyễn Văn Tuấn	
Họ:	Tên:	Ký hiệu bản vẽ:
20/		TXNF-CN.03

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 559 /2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MINH THÁI
Địa chỉ quan trắc : Khu đô thị số 1B xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Không khí Ngày lấy mẫu : 24/12/2024
Ngày nhận mẫu : 25/12/2024 Ngày phân tích : 25/12/2024
Tên mẫu : Không khí

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT TB 1h
				KK1	KK2	KK3	KK4	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012 /BTNMT	24,6	25,1	25,3	24,9	-
2	Độ ẩm	%RH		42,2	45,1	43,2	41,9	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,8	0,3	0,2	1,6	-
4	Hướng gió	°		332 °TB	6 °B	39 °ĐB	311 °TB	-
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878- 2:2018	41,6	47,2	42,3	45,1	70 (a)
6	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	86,67	96,67	80,00	90,00	300
7	CO	µg/Nm ³	VNEM.CO	< 2600 (MDL)	< 2600 (MDL)	< 2600 (MDL)	< 2600 (MDL)	30000
8	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	83,43	45,88	66,74	70,92	350
9	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	46,36	54,64	56,29	36,42	200

Ghi chú:

- KK1: Mẫu không khí lấy tại phía Đông dự án (X=2377038,0; Y=429893,5);
- KK2: Mẫu không khí lấy tại phía Tây dự án (X=2377095,8; Y=429581,2);
- KK3: Mẫu không khí lấy tại phía Nam dự án (X=2377364,1; Y=429792,1);
- KK4: Mẫu không khí lấy tại phía Bắc dự án (X=2377054,5; Y=429805,8);
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngược lại toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường.

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hồ sơ lưu giữ mẫu, VIMCERTS không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại liên quan đến nghiệm thu khác không.

4. Đồng ý về mẫu, tên khách hàng được giữ theo yêu cầu của người gửi mẫu.



- (-) Không nằm trong quy chuẩn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QA/QC

Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH

Ths. Nguyễn Mạnh Tuấn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Lê Đạt

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật môi trường.
2. Các kết quả thu nghiệm ghi trong phần này chỉ có giá trị đối với mẫu đưa nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày tra kết quả. Thời gian lưu mẫu VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thu nghiệm của khách hàng.
4. Thông tin về mẫu, tài liệu kèm theo, ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 560 /2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MINH THÁI
Địa chỉ quan trắc : Khu đô thị số 1B xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Mẫu đất loại 1 Ngày lấy mẫu : 24/12/2024
Ngày nhận mẫu : 25/12/2024 Ngày phân tích : 25/12/2024
Tên mẫu : Mẫu đất

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2023 / BINMT
				MD01	MD02	
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3050B SMEWW 3114B:2023	5,5	4,2	25
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B SMEWW 3111B:2023	<30 (LOQ)	56,4	200
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3050B SMEWW 3111B:2023	79,2	48,0	300
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3050B SMEWW 3111B:2023	27,5	19,1	150

Ghi chú:

- MD01: Mẫu đất 1 bên trong dự án (X=2377141,5; Y=429928,1);
- MD02: Mẫu đất 2 bên trong dự án (X=2377086,7; Y=429801,8);
- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích.

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QA/QC

TP. PHÂN TÍCH

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Tào Văn Chí

ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

Nguyễn Lê Đạt

- Kết quả này không được phép sao chép, in ấn, hoặc công bố, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu 2 ngày, kể từ ngày lấy kết quả. Hải hiệu quan âm mẫu, VNEM không chịu trách nhiệm về việc chuyển lại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 561 /2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MINH THÁI
Địa chỉ quan trắc : Khu đô thị số 1B xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Nước mặt Ngày lấy mẫu : 24/12/2024
Ngày nhận mẫu : 25/12/2024 Ngày phân tích : 25/12/2024
Tên mẫu : Nước mặt

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 3 Mức B
				NM1	NM2	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,5	7,8	6,0 – 8,5
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,1	5,28	≤ 6
3	COD	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	14,08	14,72	≤ 15
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	12	8	≤ 15
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-,E:2023	1,06	0,88	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,045	< 0,003 (MDL)	0,05
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,03	< 0,01 (MDL)	0,3
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0002 (MDL)	< 0,0002 (MDL)	0,001
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,002 (MDL)	< 0,002 (MDL)	0,02
10	Phosphat	mg/L	TCVN 6202:2008	0,06	0,04	-
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	580	2200	≤ 5.000

1. Kết quả này không được chấp nhận chấp nhận phân, người sử dụng họ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường.

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu 3 ngày, kể từ ngày tạo kết quả, thời gian giao lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khách hàng gửi qua địa chỉ khác của khách hàng.

4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

Ghi chú:

- **NM1:** Nước mặt 1 bên trong dự án (X=2377288,3; Y=429882,9);
- **NM2:** Nước mặt 2 bên trong dự án (X=2377118,2; Y=429714,1);
- **QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 3)** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt:
Mức B - Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do 1 lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;
- **MDL:** Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích;
- (-) Không nằm trong quy chuẩn.

Hà Nội, ngày... tháng năm 2024

QA/QC

Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH

ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Lê Đạt

557
TY
IÂN
C
NAM
3 HA

1. Kết quả này không được phép sao chép, tăng phần, người trí toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu 3 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hải thời gian lưu mẫu, VNCEM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
4. Thông tin về mẫu, tài khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 562 /2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MINH THÁI
Địa chỉ quan trắc : Khu đô thị số 1A xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Nước ngầm Ngày lấy mẫu : 24/12/2024
Ngày nhận mẫu : 25/12/2024 Ngày phân tích : 25/12/2024
Tên mẫu : Nước ngầm

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 09:2023 /BTNMT
				NN1	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5,8 – 8,5
2	TDS	mg/L	VNCM.TDS	292	1500
3	Độ cứng	mg/L	TCVN 6224:1996	50	500
4	COD	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	12,8	-
5	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,23	15
6	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,003 (MDL)	1
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	< 0,01 (MDL)	1
8	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,05 (MDL)	5
9	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:202	< 0,03 (MDL)	0,5
10	Phosphat	mg/L	TCVN 6202:2008	< 0,03 (MDL)	-
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 (MDL)	3

Ghi chú:

- NN1: Nước ngầm bên trong dæ án (X=2377351,5; Y=429890,2);

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu thông được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường.

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu 3 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hệ thống quản lý mẫu, VIMCERTS không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

4. Trường hợp vô mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN
CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN

Tên dự án: Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công

Thời gian họp: ngày 20.. tháng 09.. năm 2025.

Địa chỉ nơi họp: UBND phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên

1. Thành phần dự họp:

1.1. Đại diện UBND phường Bá Xuyên:

Ông (bà): ...*Nguyễn Văn Khoa*..... Chức vụ: *Chủ tịch UBND phường Bá Xuyên*

Ông (bà): ...*Nguyễn Quốc Bảo*..... Chức vụ: *Chủ tịch UBND phường Bá Xuyên*

1.2. Đại diện chủ dự án:

Ông (bà): ...*Hà Thị Tú*..... Chức vụ: *Chủ tịch*

Ông (bà): ...*Nguyễn Văn Bình*..... Chức vụ: *Chủ tịch*

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Ông (bà): ...*Phạm Thu Hiền*..... Chức vụ: *Chủ tịch*

Ông (bà): ...*Phạm Minh Đức*..... Chức vụ: *Chủ tịch*

1.4. Đại biểu tham dự:

Đại diện dân cư khu vực xung quanh Dự án (*chi tiết tại bảng kèm theo*).

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp

2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần dự họp

Ông (bà)*Nguyễn Văn Khoa*..... giới thiệu thành phần tham dự và thông báo lý do tổ chức cuộc họp lấy ý kiến tham vấn của cộng đồng dân cư đối với Dự án “Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công”.

2.2. Đại diện chủ dự án trình bày nội dung tham vấn:

- Dự án thực hiện với tổng diện tích 324.913 m² thuộc địa bàn phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên. Vị trí ranh giới: Phía Đông giáp đường Khu đô thị số 1A theo quy hoạch. Phía Tây giáp sông Công. Phía Nam giáp khu dân cư, đất nông nghiệp, chùa La Cảnh. Phía Bắc giáp khu dân cư và khu đất nông nghiệp.

- Tác động môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công hoạt động, từ các phương tiện vận chuyển.

+ Liên quan đến chất thải: nước thải sinh hoạt và thi công; bụi, khí thải từ phát quang, san lấp, vận chuyển; rác sinh hoạt công nhân, đất đá đào đắp; chất thải nguy hại như giẻ lau, hộp sơn, bóng đèn...



- Tác động môi trường trong giai đoạn vận hành:

- Không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông, trạm xử lý nước thải.

+ Liên quan đến chất thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh 724 m³/ngđ. Bụi phát sinh từ hoạt động giao thông, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, khí thải từ điều hòa; mùi phát sinh từ bếp ăn. Chất thải rắn bao gồm rác thải sinh hoạt, bùn thải từ hệ tự hoại và trạm xử lý nước thải.

- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Không liên quan đến chất thải: Quản lý chặt chẽ phương tiện vận chuyển, thi công xây dựng và thời gian hợp lý, thi công nhanh gọn tránh kéo dài thời gian

+ Liên quan đến chất thải: Dự án sẽ làm rãnh thoát nước tạm quanh khu vực, bố trí hố ga lắng bùn và nạo vét thường xuyên. Nước rửa xe, thiết bị được thu vào hố lắng để tái sử dụng; nước thải sinh hoạt được thu gom từ 2 nhà vệ sinh 3 buồng và xử lý định kỳ. Rác thải sinh hoạt được bố trí nhiều điểm thu gom, khuyến khích phân loại rác; chất thải nguy hại lưu chứa riêng với 4 thùng 120L.

- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn vận hành:

+ Không liên quan đến chất thải: Hạn chế tốc độ trong khu dân cư, bố trí biển báo an toàn, quy định nội quy sinh hoạt trong khu dân cư.

+ Liên quan đến chất thải: Nước thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động sẽ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung ở dự án 1B với tổng công suất là 1.500 m³/ngđ. Lắp đặt hệ thống xử lý mùi, trồng nhiều cây xanh quanh khu vực dự án. Các hộ dân sẽ tự chịu trách nhiệm thu gom và vận chuyển đến địa điểm tập kết chất thải trong dự án. Các hộ dân có nghĩa vụ phân loại, thu gom, lưu giữ và quản lý, xử lý đối với nguồn chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo quy định.

- Cam kết của chủ dự án

+ Cam kết chung: Chủ dự án cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong suốt quá trình thi công và vận hành. Nội dung báo cáo ĐTM sẽ được công khai tại địa phương để cộng đồng giám sát. Dự án đảm bảo tuân thủ quy hoạch, tiêu chuẩn thiết kế và xây dựng hạ tầng đồng bộ, đồng thời bố trí khu vực lưu giữ vật liệu hợp lý, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh.

+ Cam kết tuân thủ tiêu chuẩn môi trường: Chủ dự án cam kết kiểm soát chất lượng không khí, tiếng ồn, nước thải, nước mưa và chất thải rắn phát sinh từ dự án theo đúng các quy định hiện hành. Mọi chất thải sẽ được thu gom, xử lý đúng quy trình, không để rơi vãi, phát tán ra môi trường, bảo đảm vệ sinh và an toàn cho khu vực xung quanh dự án.

+ Cam kết quản lý và kiểm soát ô nhiễm: Chủ dự án cam kết công khai thông tin, tiến độ thực hiện, bố trí đầy đủ nguồn lực tài chính và nhân sự để thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong suốt quá trình xây dựng và vận hành. Dự án sẽ thực hiện nghiêm các quy định pháp luật, chấp hành quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, và chịu trách nhiệm khắc phục, bồi thường khi xảy ra sự cố môi trường, bảo đảm an toàn cho cộng đồng và môi trường xung quanh.

- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp phường về các nội dung tham vấn.

+ Ý kiến của ông (bà):

Tôi hoàn toàn đồng ý về những biện pháp đã nêu tại buổi
tham vấn. Tôi đề nghị phía chủ đầu tư cần thực hiện nghiêm
túc với những cam kết đã nêu ra tại buổi họp.

+ Ý kiến của ông (bà):

Tôi hoàn toàn đồng tình với những đánh giá tại đây về các
biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu tại buổi họp. Tuy nhiên
chủ đầu tư cần thực hiện và duy trì thời lượng và chất
lượng các việc hành để đảm bảo chất lượng không gây ô
nhiễm môi trường.

+ Ý kiến của ông (bà):

Tôi hoàn toàn đồng tình với những đánh giá về biện pháp
của chủ đầu tư để đảm bảo duy trì tại buổi họp.

+ Ý kiến của ông (bà):

+ Ý kiến của ông (bà):

+ Ý kiến của ông (bà):

11/11/2024 10:00
11/11/2024 10:00

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu, giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng:

Ông (bà)...*Nghĩa... Trung... Sơn*..... đại diện chủ dự án cảm ơn các ý kiến trao đổi rất quý báu của đại biểu tham dự, xin tiếp thu các ý kiến trên và nghiêm túc triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

3. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp

Ông (bà).....*Hoàng... Văn... Pha*..... tổng hợp nội dung:

Cam kết chính quyền địa phương và chủ đầu tư sẽ kịp thời tiếp nhận, xử lý các ý kiến phản ánh của người dân liên quan đến tác động của dự án. Mọi ý kiến sẽ được lập văn bản ghi nhận và có văn bản trả lời rõ ràng, minh bạch. Trường hợp dự án có ảnh hưởng trực tiếp nhà ở người dân, UBND phường sẽ phối hợp với chủ đầu tư lập biên bản hiện trạng trong và ngoài nhà; nhà thầu có trách nhiệm bồi thường, đưa ra giải pháp hợp lý.

Ông (bà).....*Hoàng... Văn... Pha*..... tuyên bố kết thúc cuộc họp.

Biên bản lập xong hồi ..*16* giờ ..*30* phút cùng ngày, được lập thành 03 (ba) bản, giá trị như nhau; đã được đọc lại cho các thành phần có mặt cùng nghe và thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÁ XUYÊN



KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Văn Pha

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Văn



**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
PHƯỜNG BÁ XUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49 /CV-MTTQ

V/v: ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện
đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khu đô thị 1B, xã Bá Xuyên, thành phố
Sông Công

Bá Xuyên, ngày 23 tháng 9 năm 2025

**Kính gửi: Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và
Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID**

Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên nhận được văn bản số 84 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. Sau khi xem xét, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên có ý kiến như sau:

1. Về vị trí dự án

Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 324.913 m² tại xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công (phường Bá Xuyên) đúng như trong báo cáo.

2. Về các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

- Các tác động đối với môi trường tự nhiên xã hội trong khu vực dự án bao gồm: các tác động đến môi trường không khí, tác động từ nước thải và nước mưa chảy tràn đến môi trường nước và đất, tác động từ chất thải rắn đến môi trường.

- Hoạt động thi công xây dựng dự án làm tăng lưu lượng các phương tiện vận chuyển và làm phát sinh bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu thi công trên công trường, gây ảnh hưởng xấu tới người dân và môi trường xung quanh khu vực dự án;

- Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên thống nhất với các tác động môi trường đã nêu ra trong báo cáo.

3. Về các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên đồng ý với các biện pháp giảm thiểu đã nêu ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường: phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên đồng ý với chương trình quản lý và giám sát môi trường, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã đề ra trong báo cáo.

5. Kiến nghị đối với chủ dự án:

- Đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng đến khu vực công trình, tránh làm ảnh hưởng tới đời sống cộng đồng và an ninh tại địa phương.

- Trong quá trình thi công, yêu cầu đơn vị thi công cần rào chắn tôn bao quanh khu đất dự án và có các biển báo, đèn báo (nếu cần thiết) để đảm bảo an toàn cho người dân sinh sống lân cận khu vực dự án.

- Đồng thời trong quá trình thi công, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và các ban ngành liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

- Đề nghị chủ đầu tư thực hiện đúng các cam kết, biện pháp bảo vệ môi trường để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường và sức khỏe của người dân như đã đề ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên gửi Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu MTTQ.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH



Ngô Quảng Bá

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÁ XUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 823/UBND-KTHT&ĐT

Bá Xuyên, ngày 23 tháng 9 năm 2025

V/v: ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công

Kính gửi: Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID

UBND phường Bá Xuyên nhận được văn bản số 84 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công. Sau khi xem xét, UBND phường Bá Xuyên có ý kiến như sau:

1. Về vị trí dự án

Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 324.913 m² tại xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công (nay là phường Bá Xuyên) đúng như trong báo cáo.

2. Về các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng:

- Các tác động đối với môi trường tự nhiên xã hội trong khu vực dự án bao gồm: các tác động đến môi trường không khí, tác động từ nước thải và nước mưa chảy tràn đến môi trường nước và đất, tác động từ chất thải rắn đến môi trường.

- Hoạt động thi công xây dựng dự án làm tăng lưu lượng các phương tiện vận chuyển và làm phát sinh bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu thi công trên công trường, gây ảnh hưởng xấu tới người dân và môi trường xung quanh dự án;

- Ủy ban nhân dân phường Bá Xuyên thống nhất với các tác động môi trường đã nêu ra trong báo cáo.

3. Về các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Ủy ban nhân dân phường Bá Xuyên đồng ý với các biện pháp giảm thiểu đã nêu ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- UBND phường Bá Xuyên đồng ý với chương trình quản lý và giám sát môi trường, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã đề ra trong báo cáo.



VP UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86 /TTTT-HCC

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 9 năm 2025

V/v thông tin kết quả đăng tham vấn,
đánh giá tác động môi trường trên
Công Thông tin điện tử tỉnh TN

Kính gửi: Liên danh Công ty cổ phần AAC Việt Nam và
Công ty Cổ phần bất động sản hano-VID

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên nhận được Công văn số 82/BQL ngày 08/8/2025 của Liên danh Công ty cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần bất động sản hano-VID về việc Thông tin tham vấn đánh giá tác động môi trường dự án: Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công tại xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên).

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng công khai nội dung xin ý kiến tại chuyên mục Bảo vệ môi trường trên Công Thông tin điện tử tỉnh, đến ngày 8 tháng 9 năm 2025, Công Thông tin điện tử tỉnh ghi nhận không có ý kiến tham gia góp ý vào báo cáo tham vấn đã đăng.

Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên thông tin đến Liên danh Công ty cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần bất động sản hano-VID để biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc TTTT;
- Lưu: VT, HCC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiên Thành

DANH SÁCH CÁC ĐẠI BIỂU THAM DỰ CUỘC HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA DỰ ÁN

STT	Họ tên	Chức vụ/ Nghề nghiệp	Địa chỉ	Ký tên
1	Hoàng Văn Pha	Thủ Chủ tịch	UBND phường Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
2	Đinh Công Phương	Chủ tịch VP	UBND phường Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
3	Tình Quang Hưng	Tướng phòng	UBND phường Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
4	Nguyễn Đức Thành	Mô CƯ	UBND phường Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
5	Tôn Văn Phong	CV	UBND phường Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
6	Nguyễn Thị Như Hương	CV	UBND phường Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
7	Ngô Quảng Bá	Chỉ huy MTTQ	UBND phường Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
8	Nhiệm Văn Tân	Chủ tịch		<i>[Signature]</i>
9	Đông Thị Chớp	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
10	Đông Thị Chung	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
11	Đông Thị Báu	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
12	Đông Thanh Bằng	Làm nông	Chúc, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
13	Đông Văn Thắng	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
14	Đông Thị Tâm	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
15	Phạm Thị Hiền	Làm nông	Xứ Đào, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
16	Đông Thị Đức	Làm nông	Xứ Đào, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
17	Đông Thị Bông	Làm nông	Xứ Đào, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
18	Đông Văn Hồng	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
19	Nguyễn Thị Huệ	Làm nông	Xứ Đào, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
20	Đông Duy Hoàn	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
21	Đông Văn Lan	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
22	Đông Thị Quý	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
23	Đông Thị Đa	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>
24	Đông Văn Minh	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	<i>[Signature]</i>

STT	Họ tên	Chức vụ/ Nghề nghiệp	Địa chỉ	Ký tên
25	Đông Văn Tuấn	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Tuấn
26	Nguyễn Văn Cam	Làm nông	Xã Đao, Bá Xuyên	Cam
27	Đông Văn Nghi	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Nghi
28	Đông Thanh Huyền	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Huyền
29	Nghiêm Thị Lý	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	Lý
30	Đông Văn Gai	Tổ trưởng	TDP Chư, BX	Gai
31	Đông Quang Chung	Tổ trưởng	La Cảnh 2, BX	Chung
32	Đông Văn Hợp	Tổ trưởng	La Cảnh 2, BX	Hợp
33	Nguyễn Thị Dung	Tổ trưởng	B' trưởng tổ dân phố B' Hải	Dung
34	Dương Đình Hợp	Làm nông	La Cảnh 4, Bá Xuyên	Hợp
35	Dương Quốc Văn	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Văn
36	Dương Thái Tôn	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Tôn
37	Dương Văn Hòa	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Hòa
38	Dương Thị Tín	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	Tín
39	Dương Văn Bình	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	Bình
40	Dương Văn Đông	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	Đông
41	Dương Văn Thái	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Thái
42	Dương Thị Thi	Làm nông	La Cảnh, Bá Xuyên	Thi
43	Dương Văn Hưng	Làm nông	La Cảnh, Bá Xuyên	Hưng
44	Dương Văn Kế	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	Kế
45	Dương Văn Ngân	Làm nông	La Cảnh 1, Bá Xuyên	Ngân
46	Đào Thanh Tuấn	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	Tuấn
47	Đào Văn Quân	Làm nông	La Cảnh 2, Bá Xuyên	Quân
48	Đặng Thị Tuất	Làm nông	Bá Xuyên	Tuất
49	Đặng Văn Toàn	Làm nông	La Cảnh, Bá Xuyên	Toàn
50	Đặng Văn Vượng	Làm nông	La Cảnh, Bá Xuyên	Vượng

STT	Họ tên	Chức vụ/ Nghề nghiệp	Địa chỉ	Ký tên
51	Dương Văn Ý	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	Ý
52	Hồ Văn Thuận	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	Thuận
53	Đặng Quốc Việt	Làm nông	Bà Xuyên	Việt
54	Đặng Thành Khương	Làm nông	La Cánh 2, Bà Xuyên	Khương
55	Đặng Thị Diễm	Làm nông	Bà Xuyên	Diễm
56	Đỗ Thu Mùi	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	Mùi
57	Đỗ Thị Thanh	Làm nông	La Cánh 2, Bà Xuyên	Thanh
58	Đông Anh Nam	Làm nông	Bà Xuyên	Nam
59	Đông Diễm Cảnh	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	Cảnh
60	Đông Quang Cáp	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	Cáp
61	Đông Quang Cảnh	Làm nông	Bà Xuyên	Cảnh
62	Đông Văn Tố	Làm nông	Bà Xuyên	Tố
63	Lê Văn Loan	Làm nông	Bà Xuyên	Loan
64	Đông Văn Bi	Làm nông	Bà Xuyên	Bi
65	Lê Song Bảo	Làm nông	La Cánh 1, Bà Xuyên	Bảo
66	Lê Văn Long	Làm nông	Bà Xuyên	Long
67	Đông Văn Hằng	Làm nông	Bà Xuyên	Hằng
68	Đông Văn Vàng	Làm nông	Bà Xuyên	Vàng
69	Lê Văn Như	Làm nông	Bà Xuyên	Như
70	Đông Xuân Đô	Làm nông	Bà Xuyên	Đô
71	Đông Quang Chiêm	Làm nông	La Cánh 2, Bà Xuyên	Chiêm
72	Đông Văn Công	Làm nông	Bà Xuyên	Công
73	Đông Văn Khue	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	Khue
74	Đông Văn Lợi	Làm nông	Bà Xuyên	Lợi
75	Đông Thị Kha	Làm nông	La Cánh 2, Bà Xuyên	Kha
76	Đông Thị Ngọc	Làm nông	La Cánh 2, Bà Xuyên	Ngọc

STT	Họ tên	Chức vụ/ Nghề nghiệp	Địa chỉ	Ký tên
77	Đặng Văn Cảnh	Làm nông	la Cảnh 1	<i>[Signature]</i>
78	Đặng Văn Quý	Làm nông	Xứ Đâu	<i>[Signature]</i>
79	Đặng Văn Còi	Làm nông	la Cảnh 1	<i>[Signature]</i>
80	Đặng Văn Huỳnh	Làm nông	la Cảnh 2	<i>[Signature]</i>
81	Đặng Văn Mắm	Làm nông	Xứ Đâu	<i>[Signature]</i>
82	Đặng Văn Đền	Làm nông	la Cảnh 1	<i>[Signature]</i>
83	Đặng Văn Đàng	Làm nông	la Cảnh 1	<i>[Signature]</i>
84	Bùi Thị Hi	Làm nông	Xóm Trúe	<i>[Signature]</i>
85	Đặng Văn Trại	Làm nông	la Cảnh 1	Trại
86	Đặng Văn Thiệu	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
87	Đặng Văn Pha	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
88	Đặng Duy Hiền	Làm nông	la Cảnh 1	<i>[Signature]</i>
89	Trần Quang Thắng	Làm nông	la Cảnh 2	<i>[Signature]</i>
90	Đặng Thị Nghĩa	Làm nông	Xứ Đâu	<i>[Signature]</i>
91	Đặng Thị Kiên	Làm nông	la Cảnh 2	<i>[Signature]</i>
92	Đặng Thị Thuý	Làm nông	la Cảnh 1	<i>[Signature]</i>
93	Đặng Thị Kiên	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
94	Đặng Thị Thu	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
95	Đặng Thị Lát	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
96	Đặng Đức Tĩnh	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
97	Đặng Thị Khái	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
98	Đặng Văn Minh	Làm nông	_____	<i>[Signature]</i>
99	Hoàng Thị Uyên	Làm nông	_____ 2	<i>[Signature]</i>
100	Đặng Thị Thôi	Làm nông	la Cảnh 2	<i>[Signature]</i>
101	Phạm Thị Xuân	Làm nông	la Cảnh 1	<i>[Signature]</i>

K. V. 10/10/2015

STT	Họ tên	Chức vụ/ Nghề nghiệp	Địa chỉ	Ký tên
102	Đường Văn Thuận	Làm nông	La Cánh 1	<i>[Signature]</i>
103	Đường Văn Thành	Làm nông	La Cánh 2	<i>[Signature]</i>
104	Đường Văn Dũng	Làm nông	La Cánh 2	<i>[Signature]</i>
105	Đường Văn Hòa	Làm nông	La Cánh 2	<i>[Signature]</i>
106	Đường Văn Báo	Làm nông	La Cánh 1	<i>[Signature]</i>
107	Đường Văn Việt	Làm nông	Xứ Đâu	<i>[Signature]</i>
108	Đường Văn Tab	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
109	Đường Văn Thuận	Làm nông	La Cánh 2, Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
110	Đường Văn Văn	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
111	Đường Văn Dũng	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
112	Đường Thị Sali	Làm nông	Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
113	Đường Quang Chiến	Làm nông	Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
114	Đường Thị Đào	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
115	Đường Thị Anh	Làm nông	La Cánh, Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
116	Đường Văn Trường	Làm nông	La Cánh 2, Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
117	Nguyễn Thị Lệ	Làm nông	Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
118	Nguyễn Thanh Cường	Làm nông	Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
119	Phạm Thị Liên	Làm nông	Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>
120	Nguyễn Văn Việt	Làm nông	Bà Xuyên	<i>[Signature]</i>



Số: 82.../BQL

Bá Xuyên, ngày 08 tháng 09 năm 2025

V/v: Đề nghị đăng tải thông tin tham vấn
đánh giá tác động môi trường dự án: Khu đô
thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
- Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi tắt là ĐTM) của dự án "Khu đô thị số 1B, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công" tại xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên).

Căn cứ Khoản 4 điều 33 Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Khoản 3 điều 26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Khoản 8 điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID kính gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm thông tin tỉnh Thái Nguyên Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án để đăng tải công khai tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của dự án trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên.

Báo cáo ĐTM của dự án gửi kèm công văn này, bao gồm:

- 01 tệp tin báo cáo ĐTM bản đầy đủ được scan định dạng .pdf;
- 01 Quyển báo cáo ĐTM bản đầy đủ

Tổng hợp các ý kiến tham vấn xin gửi về Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID theo địa chỉ: tại tầng 26, tòa tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Tầng 26, tòa tháp A, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội).

Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên Trung tâm thông tin tỉnh Thái Nguyên xem xét hồ sơ, đăng tải và gửi tổng hợp ý kiến tham vấn đề Liên danh Công ty Cổ phần AAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-VID làm cơ sở hoàn thiện báo cáo ĐTM của dự án theo quy định của Pháp luật./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN AAC VIỆT NAM
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN HANO-VID



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Liên Lưu

